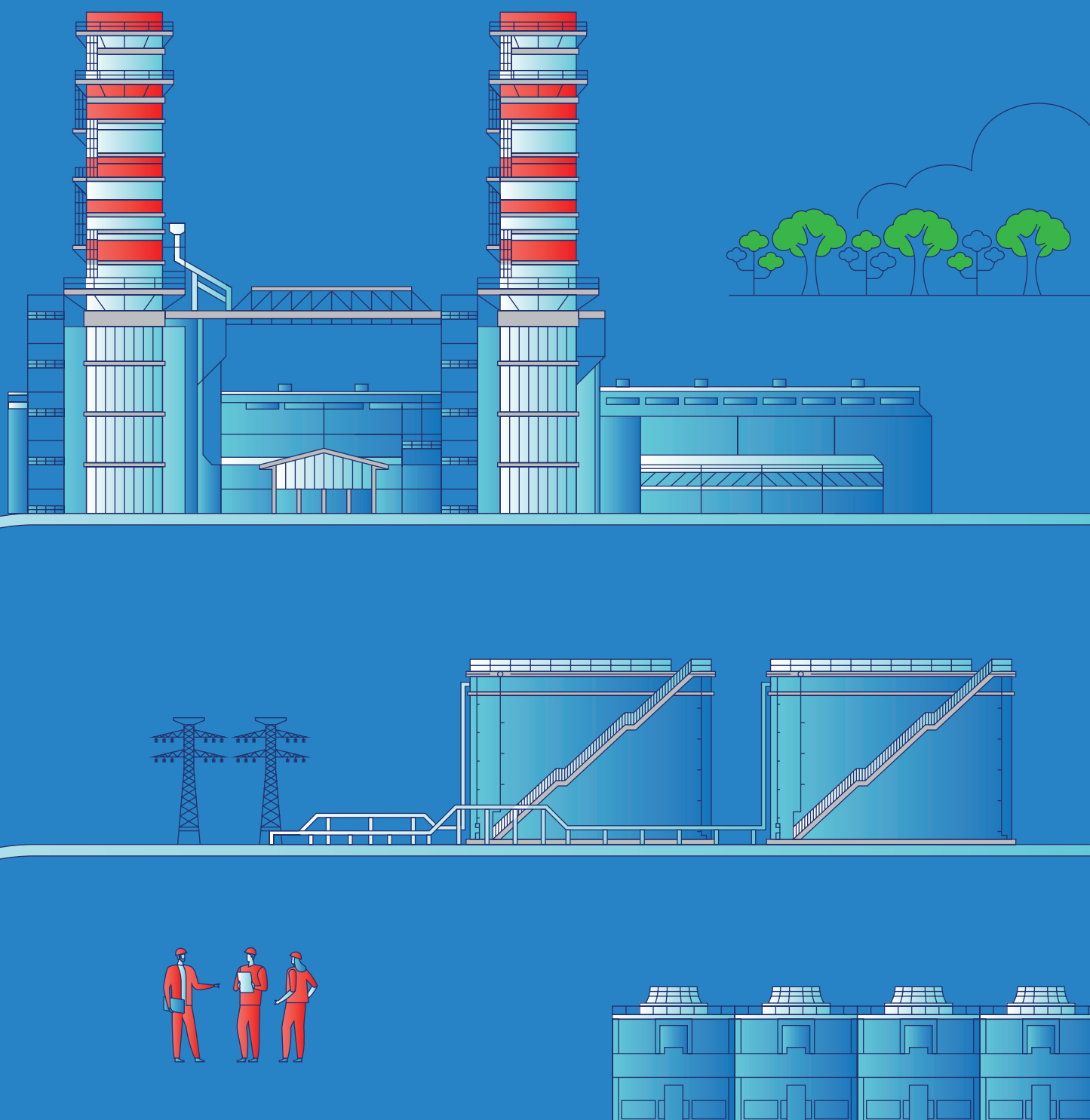




TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

ĐỒNG LÒNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI





MỤC LỤC

I

THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT	10
2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	24
3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	26
4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	62
5. CÁC RỦI RO	66

II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	70
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	76
3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	80
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	88
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	90
6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY	92

III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	102
2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	107
3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ	108
4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	110
5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN	114
6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY	114

IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	120
2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY	128
3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	130

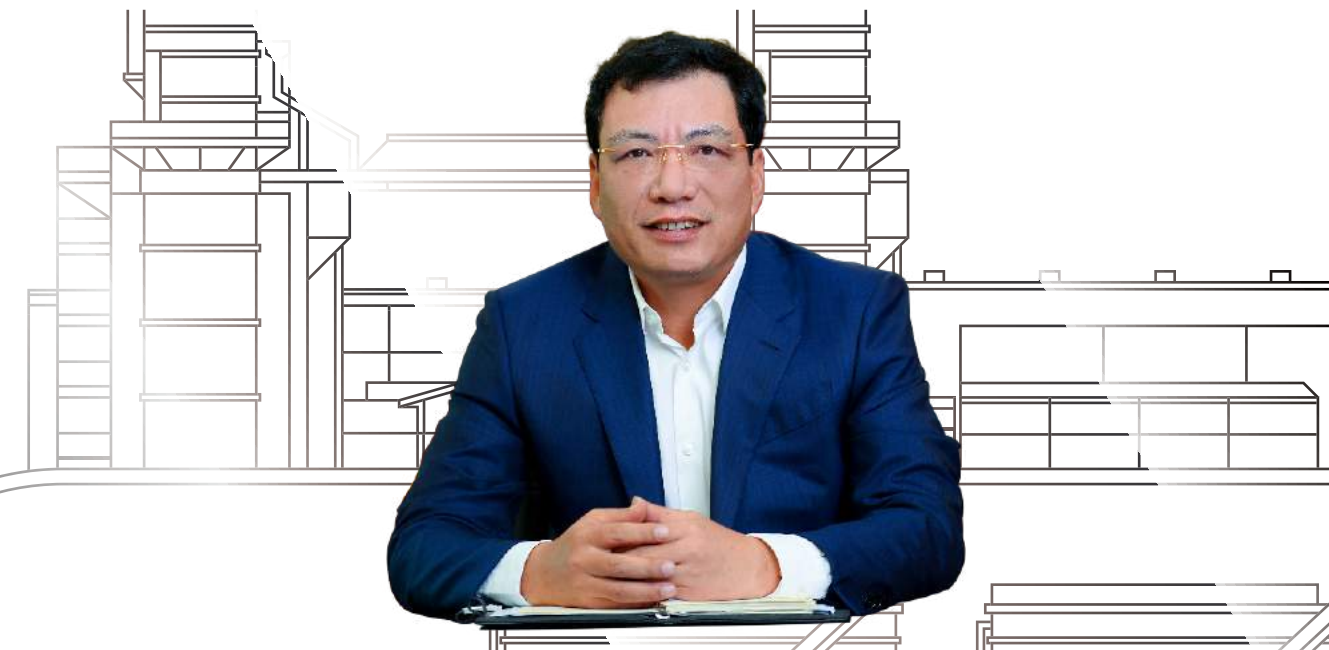
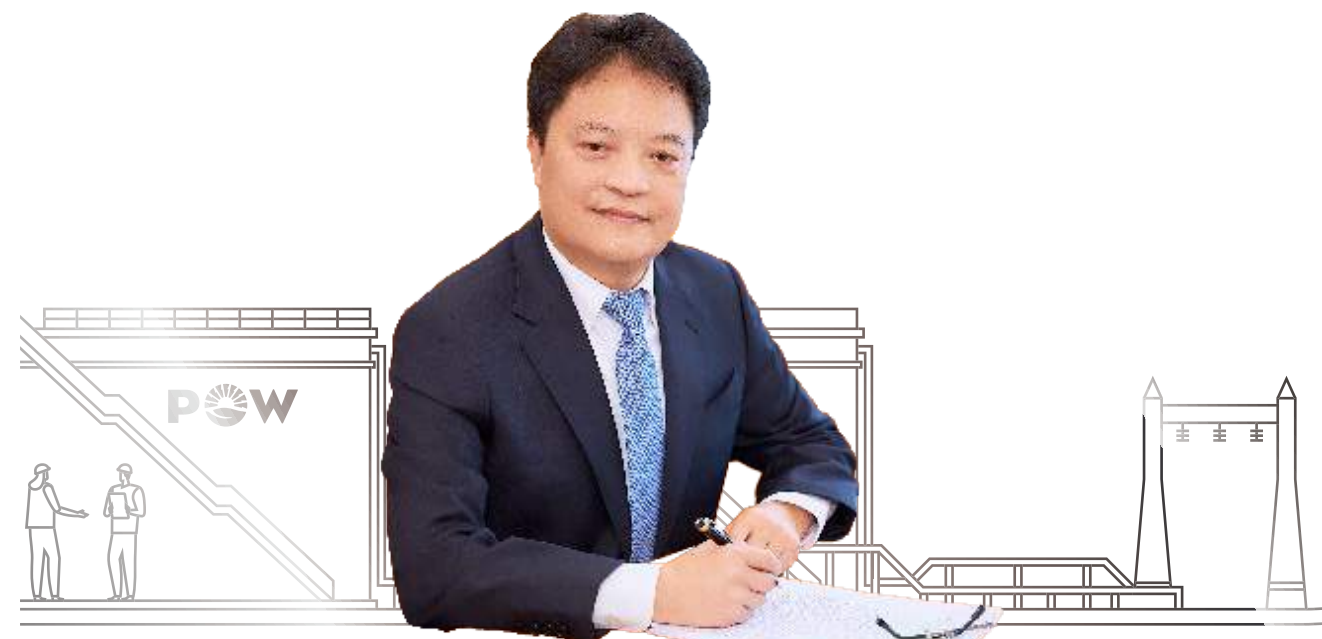
V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	136
2. BAN KIỂM SOÁT	146
3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT	150

VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



THÔNGIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Kính gửi Quý Cổ đông, Đối tác và Quý khách hàng

Năm 2023 là một năm nhiều thử thách với Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power) và các doanh nghiệp khác khi đối mặt với những bất lợi của tình hình địa chính trị và kinh tế thế giới, các ảnh hưởng lớn từ biến động giá nguyên liệu đầu vào, đặc biệt giá dầu và khí đốt. Bên cạnh đó, những khó khăn hiện hữu của nền kinh tế trong nước đã tác động mạnh đến hầu hết các ngành, lĩnh vực hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Trong bối cảnh đó, cùng với sự quyết tâm, đoàn kết của Ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV Tổng công ty, PV Power vẫn giữ vững bản lĩnh, sự kiên định để tiếp tục nỗ lực vun đắp hành trình “Sinh năng lượng, dưỡng tương lai” và đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu, các nhiệm vụ quan trọng của năm 2023.

Cụ thể, Tổng sản lượng điện toàn Tổng công ty đạt 14,4 tỷ kWh, bằng 93% kế hoạch năm 2023, chiếm 5,4% tổng sản lượng điện toàn quốc; Tổng doanh thu đạt 29.075 tỷ đồng, tăng 285 tỷ đồng (tương ứng tăng 1%) so với năm 2022; Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 1.442 tỷ đồng, vượt 12% kế hoạch năm 2023 (1.277 tỷ đồng); Nộp ngân sách nhà nước đạt 1.475 tỷ đồng, vượt 67% kế hoạch năm 2023 (879 tỷ đồng). Kết quả đó là minh chứng rõ nét cho bản lĩnh, trí tuệ và sự nỗ lực không ngừng của tập thể người lao động PV Power.

Trong năm 2023, các nhà máy điện gồm Vũng Áng 1, Cà Mau 2 và Nhơn Trạch 2 thực hiện đại tu định kỳ, nên hoạt động sản xuất bị gián đoạn. Bên cạnh đó, dưới tác động của hiện tượng El Nino, nhóm nhà máy thủy điện gồm Hòa Na và Đakrinh, dù có biên lợi nhuận tốt hơn so với các nhà máy khác nhưng sản lượng phát điện thấp. Đó là những lí do giải thích vì sao mức lợi nhuận hợp nhất sau kiểm toán năm 2023 giảm so với năm 2022.

Cũng trong năm 2023, năm thứ 3 liên tiếp, Tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới Fitch Ratings đã xác nhận PV Power có xếp hạng nhà phát hành nợ dài hạn bằng ngoại tệ (IDR) tại mức BB với “Triển vọng tích cực” vào ngày 25/05/2023. Tiếp đó, vào ngày 08/12/2023, Fitch Ratings đã nâng hạng tín nhiệm nhà phát hành nợ dài hạn bằng ngoại tệ (IDR) từ BB lên mức BB+ cho PV Power với triển vọng ổn định. Mức xếp hạng BB+ của PV Power là hạng cao nhất mà một doanh nghiệp Việt Nam có thể đạt được tính đến nay. Điều này cho thấy Fitch Ratings nhận định năng lực tài chính vững mạnh cũng như triển vọng kinh doanh tích cực trong tương lai của PV Power. Mức xếp hạng BB+ như một lời khẳng định chắc chắn đảm bảo về năng lực tài chính và kinh doanh, đem lại sự tin tưởng cho các cổ đông, nhà đầu tư, các bên cho vay và các đối tác chiến lược khác của PV Power.

Bên cạnh đó, bằng những đóng góp tích cực trong công tác an sinh xã hội và những nỗ lực không ngừng cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, trong năm 2023 PV Power tiếp tục được được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) vinh danh là “Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động”. Năm 2023, PV Power cũng đã đạt được những thành tích, giải thưởng đáng ghi nhận khác như: Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức; Top 20 Doanh nghiệp có Báo cáo thường niên năm 2022 tốt nhất trong nhóm ngành phi tài chính;...

Kính thưa Quý cổ đông,

Bước sang năm 2024, nền kinh tế Việt Nam vẫn được dự báo còn những khó khăn, thách thức, nhưng các cơ hội cũng đang được nhìn nhận rõ ràng hơn và dự kiến sẽ có những phục hồi tích cực. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị cùng với Ban điều hành PV Power quyết tâm đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trên toàn Tổng công ty, phấn đấu tổng sản lượng điện sản xuất năm 2024 đạt 16,7 tỷ kWh, tổng doanh thu đạt 31.376 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty đạt 995 tỷ đồng; nỗ lực hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch khác do Đại hội đồng cổ đông đặt ra trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên sắp tới.

Để đạt được những mục tiêu này, ngoài các công việc thường kỳ như: quản lý công tác vận hành, sản xuất cũng như bảo trì, sửa chữa các Nhà máy điện đảm bảo các thiết bị khả dụng cao, tối ưu công suất đồng thời bảo đảm an toàn; Tổ chức thực hiện sửa chữa định kỳ các nhà máy điện (trung tu tổ máy số 2 Nhà máy điện Vũng Áng 1 và Nhà máy thủy điện Đakrinh, tiểu tu các Nhà máy điện Cà Mau 2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và Nhà máy thủy điện Hòa Na) đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn thì nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới của PV Power là tổ chức thực hiện tốt công tác đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, dự kiến phát điện thương mại Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 3 vào cuối năm 2024 và phát điện thương mại Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 4 vào khoảng giữa năm 2025. Đây sẽ là dấu ấn quan trọng trong quá trình phát triển của PV Power khi đưa nhà máy điện khí LNG đầu tiên của Việt Nam đi vào hoạt động.

Ngoài ra, ý thức được vai trò đối với cộng đồng và xã hội, tập thể Lãnh đạo và người lao động PV Power sẽ tiếp tục xây dựng nhiều hơn nữa các giá trị bền vững thông qua các công tác an sinh xã hội, các chương trình thiện nguyện và công tác bảo vệ môi trường; không ngừng đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội.

Chúng tôi tin tưởng rằng, cùng với tinh thần nhiệt huyết không quản ngại khó khăn, PV Power sẽ đáp ứng ở mức cao nhất nhiệm vụ do cổ đông tin tưởng giao phó, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho đất nước. Sự tin tưởng và đồng hành của Quý cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, khách hàng trong thời gian qua có giá trị vô cùng to lớn trong thành công của PV Power hôm nay. Chúng tôi mong sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ của quý vị trên con đường thực hiện các sứ mệnh của PV Power, đóng góp nhiều hơn nữa cho quý đối tác, cổ đông và sự phát triển bền vững của đất nước.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Tổng công ty, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến tập thể người lao động, các đối tác và toàn thể cổ đông đã luôn sát cánh cùng PV Power trên con đường kiến tạo tương lai đầy thử thách nhưng cũng thật vẻ vang.

Xin chân thành cảm ơn.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoàng Văn Quang

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Như Linh

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG

①	THÔNG TIN KHÁI QUÁT	10
②	NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	24
③	THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ	26
④	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	62
⑤	CÁC RỦI RO	66



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Số 0102276173 (Đăng ký lần đầu: Ngày 31/5/2007; Đăng ký thay đổi lần thứ 16: Ngày 07/09/2023)

VỐN ĐIỀU LỆ

23.418.716.000.000 đồng

ĐỊA CHỈ

Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

SỐ ĐIỆN THOẠI

(024) 22210288

SỐ FAX

(024) 22210388

WEBSITE

www.pvpower.vn

MÃ CỔ PHIẾU

POW

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần tiền thân là Công ty TNHH MTV do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đầu tư 100% vốn điều lệ, được thành lập theo quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17/05/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam), chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần từ ngày 01/07/2018 (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi ngày 01/07/2018).

Các dấu mốc quan trọng trong lịch sử hình thành và phát triển

2007-2017

17/05/2007

Thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

03/2008

Khởi công xây dựng Nhà máy thủy điện Hòa Na

07/12/2008

Đưa vào vận hành thương mại Nhà máy điện Cà Mau 1&2. PV Power chính thức có tên trên bản đồ năng lượng Việt Nam

08/2009

Khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 1

01/2011

Khởi công dự án Nhà máy thủy điện Đakdrinh

11/2011

Khánh thành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

2012

PV Power vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng Ba

12/2015

Bàn giao Nhà máy phong điện Phú Quý sang Tổng công ty Điện lực Miền Nam và nhận bàn giao Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1

2017

PV Power tròn 10 năm tuổi. Sản lượng điện lũy kế gần 140 tỷ kWh; Doanh thu lũy kế 180.000 tỷ đồng. Lợi nhuận lũy kế đạt gần 10.000 tỷ đồng. Số lượng người lao động 2.294 người

2018-2020

31/01/2018

Bán đấu giá công khai thành công (IPO) 468.374.320 cổ phần (chiếm 20% vốn điều lệ)

01/07/2018

Hoạt động theo hình thức công ty cổ phần

31/08/2018

Trở thành công ty đại chúng

14/01/2019

Mã cổ phiếu POW chính thức giao dịch trên sàn HOSE

15/05/2019

Tổ chức cung cấp chỉ số chứng khoán quốc tế MSCI đã quyết định thêm cổ phiếu POW vào chỉ số MSCI Frontier Markets

15/08/2019

Được vinh danh “Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam” năm 2019 do Tạp chí Forbes bình chọn

03/02/2020

Cổ phiếu POW chính thức vào danh mục cổ phiếu thành phần chỉ số VN30

06/04/2020

Sau gần 13 năm, PV Power đã sản xuất và đóng góp cho hệ thống điện quốc gia 200 tỷ kWh điện

22/06/2020

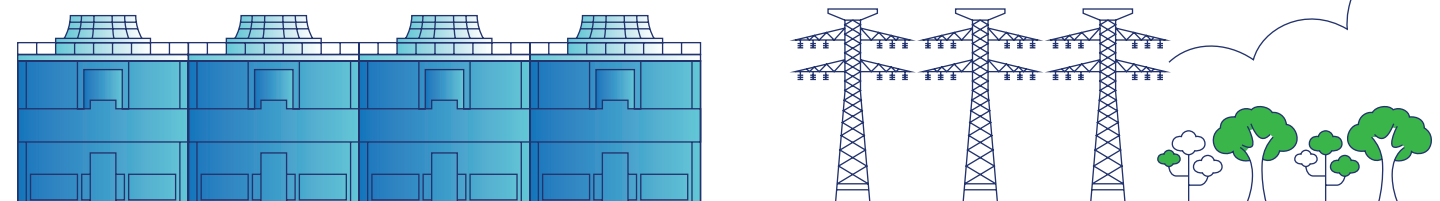
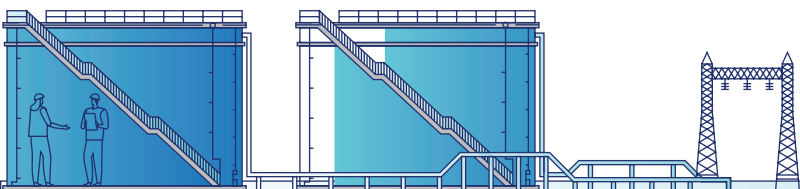
Thành lập chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Trung tâm dịch vụ kỹ thuật

21/07/2020

Phê duyệt và triển khai thực hiện đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, công suất khoảng 1.300-1.760 MW

13/08/2020

Thành lập Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí



Các dấu mốc quan trọng trong lịch sử hình thành và phát triển

19/03/2021

Thoái vốn toàn bộ vốn góp tại Công ty cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (PV Machino)

06/05/2021

Tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới Fitch Ratings công bố xếp hạng tín nhiệm quốc tế lần đầu đối với PV Power ở mức “BB” với triển vọng tích cực

24/10/2021

UBND tỉnh Quảng Ninh đã trao giấy chấp thuận đầu tư Dự án điện khí LNG Quảng Ninh cho tổ hợp nhà đầu tư PV Power - Colavi - Tokyo Gas - Marubeni với tổng mức đầu tư 47.480 tỷ đồng, công suất 1.500 MW

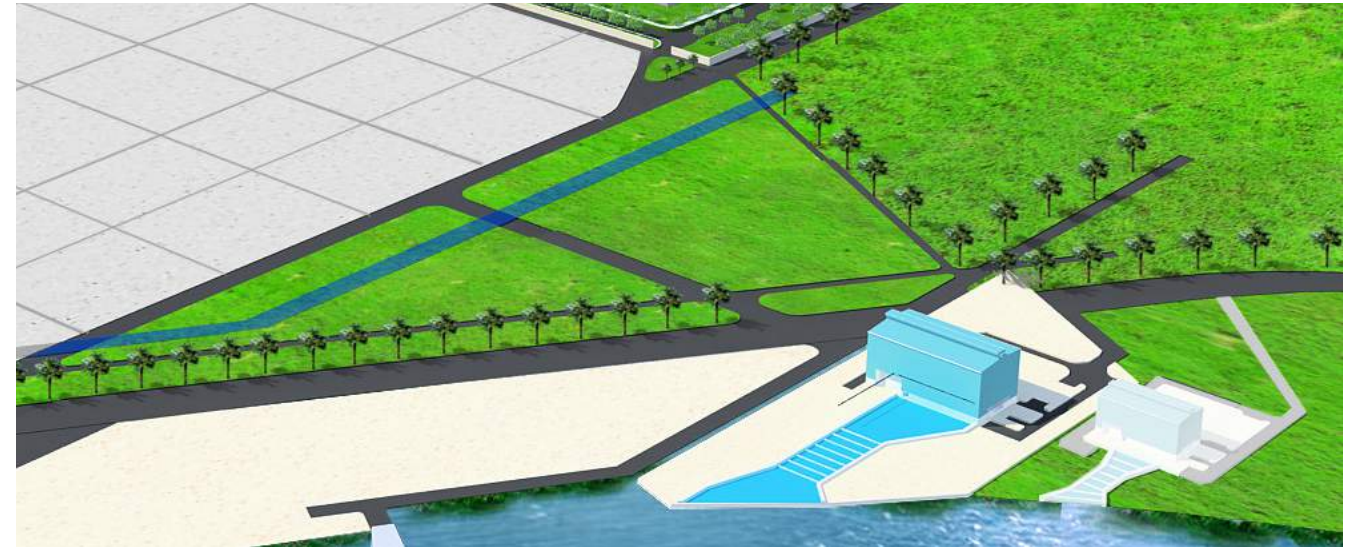
2021

23/11/2021

Khởi công san lấp mặt bằng xây dựng Dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4

09/12/2021

Tại sự kiện Diễn đàn kinh doanh do Forbes tổ chức, PV Power lần thứ 3 liên tiếp có mặt trong Top 50 công ty niêm yết tốt nhất



2022

26/05/2022

PV Power được tổ chức Fitch Ratings xếp hạng tín nhiệm quốc tế năm thứ 2 liên tiếp ở mức “BB” với triển vọng tích cực

23/08/2022

PV Power tham gia góp vốn thành lập Công ty cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh; Công ty được cấp giấy chứng nhận kinh doanh ngày 02/11/2022

02/12/2022

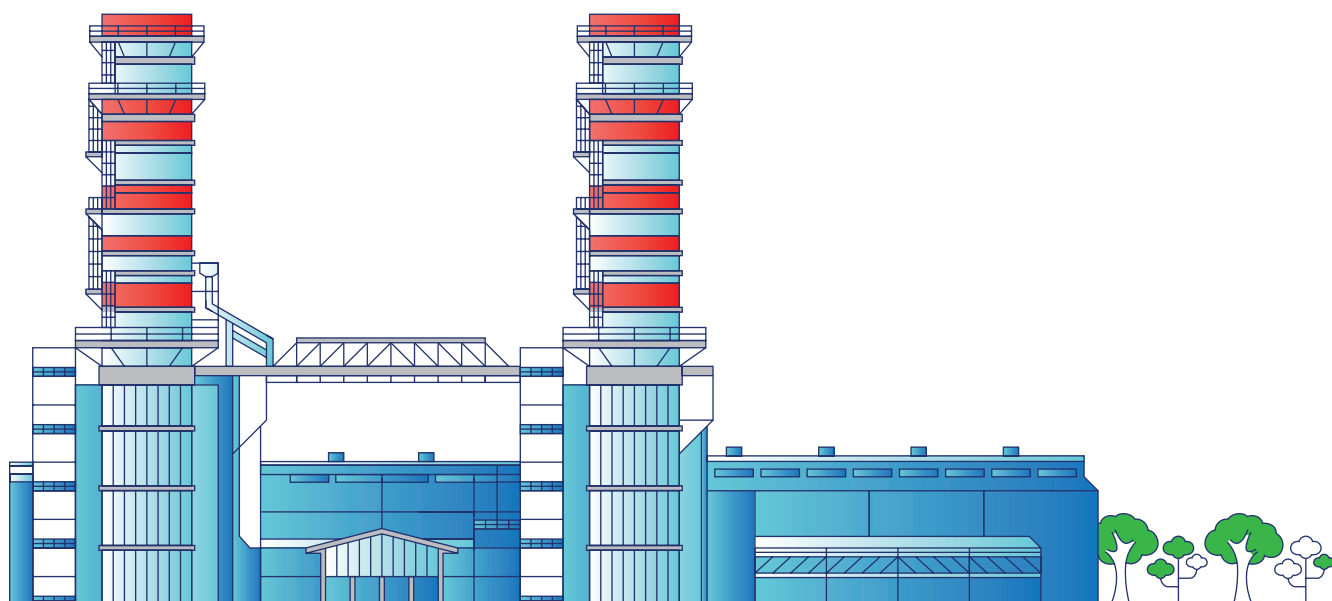
PV Power nhận giải Top 10 doanh nghiệp có Báo cáo thường niên tốt nhất trong nhóm vốn hóa lớn năm 2022 tại Lễ trao giải cuộc bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết năm 2022

28/12/2022

PV Power và đối tác đã ký kết hợp đồng mua tòa nhà văn phòng của PV Power (DLC)

23/12/2022

PV Power kỷ niệm 15 năm ngày thành lập đồng thời đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhì của Chủ tịch nước



Dấu ấn 2023



25/05/2023

Năm thứ 3 liên tiếp, Tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới Fitch Ratings đã xác nhận PV Power có xếp hạng nhà phát hành nợ dài hạn bằng ngoại tệ (IDR) tại mức “BB” với Triển vọng tích cực. Ngày 08/12/2023, Tổ chức xếp hạng Fitch Ratings đã nâng hạng tín nhiệm nhà phát hành nợ dài hạn bằng ngoại tệ (IDR) từ “BB” lên mức “BB+” cho PV Power với triển vọng ổn định



17/07/2023

Cổ phiếu POW đứng ở vị trí số 15 trong thành phần chỉ số VN30 kỳ tháng 07/2023 theo công bố của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)



12/10 & 16/10/2023

PV Power đưa máy phát điện và tua bin khí Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 vào bộ móng



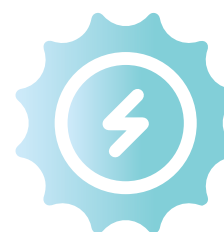
13/12/2023

Tại Lễ công bố các doanh nghiệp Bền vững Việt Nam 2023 do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững Việt Nam (VBCSD) tổ chức, PV Power vinh dự lần thứ 4 được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam (CSI 100)



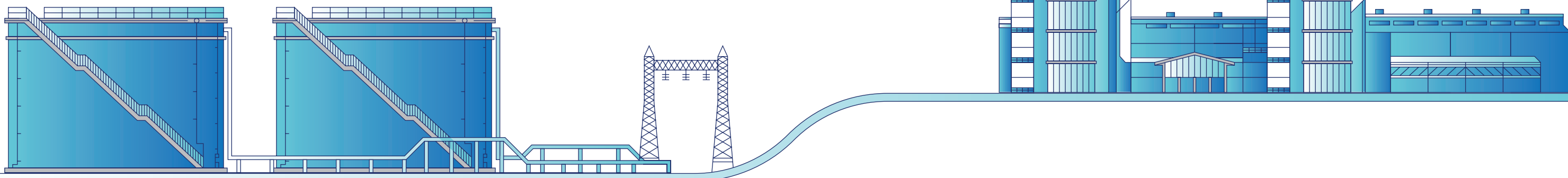
15/12/2023

Tại Hội nghị doanh nghiệp niêm yết thường niên năm 2023 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Báo Đầu tư phối hợp tổ chức, Báo cáo thường niên năm 2022 của PV Power đã được trao giải “Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất” nhóm ngành Phi tài chính



18/12/2023

Hoàn thành lắp đặt máy phát Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 4



SỰ KIỆN LỄ KÝ KẾT, HỢP TÁC KINH DOANH

02/03/2023



PV Power đã tổ chức lễ ký thỏa thuận hợp tác với Trường Cao đẳng Dầu khí (PV College) nhằm cùng thực hiện đấu thầu, phát triển và thực hiện các dự án trong lĩnh vực bảo dưỡng và sửa chữa các nhà máy

20/06/2023



PV Power đã ký biên bản ghi nhớ (MOU) với đối tác EN Technologies về việc hợp tác nghiên cứu thị trường để phát triển Hệ thống lưu trữ năng lượng (ESS)

02/03/2023



PV Power và Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nhiệt điện Vũng Áng II (VAPCO) ký biên bản ghi nhớ (MOU) về việc xây dựng, vận hành, bảo trì, sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng II và Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1

22/06/2023



PV Power đã ký biên bản ghi nhớ (MOU) với đối tác Korea Gas Corporation (KOGAS) về việc nghiên cứu tham gia các dự án Hydrogen nhằm đáp ứng nhu cầu tiềm năng cao của các dự án điện đang vận hành thương mại

SỰ KIỆN LỄ KÝ KẾT, HỢP TÁC KINH DOANH

23/06/2023



PV Power và Doosan Enerbility Co., Ltd., (Doosan) đã ký biên bản ghi nhớ (MOU) về việc hợp tác nghiên cứu phát triển công nghệ đốt amoniac và ứng dụng công nghệ vào Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 với mục đích giảm thiểu phát thải CO₂ của nhà máy

25/08/2023

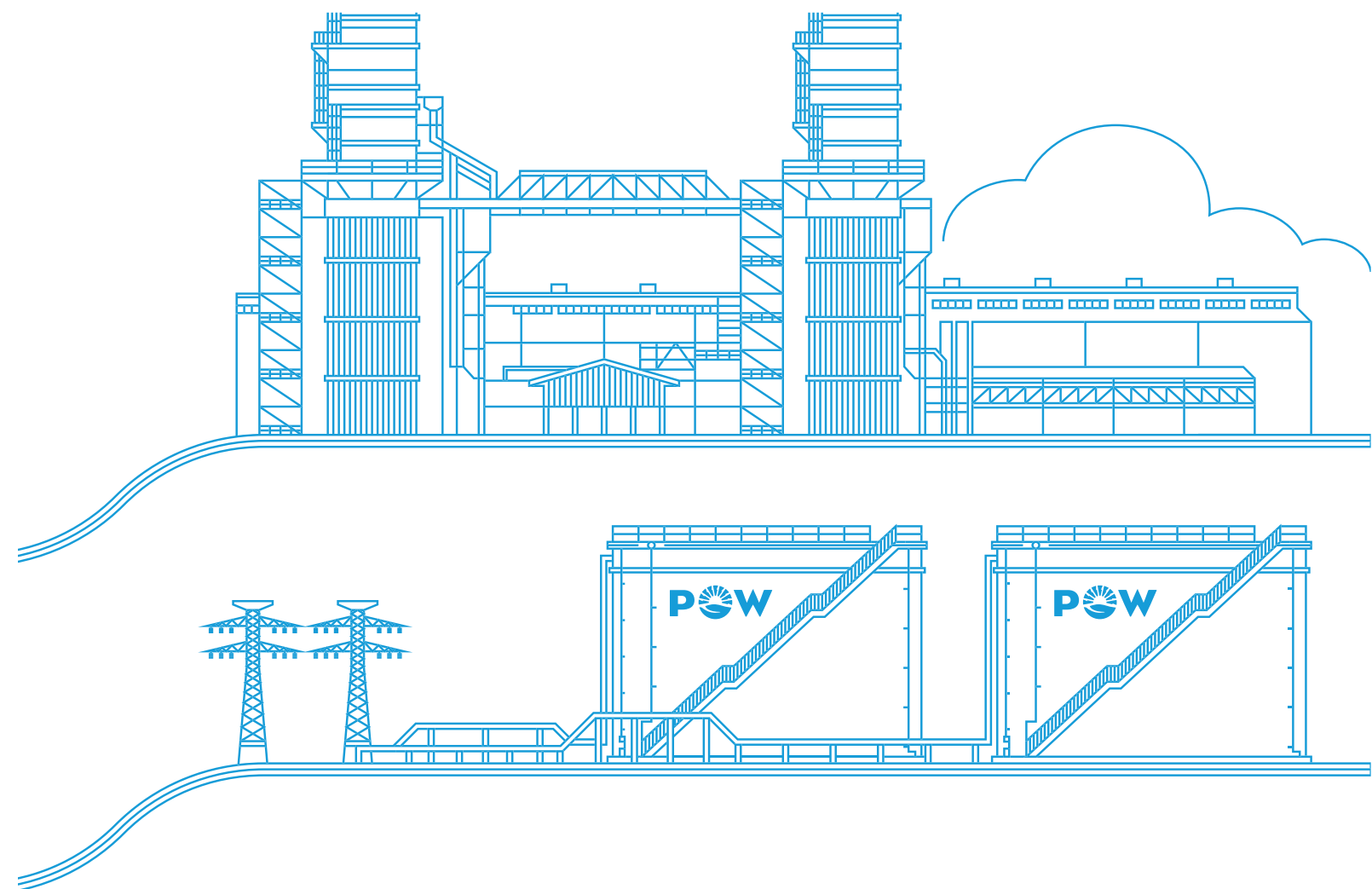


PV Power, Asong Invest và PVCB Capital ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư, hợp tác trong ngành công nghiệp xanh Việt Nam

29/08/2023



PV Power và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) ký hợp đồng tín dụng trung dài hạn trị giá 4.000 tỷ đồng

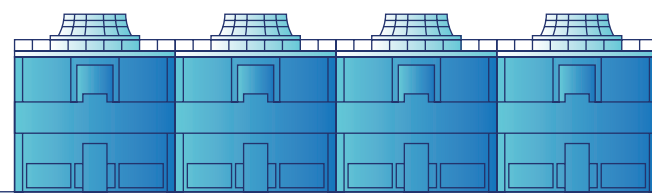
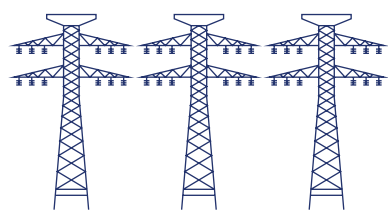


SỰ KIỆN LỄ KÝ KẾT, HỢP TÁC KINH DOANH

21/11/2023



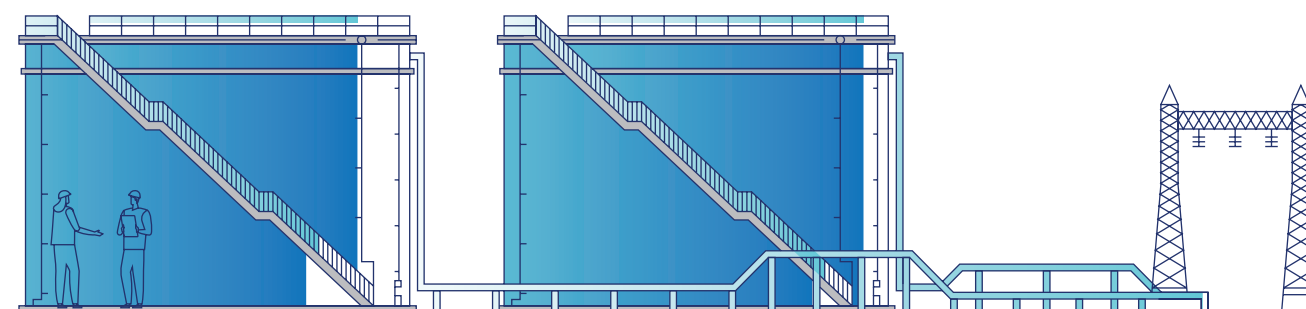
PV Power đã ký thỏa thuận hợp tác toàn diện với Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T và Ngân hàng SHB



14/12/2023



PV Power và Liên danh Nhà thầu Siemens Energy đã ký kết Hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa định kỳ dài hạn khối thiết bị chính (LTMA) cho Dự án Nhà máy Điện Cà Mau 1&2



2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng. PV Power đã đầu tư, vận hành các nhà máy điện trong tất cả các lĩnh vực nhiệt điện, thủy điện, điện khí hóa lỏng và điện Năng lượng tái tạo. Bên cạnh đó, PV Power cũng phát triển các dịch vụ như vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, dịch vụ kỹ thuật điện, cung ứng nhiên liệu cho các nhà máy điện... và trở thành doanh nghiệp hàng đầu trên thị trường điện tại Việt Nam.

01

Sản xuất và kinh doanh điện năng

02

Quản lý xây dựng và vận hành các nhà máy điện

03

Xuất nhập khẩu năng lượng, nhiên liệu cho sản xuất, kinh doanh điện

04

Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện

05

Đầu tư xây dựng mới các dự án điện độc lập (IPP)

06

Thực hiện đầu tư, xây lắp, mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh điện

07

Kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu

08

Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch

09

Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình

10

Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: điện gió, điện mặt trời, điện nguyên tử

11

Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện

12

Cung cấp giải pháp giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng

13

Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, trong đó có đầu tư kinh doanh đồng bộ lưới trung thế, hạ thế và bán điện công nghiệp

14

Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện

15

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đấu thầu; Tư vấn quản lý dự án; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng

Địa bàn kinh doanh



01-Hà Nội

02-Quảng Ninh

03-Nghệ An

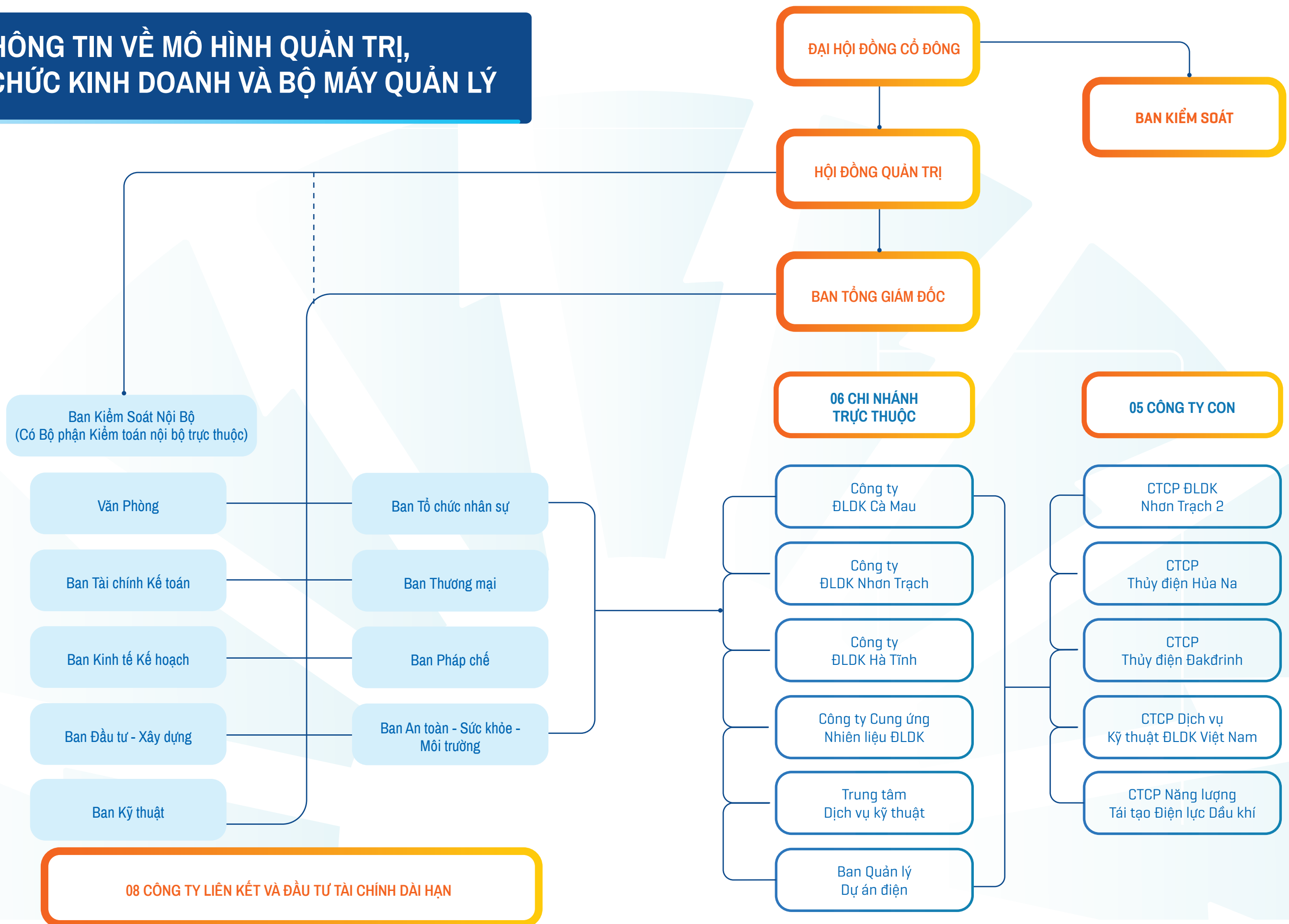
04-Hà Tĩnh

05-Quảng Ngãi

06-Đồng Nai

07-Cà Mau

3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Đơn vị hạch toán phụ thuộc

Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh

– Nhà máy điện Vũng Áng 1



TÊN ĐẦY ĐỦ	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ HÀ TĨNH
ĐỊA CHỈ	Xóm Hải Phong, Xã Kỳ Lợi, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh
MÃ SỐ CHI NHÁNH	0102276173-007
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
TỈ LỆ NẮM GIỮ CỦA PV POWER	100%
THÔNG TIN CƠ BẢN	Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với những thông tin cơ bản sau: Công suất: 1.200 MW (2x600 MW) Tổng mức đầu tư: 33.651 tỷ đồng Năm đi vào vận hành thương mại: 2015



Đơn vị hạch toán phụ thuộc

Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch – Nhà máy điện Nhơn Trạch 1



TÊN ĐẦY ĐỦ	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH
ĐỊA CHỈ	Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
MÃ SỐ CHI NHÁNH	0102276173-003
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
TỈ LỆ NẮM GIỮ CỦA PV POWER	100%
THÔNG TIN CƠ BẢN	Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 1 với những thông tin cơ bản sau: Công suất: 450 MW Tổng mức đầu tư: 6.344 tỷ đồng Năm đi vào vận hành thương mại: 2009



Đơn vị hạch toán phụ thuộc

Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau – Nhà máy điện Cà Mau 1 & 2



TÊN ĐẦY ĐỦ	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ CÀ MAU
ĐỊA CHỈ	Ấp 1, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
MÃ SỐ CHI NHÁNH	0102276173-002
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
TỈ LỆ NẮM GIỮ CỦA PV POWER	100%
THÔNG TIN CƠ BẢN	Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau là đơn vị quản lý vận hành Nhà máy Điện Cà Mau 1 & 2 với những thông tin cơ bản sau: Công suất: 1.500 MW (2x750 MW) Tổng mức đầu tư Nhà máy điện Cà Mau 1: 6.571 tỷ đồng Tổng mức đầu tư Nhà máy điện Cà Mau 2: 6.153 tỷ đồng Năm đi vào vận hành thương mại: 2008



Đơn vị hạch toán phụ thuộc

Công ty Cung ứng Nhiên liệu Điện lực Dầu khí



TÊN ĐẦY ĐỦ	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
ĐỊA CHỈ	Tầng 5, Tòa nhà Dreamland Bonanza, Số 23 Đường Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
MÃ SỐ CHI NHÁNH	0102276173-006
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan

Đơn vị hạch toán phụ thuộc

Ban Quản lý Dự án Điện



TÊN ĐẦY ĐỦ	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐIỆN
ĐỊA CHỈ	Căn số 00.10, Tầng 3, Tháp B1, Khu chung cư phức hợp Lô M2 (Sarimi) - Số 72 đường Nguyễn Cơ Thạch, Phường An Lợi Đông, Thành phố Hồ Chí Minh
MÃ SỐ CHI NHÁNH	0102276173-008
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ quản lý dự án cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện

Đơn vị hạch toán phụ thuộc

Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật



TÊN ĐẦY ĐỦ	CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN – TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT
ĐỊA CHỈ	Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Số 167 Đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
MÃ SỐ CHI NHÁNH	0102276173-009
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	Quản lý vận hành các nhà máy điện; cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa phục vụ sản xuất kinh doanh điện

Công ty con

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 – Nhà máy điện Nhơn Trạch 2

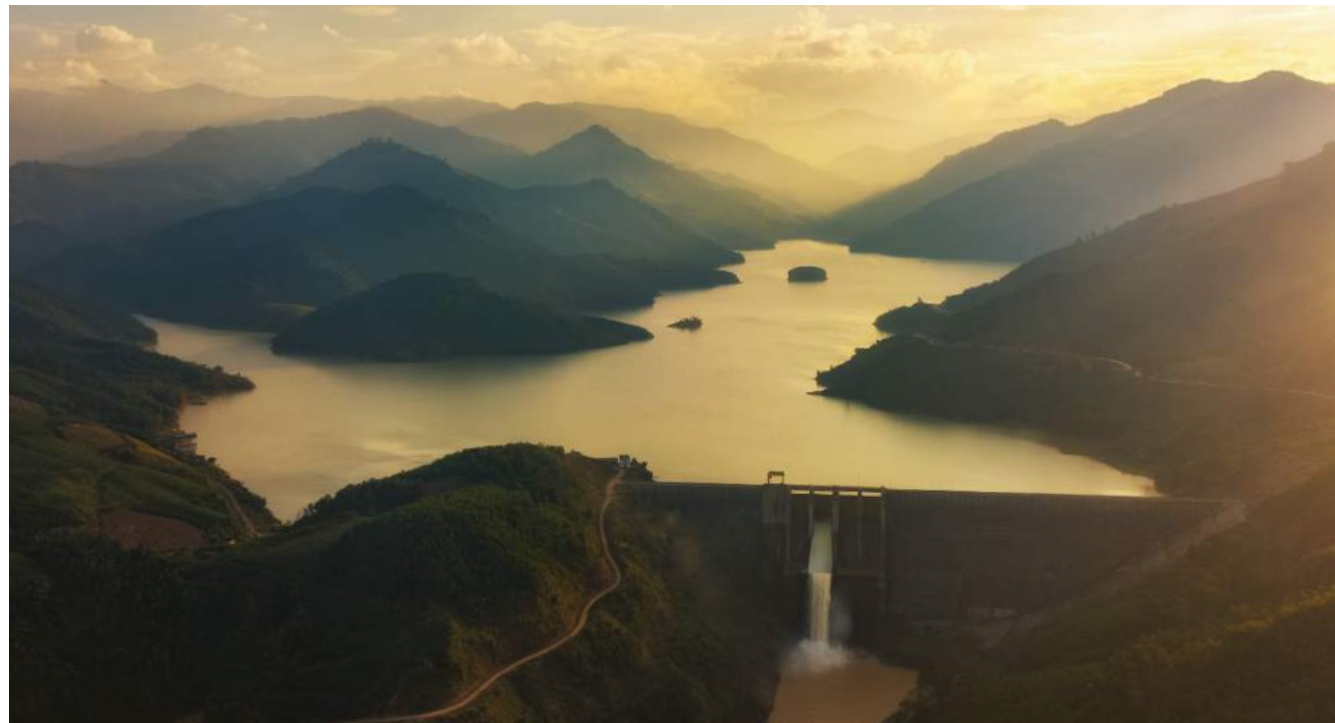


TÊN ĐẦY ĐỦ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
ĐỊA CHỈ	Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
MÃ SỐ CHI NHÁNH	3600897316
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
VỐN ĐIỀU LỆ	2.878.760.290.000 đồng
TỈ LỆ NẮM GIỮ CỦA PV POWER	59,37%
THÔNG TIN CƠ BẢN	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là đơn vị quản lý của Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch 2 với những thông tin cơ bản sau: Công suất: 750 MW Tổng mức đầu tư: 11.355 tỷ đồng Năm đi vào vận hành thương mại: 2011

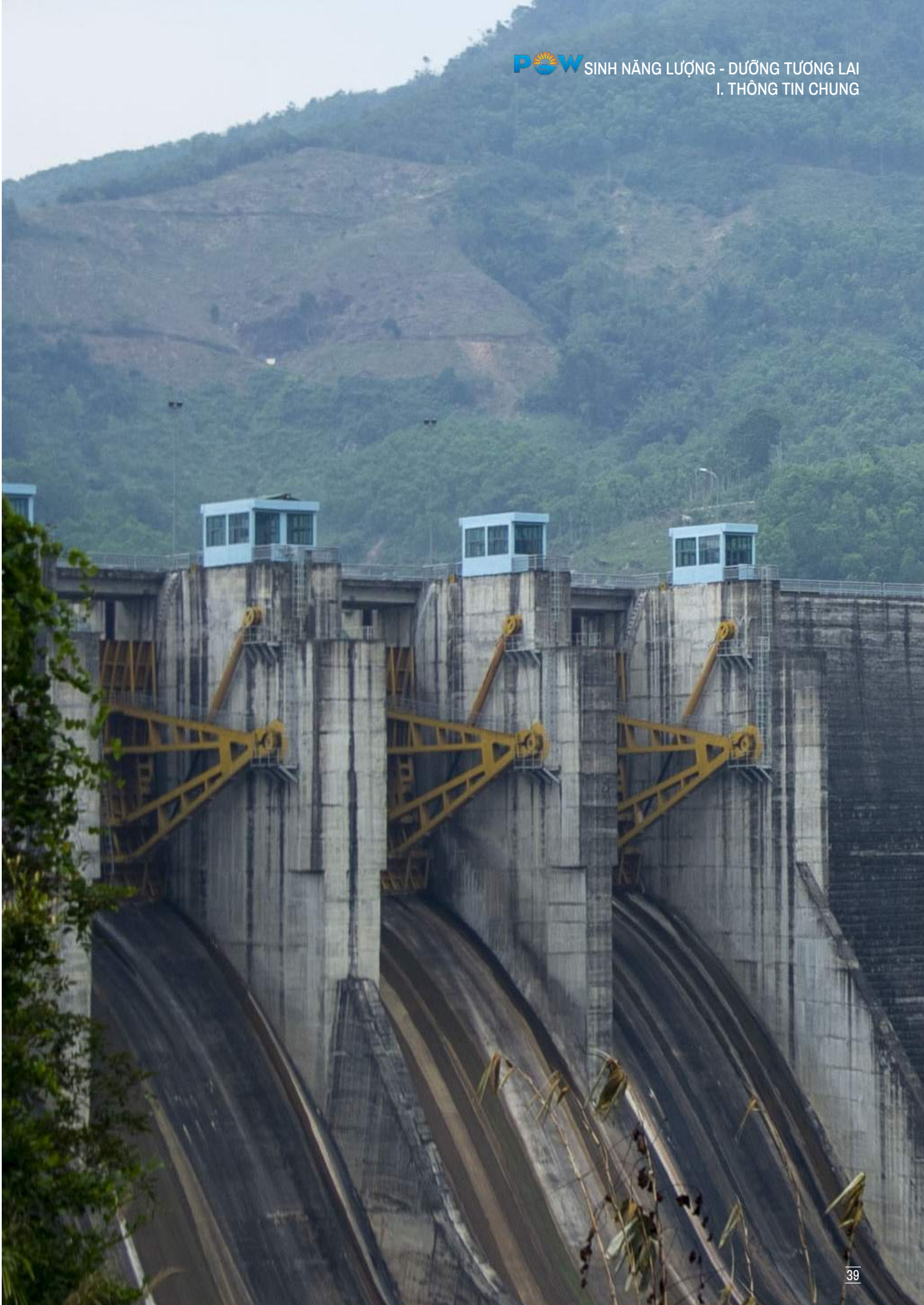
Công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh

- Nhà máy Thủy điện Đakđrinh



TÊN ĐẦY ĐỦ	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐAKĐRINH
ĐỊA CHỈ	Thôn Ra Nhua, Xã Sơn Tân, Huyện Sơn Tây, Tỉnh Quảng Ngãi
MÃ SỐ CHI NHÁNH	4300350203
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
VỐN ĐIỀU LỆ	1.160.010.550.000 đồng
TỈ LỆ NẮM GIỮ CỦA PV POWER	95,27%
THÔNG TIN CƠ BẢN	Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh là đơn vị quản lý của Nhà máy Thủy điện Đakđrinh với những thông tin cơ bản sau: Công suất: 125 MW Tổng mức đầu tư: 5.921 tỷ đồng Năm đi vào vận hành thương mại: 2014



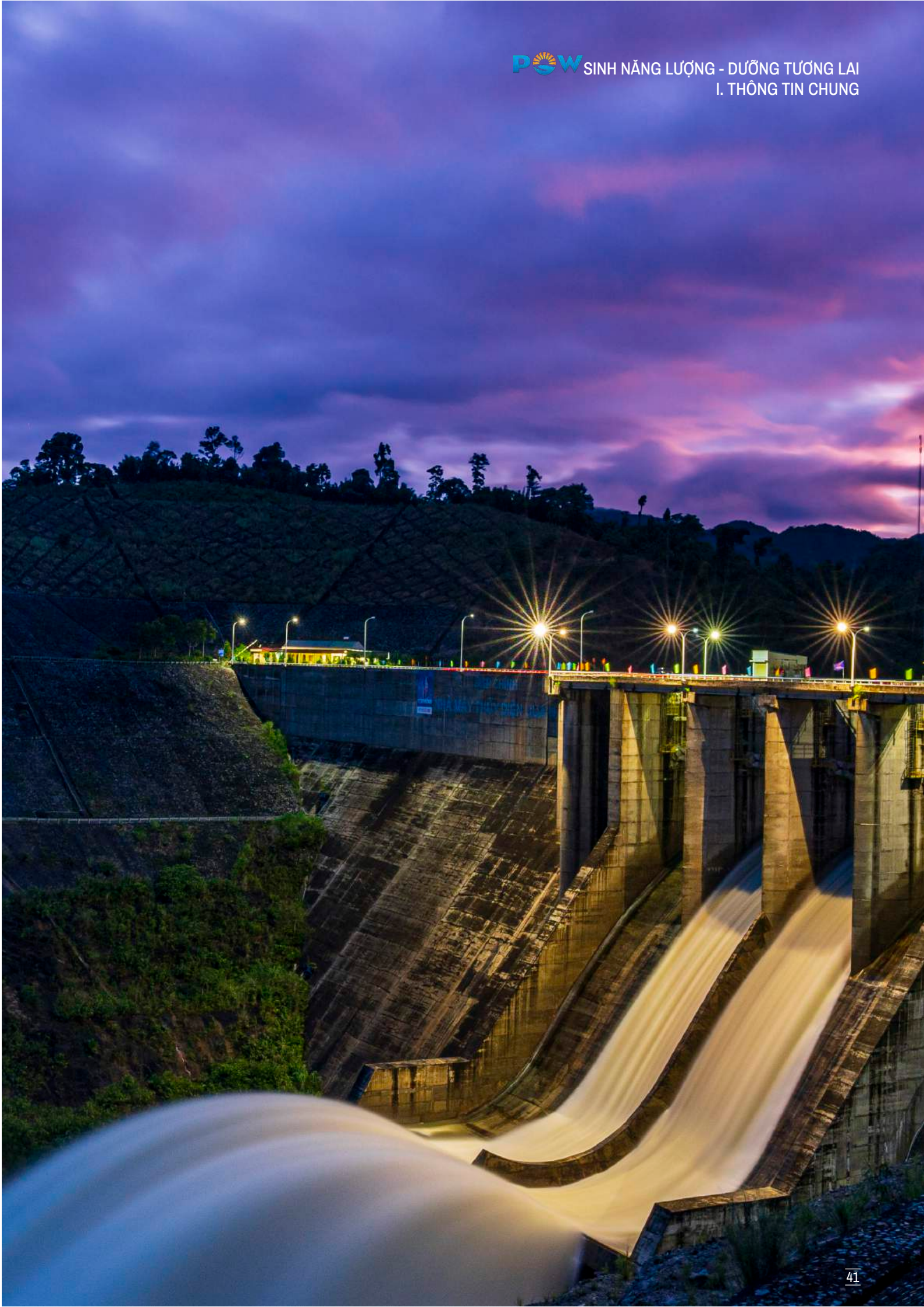
Công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na

– Nhà máy Thủy điện Hòa Na



TÊN ĐẦY ĐỦ	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA
ĐỊA CHỈ	Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, Số 7, Đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
MÃ SỐ CHI NHÁNH	2900797430
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng
VỐN ĐIỀU LỆ	2.352.322.100.000 đồng
TỈ LỆ NẮM GIỮ CỦA PV POWER	80,72%
THÔNG TIN CƠ BẢN	Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na là đơn vị quản lý của Nhà máy Thủy điện Hòa Na với những thông tin cơ bản sau: Địa điểm nhà máy: Xã Đồng Văn, Huyện Quế Phong, Tỉnh Nghệ An Công suất: 180MW Tổng mức đầu tư: 7.092 tỷ đồng Năm đi vào vận hành thương mại: 2013



Công ty con

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam



TÊN ĐẦY ĐỦ	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
ĐỊA CHỈ	Tầng 7, Tòa nhà Hỗn Hợp HH3 Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
MÃ SỐ CHI NHÁNH	0102560459
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	Lắp đặt hệ thống điện, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, sản xuất, truyền tải và phân phối điện, kiểm tra và phân tích kỹ thuật
VỐN ĐIỀU LỆ	150.000.000.000 đồng
TỈ LỆ NẮM GIỮ CỦA PV POWER	51%

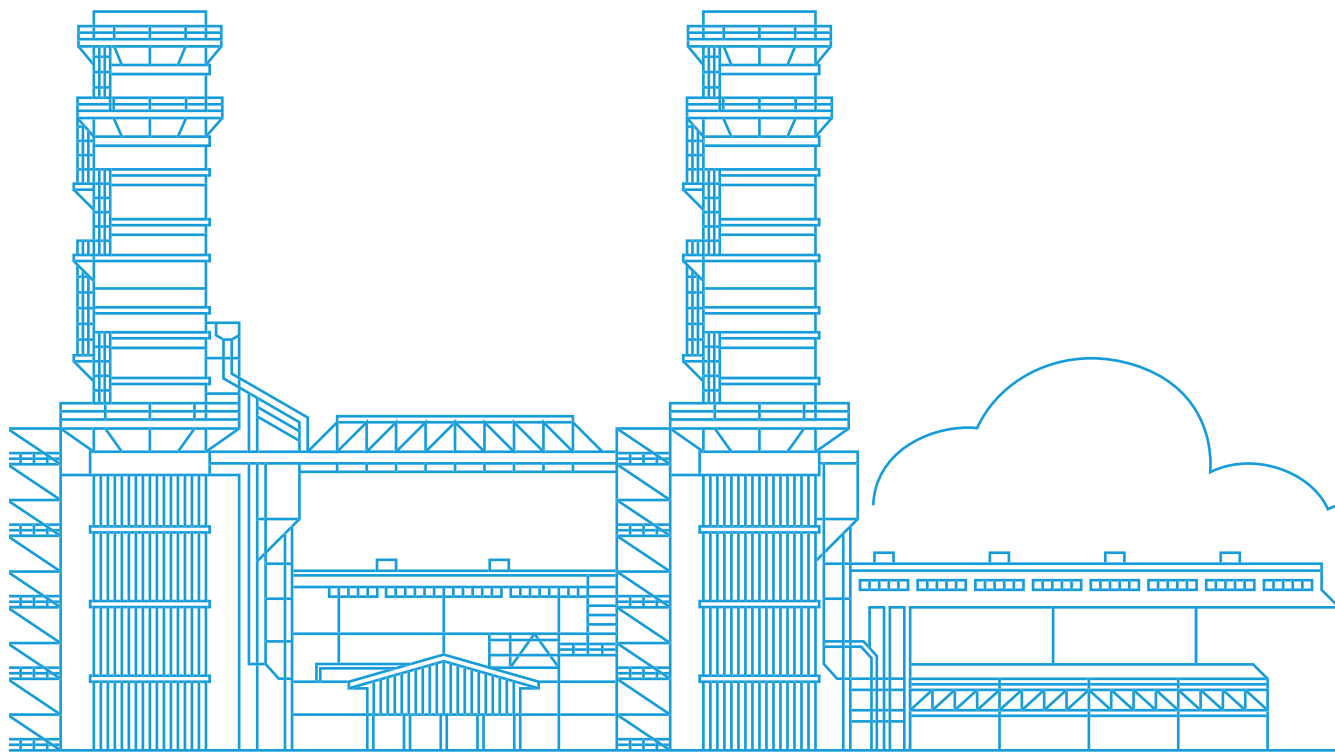
Công ty con

Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí



TÊN ĐẦY ĐỦ	CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
ĐỊA CHỈ	Tầng 05, Toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, Số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
MÃ SỐ CHI NHÁNH	0109308963
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH	Sản xuất, truyền tải và bán điện; Nghiên cứu, đầu tư, phát triển, xây dựng, sở hữu, vận hành, khai thác các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời, sinh khối, địa nhiệt và điện rác và các loại hình năng lượng tái tạo khác)
VỐN ĐIỀU LỆ	206.160.000.000 đồng
TỈ LỆ NẮM GIỮ CỦA PV POWER	51%

Công ty liên kết, công ty có phần vốn góp của PV Power



STT	DANH SÁCH	ĐỊA CHỈ	LĨNH VỰC SXKD CHÍNH	VỐN ĐIỀU LỆ (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	CTCP Thủy điện Nậm Chiến	Sơn La	Sản xuất kinh doanh điện năng	1.537.000	20,16%
2	CTCP Năng lượng Sông Hồng	Yên Bái	Khai thác, sản xuất kinh doanh điện	74.625,72	44,07%
3	CTCP Điện Việt Lào	Hà Nội	Sản xuất kinh doanh điện năng	4.377.534	6,98%
4	CTCP EVN Quốc tế	Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh điện năng	366.771	7,69%
5	CTCP Thủy điện Sông Tranh 3	Quảng Nam	Sản xuất kinh doanh điện năng	620.000	4,87%
6	CTCP Cơ điện Dầu khí	Hà Nội	Cơ điện lạnh	10.000	10%
7	CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cần Thơ	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, các khu nhà ở...	280.000	6,48%
8	CTCP Điện khí LNG Quảng Ninh	Quảng Ninh	Khai thác, sản xuất kinh doanh điện	100.000	30%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG HOÀNG VĂN QUANG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 24,94%

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

07/1994 - 1996:

Kỹ thuật viên khai thác - Công ty Dầu khí BHP

1997 - 1999:

Trưởng ca khai thác - Công ty Petronas Carigali

1999 - 2004:

Trưởng ca, Đốc công khai thác - Vietsovetro

2005 - 2010:

Giàn phó sản xuất, Giàn trưởng - Công ty Dầu khí Đại Hùng - PVEP

03/2010 - 02/2020:

Quyền Giám đốc, Giám đốc - Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí (DVK), kiêm Giám đốc Chi nhánh Khí Hải Phòng (KHP)

02/2020 - 09/2021:

Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV Gas), kiêm Giám đốc Chi nhánh Khí Hải Phòng (KHP)

09/2021 - 05/2023:

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV Gas)

04/2023 - nay:

Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power)



ÔNG HỒ CÔNG KỲ

Chủ tịch Hội đồng quản trị PV Power;
Trưởng ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (kiêm nhiệm)
(Hết nhiệm kỳ vào tháng 04/2023)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,0023%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 24,94%

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

02/1986 - 12/1992:

Nhân viên, Phó phòng, Trưởng Phòng Kế toán tài vụ - Nhà máy Đồ hộp xuất khẩu Nghĩa Đàn, Nghệ An

01/1993 - 02/1994:

Thanh tra viên - Thanh tra Tỉnh Nghệ An

03/1994 - 08/1994:

Cán bộ Bảo hiểm xã hội - Liên đoàn Lao động Tỉnh Nghệ An

09/1994 - 11/2000:

Kế toán trưởng Ban QLDA, Phó giám đốc - Công ty Xi măng Nghệ An

12/2000 - 05/2006:

Kế toán trưởng Ban QLDA, Phó Giám đốc Ban QLDA Khu liên hợp thể thao Quốc gia Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

06/2006 - 02/2007:

Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính - Ủy ban Thể dục Thể thao

03/2007 - 08/2007:

Phó Tổng Giám đốc Ban quản lý các dự án Thủy điện

05/2007 - 09/2007:

Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty CP Thủy điện Hòa Na (kiêm nhiệm)

09/2007 - 01/2008:

Tổng Giám đốc Ban quản lý các Dự án Thủy điện

02/2008 - 07/2008:

Tổng Giám đốc - Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản Dầu khí

08/2008 - 02/2009:

Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

03/2009 - 11/2010:

Trưởng Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Long Phú-Sông Hậu - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

11/2010 - 05/2013:

Chánh Văn phòng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

05/2013 - 12/2014:

Chủ tịch Công đoàn Dầu khí Việt Nam

01/2015 - 06/2018:

Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

06/2018 - 04/2023:

Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

05/2021 - 04/2023:

Trưởng Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (kiêm nhiệm)

04/2023:

Hết nhiệm kỳ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP, chuyển công tác



ÔNG LÊ NHƯ LINH

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 20%

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Kinh tế địa chất
- Thạc sĩ Kinh tế địa chất Dầu khí
- Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

10/1990 - 02/1994:

Giảng viên Trường Đại học Mỏ địa chất

03/1994 - 07/2009:

Chuyên viên, Phó trưởng ban Kế hoạch đầu tư, Trưởng ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

08/2009 - 03/2010:

Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí

04/2010 - 12/2013:

Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Dầu Việt Nam

12/2013 - 12/2018:

Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP

12/2018 - nay:

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

BÀ VŨ THỊ TỔNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do

Tổng công ty phát hành: 0%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí

Việt Nam tại PV Power: 10%

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Thương mại
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



Quá trình công tác:

08/1993 - 10/2007:

Chuyên viên Phòng Thương mại - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam

11/2007 - 06/2008:

Phó phòng/Trưởng phòng Dự báo Thị trường - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

08/2008 - 05/2009:

Phó ban - Ban Phát triển thị trường - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

06/2009 - 09/2010:

Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

11/2010 - 04/2019:

Trưởng Ban Thương mại Thị trường/Thương mại Dịch vụ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

04/2019 - nay:

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

BÀ NGUYỄN HOÀNG YẾN

Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do

Tổng công ty phát hành: 0%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí

Việt Nam tại PV Power: 5%

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Hóa học
- Tiến sĩ Hóa chuyên ngành Hữu cơ hóa dầu



Quá trình công tác:

11/1991 - 07/1997:

Nghiên cứu sinh, Trợ giảng môn chuyên ngành - Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội

08/1997 - 08/2001:

Phó phòng Quảng cáo Marketing - Báo đầu tư Vietnam Investment Review - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

09/2001 - 03/2005:

Chuyên viên Phòng Kỹ thuật - Ban Chuẩn bị đầu tư công trình liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam

04/2005 - 04/2008:

Chuyên viên chính, Phó phòng Ban Chế biến Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

05/2008 - 07/2010:

Phó Trưởng ban Chế biến Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

08/2010 - 01/2014:

Trưởng ban Chế biến Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

02/2014 - 05/2018:

Trưởng ban - Ban Khoa học Công nghệ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

06/2018 - 04/2019:

Chuyên viên cao cấp - Văn phòng Hội đồng Thành viên - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

04/2019 - 05/2021:

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

05/2021 - nay:

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,0018%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 10%

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư đô thị
- Thạc sĩ Kỹ thuật Quy hoạch đô thị
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



Quá trình công tác:

1994 - 2000:

2000 - 07/2007:

07/2007 - 09/2008:

09/2008 - 05/2009:

05/2009 - 06/2018:

06/2018 - 04/2022:

04/2022 - nay:

Chuyên viên Ban quản lý dự án thị xã Hà Đông
Chuyên viên Phòng dịch vụ tài chính tiền tệ, Chuyên viên Phòng Đầu tư,
Phó Phòng phụ trách, Trưởng Phòng Đầu tư - Công ty Tài chính Dầu khí
Thành viên Ban trụ bị thành lập Ngân hàng Thương mại cổ phần
Dầu khí - Phụ trách khối Ngân hàng Đầu tư
Phó chủ tịch Công đoàn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

ÔNG VŨ CHÍ CƯỜNG

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 0%

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Kỹ thuật Xây dựng Công trình Dân dụng và Công nghiệp, Kỹ sư Xây dựng - ngành Xây dựng Dân dụng Công nghiệp



Quá trình công tác:

02/2004 - 04/2005:

05/2005 - 12/2008:

12/2008 - 10/2010:

10/2010 - 05/2014:

06/2014 - 06/2015:

06/2015 - 12/2016:

12/2016 - 11/2019:

11/2019 - 5/2021:

05/2021 - nay:

Chỉ huy trưởng Công trình lấn biển Rạch Giá- Kiên Giang - Tổng công ty Xây dựng số 01
Đội trưởng đội thi công - Tổng công ty ĐTPT hạ tầng đô thị Hà Nội - UDIC
Chuyên viên Công ty CP đầu tư Xây lắp Dầu khí PVC-IMICO
Chuyên viên Phòng Xây dựng công trình Công nghiệp, Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Phó trưởng Phòng Xây dựng công trình Công nghiệp, Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Phó giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí
Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc - Công ty cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí
Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam; Giám đốc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 10%

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư xây dựng



Quá trình công tác:

11/1999 - 10/2002:

10/2002 - 12/2008:

12/2008 - 05/2009:

05/2009 - 03/2016:

03/2016 - 04/2018:

04/2018 - 04/2019:

04/2019 - 11/2020:

11/2020 - 12/2020:

12/2020 - nay:

Chuyên viên Ban quản lý dự án nhà số 185 Lê Duẩn
Chuyên viên Văn phòng Thẩm định thầu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Phó trưởng Ban Xây dựng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Phó Trưởng Ban Quản lý đấu thầu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Trưởng Ban Quản lý đấu thầu, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP
Trưởng Ban Kinh tế Đầu tư - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Trợ lý Tổng Giám đốc - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

ÔNG NGUYỄN BÁ PHƯỚC

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 0%

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ kết cấu
- Kỹ sư công trình biển



Quá trình công tác:

07/2002 - 06/2006:

07/2006 - 12/2007:

01/2008 - 06/2009:

07/2009 - 01/2013:

02/2013 - 03/2014:

04/2014 - 05/2018:

06/2018:

07/2018 - 4/2023:

04/2023 - nay:

Trưởng nhóm kết cấu, Tổ phó - Dự án Sư Tử Đen - Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Giám đốc điều hành - Công ty TNHH Hội tụ Quốc tế
Điều phối viên dự án - Công ty CP thương mại Dầu khí - Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)
Chuyên viên Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Trưởng phòng Phòng Xây dựng công trình công nghiệp - Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Phó Trưởng ban, Chuyên viên chính - Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Cán bộ - Ban Khai thác Dầu khí - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
Thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG LÊ NHƯ LINH

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Tỷ lệ cổ phần đại diện vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PV Power: 20%

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Kinh tế địa chất
- Thạc sĩ Kinh tế địa chất Dầu khí
- Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

10/1990 - 02/1994: Giảng viên Trường Đại học Mỏ địa chất
03/1994 - 07/2009: Chuyên viên, Phó trưởng ban Kế hoạch đầu tư, Trưởng ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
08/2009 - 03/2010: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Dầu khí
04/2010 - 12/2013: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Tổng công ty Dầu Việt Nam
12/2013 - 12/2018: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP
12/2018 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

ÔNG NGUYỄN DUY GIANG

Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0,0009%

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kế toán tổng hợp
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



Quá trình công tác:

09/1996 - 03/2001: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam
03/2001 - 10/2007: Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Phó Trưởng phòng kinh doanh - Công ty Xi măng Hoàng Mai thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam
10/2007 - 03/2009: Phó phòng, Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Ban Quản lý các dự án Thủy điện thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
03/2009 - 10/2009: Phó Tổng Giám đốc Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Việt Nam thuộc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
10/2009 - 07/2014: Trưởng Ban Kinh tế Kế hoạch - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
07/2014 - 01/2015: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
01/2015 - 11/2015: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam kiêm Phó Trưởng ban Quản lý dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1
11/2015 - 07/2018: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
07/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP

ÔNG NGUYỄN MINH ĐẠO

Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do Tổng công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Thiết kế
- Xây dựng và Vận hành đường ống và bể chứa Dầu khí
- Tiến sĩ Đường ống - Bể chứa



Quá trình công tác:

09/2000 - 06/2003: Kỹ sư Ban Quản lý Nhà máy lọc dầu Dung Quất
07/2003 - 12/2003: Kỹ sư Phòng Công nghệ Mỏ - Công ty Đầu tư và Phát triển Dầu khí
01/2004 - 02/2008: Chuyên viên, Phó trưởng Ban Xây dựng - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
03/2008 - 07/2009: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc CTCP Hóa Dầu và Xơ sợi tổng hợp Dầu khí
07/2009 - 07/2018: Trưởng Ban Đầu tư Phát triển, Trưởng ban Khí, Trưởng ban Xây dựng, Cán bộ Văn phòng Hội đồng thành viên - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
07/2018 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam - CTCP

ÔNG PHAN NGỌC HIỀN

Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
do Tổng công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tài chính Ngân hàng
- Cử nhân Đồ họa
- Thạc sĩ Tài chính và Kiểm soát



Quá trình công tác:

06/1999 - 06/2007: Kỹ thuật viên, Trưởng phòng Chế bản - Báo Lao động
06/2007 - 01/2008: Phó trưởng Ban Tổng hợp kiêm Trưởng phòng Hành chính - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
01/2008 - 09/2015: Chánh Văn phòng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
09/2015 - 08/2019: Chủ tịch Hội đồng Quản trị - CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
08/2019 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

ÔNG NGÔ VĂN CHIẾN

Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
do Tổng công ty phát hành: 0,00028%

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Điện khí hóa xí nghiệp
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh



Quá trình công tác:

10/1999 - 07/2001: Vận hành Gian máy, Bảng điện, Trưởng kíp Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ
07/2001 - 02/2003: Trưởng kíp vận hành Nhà máy Nhiệt điện Cần Thơ
03/2003 - 06/2004: Giám sát kỹ thuật, Đội trưởng thi công Hệ thống điện Động lực, điện Điều khiển, Hệ thống PCCC, Hệ thống camera Nhà máy Đạm Phú Mỹ
09/2004 - 04/2007: Chuyên viên Ban QLDA Khí Điện Đạm Cà Mau
04/2007 - 08/2007: P. Quản đốc phụ trách Phân xưởng Cơ nhiệt, Phân xưởng Điện - C&I - Công ty ĐLKD Cà Mau
09/2007 - 10/2008: Quản đốc Phân xưởng Điện - C&I - Công ty ĐLKD Cà Mau
11/2008 - 02/2009: Trưởng phòng An toàn Môi trường, kiêm trợ lý Tổng Giám đốc Công ty ĐLKD Cà Mau
03/2009 - 07/2011: Trưởng Phòng KHKD - Công ty ĐLKD Cà Mau
08/2011 - 12/2014: Phó Trưởng ban - Ban chuẩn bị sản xuất Điện lực Dầu khí Vũng Áng 1
12/2014 - 02/2016: Phó Giám đốc Công ty ĐLKD Hà Tĩnh
03/2016 - 10/2019: Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau
11/2019 - 10/2022: Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh
10/2022 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

ÔNG NGUYỄN KIÊN

Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
do Tổng công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Luật
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh



Quá trình công tác:

07/2002 - 08/2007: Chuyên viên - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí
08/2007 - 05/2009: Phó chánh Văn phòng, Trợ lý Tổng Giám đốc - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí
05/2009 - 12/2014: Phó Trưởng Ban Luật - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí
12/2014 - 03/2016: Trưởng Ban TCNS&ĐT - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí
03/2016 - 08/2017: Trưởng phòng, Thư ký Tổng Giám đốc, Chuyên viên, Phòng Pháp lý hợp đồng và Dự án Dầu khí, Ban Pháp chế - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
08/2017 - 09/2019: Phó Chánh văn phòng, Trợ lý Tổng Giám đốc - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
09/2019 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

ÔNG TRƯƠNG VIỆT PHƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
do Tổng công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế



Quá trình công tác:

02/2006 - 07/2006: Trợ lý Tổng Giám đốc - Công ty Vinamex
09/2006 - 12/2009: Chuyên viên Ban Đổi mới Doanh nghiệp; Ban Tài chính Kế toán; Thư ký - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
01/2010 - 04/2013: Thư ký Phó Tổng Giám đốc - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
05/2013 - 08/2014: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí; Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí
08/2014 - 07/2017: Phó Trưởng Ban Kế hoạch - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
08/2017 - 05/2018: Phó Trưởng Ban Tài chính - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
06/2018 - 07/2018: Ban Tài chính Kế toán - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
07/2018 - 01/2020: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP
01/2020 - 11/2023: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP (PV Chem)
11/2023 - nay: Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

ÔNG NGUYỄN MẠNH TƯỜNG

Phó Tổng Giám đốc
(Miễn nhiệm vào tháng 10/2023)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
do Tổng công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư cơ khí
- Thạc sĩ kỹ thuật



Quá trình công tác:

- 06/1998 - 10/2000:** Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật Ban quản lý dự án Khí - Tổng công ty Khí Việt Nam
- 11/2000 - 09/2001:** Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật Ban CBĐT Công trình Khí Điện Đạm Cà Mau - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 09/2001 - 10/2007:** Trưởng nhóm Cơ khí Phòng kỹ thuật khí, Phó trưởng phòng, Phó trưởng phòng phụ trách, Trưởng phòng dự án khí Ban quản lý dự án Khí Điện Đạm Cà Mau - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 10/2007 - 03/2009:** Phó giám đốc Ban Quản lý dự án Khí Tây Nam Bộ - Tổng công ty Khí Việt Nam
- 03/2009 - 05/2010:** Phó Trưởng Ban Quản lý dự án Khí Tây Nam Bộ - Tổng công ty Khí Việt Nam
- 05/2010 - 04/2012:** Phó giám đốc Công ty Điều hành Đường ống Lô B - Ô Môn
- 10/2012 - 05/2017:** Quyền Trưởng ban, Trưởng ban Xây dựng, Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng công ty Khí Việt Nam
- 06/2017 - 06/2018:** Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- 06/2018 - 10/2023:** Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Điện
- 10/2023:** Thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP; Chuyển công tác

ÔNG CHU QUANG TOÀN

Kế toán trưởng

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
do Tổng công ty phát hành: 0%

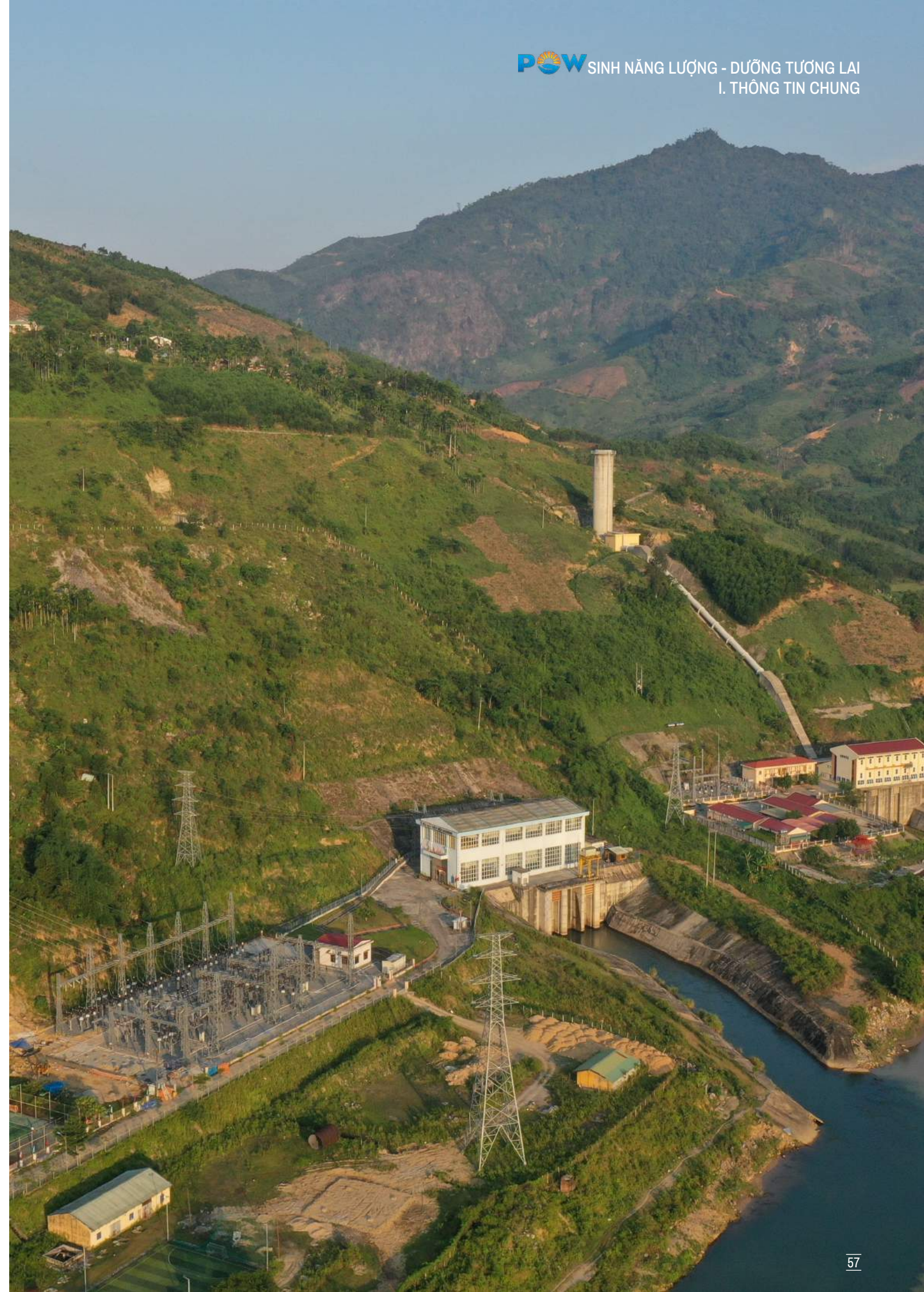
Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ kế toán



Quá trình công tác:

- 09/1991 - 08/1997:** Cục thuế tỉnh Nghệ An
- 08/1997 - 10/2002:** Phó phòng quản lý thuế - Doanh nghiệp Sản xuất tỉnh Nghệ An
- 10/2002 - 04/2003:** Phụ trách phòng Xử lý thông tin và Tin học - Cục thuế Nghệ An
- 10/2003 - 07/2007:** Trưởng phòng Tin học và Xử lý dữ liệu - Cục thuế Nghệ An
- 07/2007 - 11/2009:** Trưởng phòng thuế thu nhập cá nhân - Cục thuế Nghệ An
- 12/2009 - 10/2010:** Kế toán trưởng - Công ty Cao su Nghệ An - Tập đoàn Cao su Việt Nam
- 11/2010 - 06/2015:** Trưởng phòng Kế toán - Ban Quản lý dự án Đông Hồi - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
- 06/2015 - 06/2017:** Trưởng phòng Kế toán - Ban Quản lý dự án VICEM - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
- 06/2017 - 08/2018:** Kiểm soát viên Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
- 08/2018 - 04/2019:** Phó trưởng Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
- 04/2019 - 4/2020:** Phó trưởng Ban Phụ trách Ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
- 04/2020 - nay:** Kế toán trưởng, Trưởng ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP



BAN KIỂM SOÁT

ÔNG PHẠM MINH ĐỨC

Trưởng Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
do Tổng công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kế toán
- Thạc sĩ Quản lý kinh tế



Quá trình công tác:

1997 - 2001:	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Tổng công ty Xây dựng Sông Đà
2001 - 2003:	Chuyên viên Phòng Tài vụ - Trường Đại học Mở Địa chất
2003 - 2006:	Chuyên viên Phòng Kinh tế, Chuyên viên Phòng Kế toán - Viện Dầu khí Việt Nam
2006 - 2008:	Kế toán trưởng Công ty CP Kinh Doanh cao cấp Dầu khí Việt Nam
2008 - 2009:	Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV Quản lý & Khai thác TSDK
2009 - 2011:	Trưởng Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng - Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP
2011 - 2020:	Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP
2020 - 4/2023:	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ - Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
04/2023 - nay:	Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

ÔNG VŨ QUỐC HẢI

Trưởng Ban Kiểm soát
(Hết nhiệm kỳ vào tháng 04/2023)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
do Tổng công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kinh tế



Quá trình công tác:

10/1987 - 09/1992:	Giáo viên bộ môn Kế toán trưởng Đại học Thương mại
02/1994 - 05/2002:	Chuyên viên, Phó phòng Tài chính Kế toán - Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm Dầu mỏ PetroVietnam nay là Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP
05/2002 - 12/2007:	Chuyên viên (Phó Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ từ 02/2007) - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
01/2008 - 08/2010:	Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Kiểm soát viên phụ trách - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
08/2010 - 06/2018:	Kiểm soát viên chính - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
06/2018 - 04/2023:	Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
04/2023:	Hết nhiệm kỳ Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP, chuyển công tác

BÀ LÝ THỊ THU HƯƠNG

Kiểm soát viên
(Hết nhiệm kỳ vào tháng 4/2023)

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
do Tổng công ty phát hành: 0,00024%%

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ kinh tế



Quá trình công tác:

03/2001 - 05/2005:	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí
06/2005 - 09/2006:	Phó phòng Kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí
10/2006 - 03/2008:	Kế toán trưởng - Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí
04/2008 - 05/2009:	Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí
06/2015 - 07/2018:	Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
08/2018 - 04/2023:	Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
04/2023:	Hết nhiệm kỳ Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

BÀ VŨ THỊ NGỌC DUNG

Kiểm soát viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
do Tổng công ty phát hành: 0,00022%

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế và Kỹ thuật
- Cử nhân Tiếng Anh
- Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính, Lưu thông tiền tệ và Tín dụng



Quá trình công tác:

12/1993 - 10/2000:	Cán bộ Lao động tiền lương - Công ty VPP Cửu Long
11/2000 - 12/2004:	Chuyên viên kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí
01/2005 - 04/2007:	Phó phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ - Công ty Tài chính Dầu khí/ Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí
05/2007 - 11/2009:	Trưởng phòng/Giám đốc Ban kiểm tra kiểm soát nội bộ - Công ty Tài chính Dầu khí/TCT Tài chính CP Dầu khí
12/2009 - 09/2013:	Giám đốc Ban/ Trưởng Ban Kế hoạch - Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí
10/2013 - 04/2015:	Trưởng Ban Kế hoạch - Khối Tài chính Kế toán - Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam
05/2015 - 06/2018:	Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
06/2018 - nay:	Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

BÀ HÀ THỊ MINH NGUYỆT

Kiểm soát viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
do Tổng công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kế toán
- Thạc sĩ kinh tế
- Thạc sĩ kế toán



Quá trình công tác:

05/1992 - 12/2007:

Kế toán viên, Phó phòng giao dịch 1, Phó phụ trách Kế toán - Sở giao dịch Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam

01/2008 - 10/2008:

Kế toán trưởng - Ban trụ bị thành lập Ngân hàng Dầu khí

10/2008 - 09/2010:

Trưởng Ban Tài chính - Công đoàn Dầu khí Việt Nam

09/2010 - 06/2018:

Kế toán trưởng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

06/2018 - 04/2019:

Kế toán trưởng - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

04/2019 - nay:

Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

BÀ NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Kiểm soát viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
do Tổng công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kinh tế



Quá trình công tác:

01/1996 - 08/2007:

Chuyên viên Tài chính Kế toán - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam - Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí

08/2007 - 11/2007:

Chuyên viên Tài chính kế toán - Công ty Tài chính Dầu khí - Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí

12/2007 - 03/2008:

Kế toán trưởng - Ban Quản lý dự án Bệnh viện Dầu khí Việt Nam

09/2008 - 08/2009:

Chuyên viên Ban Tài chính kế toán và Kiểm toán - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

09/2009 - 06/2018:

Phó trưởng Ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam

06/2018 - 04/2023:

Phó trưởng Ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

04/2023 - nay:

Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

BÀ ĐOÀN THỊ THU HÀ

Kiểm soát viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
do Tổng công ty phát hành: 0%

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân kế toán
- Thạc sĩ Kế toán và Kiểm toán
- Tiến sĩ kinh tế



Quá trình công tác:

09/2007 - 06/2012

Kiểm toán viên - Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí

06/2012 - 12/2020:

Cán bộ Ban Kiểm soát nội bộ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

12/2020 - nay:

Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP



4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2035

4.1. Quan điểm

- Phát huy tối đa nội lực, tận dụng các nguồn lực bên ngoài và tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển PV Power thành thương hiệu có uy tín trong nước và trong khu vực.
- Lấy hiện trạng làm nền tảng, tiếp tục khai thác, quản lý, vận hành an toàn, hiệu quả và ổn định các Nhà máy điện hiện hữu, trong đó an toàn và hiệu quả là kim chỉ nam xuyên suốt quá trình phát triển.
- Phát triển PV Power phù hợp với chiến lược phát triển ngành Điện Việt Nam, phù hợp với định hướng phát triển lĩnh vực công nghiệp điện của PVN và phù hợp xu thế chung của thế giới; sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường để phát triển bền vững; tập trung phát triển nhiệt điện khí (bao gồm LNG), đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện mặt trời nổi lòng hồ thủy điện,...), phát triển các lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật điện, dịch vụ cung ứng nhiên liệu và các dịch vụ khác có liên quan.
- Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, thị trường bán buôn điện cạnh tranh một cách hiệu quả.
- Phát triển PV Power trên nguyên tắc không ngừng hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, đảm bảo công khai, minh bạch và hài hòa lợi ích của các cổ đông, của Nhà nước và người lao động.

4.2. Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát

Phát triển PV Power trở thành một Tổng công ty Công nghiệp Điện - Dịch vụ mạnh, với mục tiêu:

- | | | | | |
|---|---|--------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|
| Hiệu quả
trong sản xuất
kinh doanh | Chuyên
ng nghiệp về
quản trị | Mạnh
về
tài chính | Cao về
sức cạnh
tranh | Xanh
về
môi trường |
|---|---|--------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|

Mục tiêu cụ thể

Giữ vững vị thế số một trong lĩnh vực Điện Khí và là một trong những nhà cung cấp điện năng lớn nhất trong toàn hệ thống; chủ động, tích cực tham gia đầu tư phát triển các dự án sử dụng năng lượng tái tạo nhằm đảm bảo sự cân bằng các loại hình nguồn điện.

Phát triển các lĩnh vực dịch vụ liên quan đến sản xuất điện bao gồm dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và gia công chế tạo, phục hồi vật tư, thiết bị; dịch vụ cung ứng nhiên liệu cho các Nhà máy điện,... để hỗ trợ cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- | | |
|-------------------------------|--|
| Giai đoạn đến năm 2025 | Phấn đấu đến năm 2025, tổng công suất lắp đặt tối thiểu đạt 5.760 MW, chiếm khoảng 8% công suất lắp đặt toàn hệ thống. |
| Giai đoạn đến năm 2035 | Tổng công suất lắp đặt của PV Power là 5.760 - 9.560 MW, chiếm khoảng 5% công suất lắp đặt toàn hệ thống. |



4.3. Định hướng triển khai

4.3.1. Sản xuất và kinh doanh điện năng

Giai đoạn 2021 - 2025

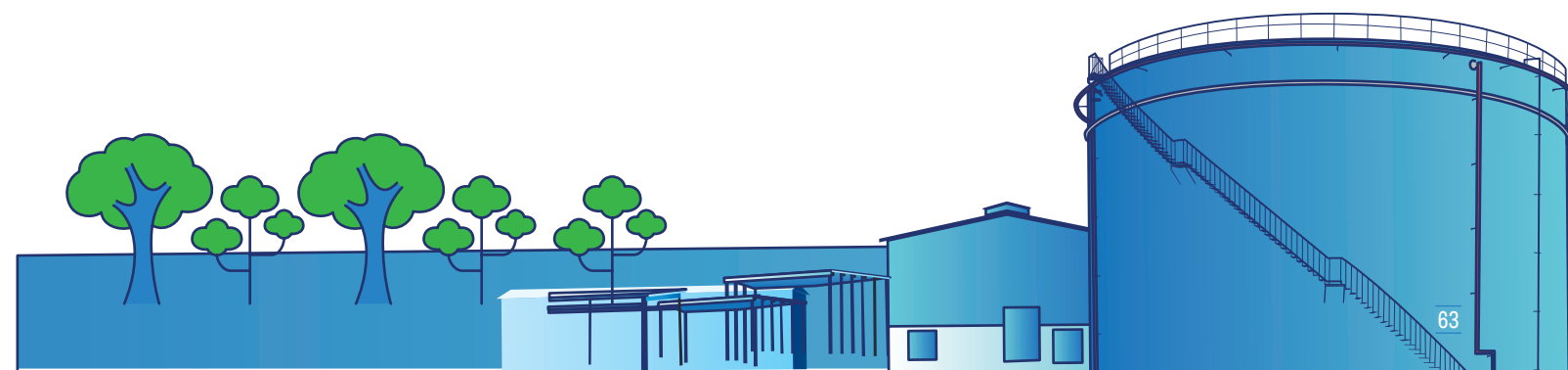
- Tiếp tục quản lý, vận hành ổn định/hiệu quả các nhà máy điện hiện hữu và các Nhà máy điện mới chuẩn bị đưa vào vận hành.
- Tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh theo lộ trình phát triển của thị trường điện.
- Chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng tham gia thị trường bán lẻ điện theo lộ trình phát triển của thị trường điện.
- Phấn đấu đến năm 2025, tổng công suất lắp đặt tối thiểu của PV Power là 5.760 MW.

Giai đoạn 2026 - 2030

- Tiếp tục vận hành ổn định và hiệu quả các Nhà máy điện hiện hữu và các Nhà máy điện mới đưa vào vận hành trong giai đoạn.
- Củng cố hạ tầng, xem xét đầu tư các trạm cấp điện thẳng đến hộ tiêu thụ cuối cùng phù hợp với xu thế tiêu dùng của thị trường phát triển mở rộng kinh doanh bán lẻ điện và tham gia thị trường điện bán buôn phù hợp với quy mô phát triển của thị trường điện.
- Phấn đấu đến năm 2030, tổng công suất lắp đặt của PV Power là 5.760 - 8.960 MW, chiếm khoảng 7% tổng công suất đặt toàn hệ thống.

Giai đoạn 2031 - 2035

- Phấn đấu đến năm 2035, tổng công suất lắp đặt của PV Power là 5.760 - 9.960 MW, chiếm khoảng 5% tổng công suất đặt toàn hệ thống.



4.3.2. Đầu tư phát triển nguồn điện

Giai đoạn 2021 - 2025

- Hoàn thành công tác đầu tư xây dựng và đưa Nhà máy điện khí Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 với tổng công suất 1.624 MW vào vận hành trong năm 2024, 2025
- Tiếp tục triển khai đầu tư và đưa dự án Nhà máy điện LNG Quảng Ninh (1.500 MW) vào vận hành giai đoạn trước năm 2030, tìm kiếm các cơ hội đầu tư các dự án điện LNG theo quy hoạch điện VIII đã được phê duyệt và Nghị quyết 86/NQ-ĐLĐK ngày 27/9/2023 của PV Power (tại các địa điểm Nghi Sơn, Quỳnh Lập, Vũng Áng, Cà Mau,...); đối với các dự án Năng lượng tái tạo tìm kiếm cơ hội đầu tư mới hoặc M&A (điện mặt trời, thủy điện, điện gió, nhiệt điện rác, điện sinh khối, ...).

Giai đoạn 2026 - 2035

- Tiếp tục góp vốn để triển khai đầu tư dự án Nhà máy điện khí Quảng Ninh (1.500 MW) và đưa vào vận hành trong giai đoạn.
- Năng lượng tái tạo: Tìm kiếm, nghiên cứu góp vốn đầu tư các dự án điện khác có hiệu quả, khả thi. Mục tiêu đến năm 2035 tham gia góp vốn để đầu tư thêm 1.000 MW năng lượng điện tái tạo (trong đó 800 MW đưa vào vận hành trong giai đoạn).

4.3.3. Lĩnh vực dịch vụ

DỊCH VỤ BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA NHÀ MÁY ĐIỆN

Giai đoạn 2021 - 2025

- Nâng cao năng lực cốt lõi của Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật với việc xây dựng lực lượng kỹ thuật bảo dưỡng sửa chữa chất lượng cao/chuyên sâu, chuyên nghiệp để tổ chức quản lý, thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa cho các Nhà máy điện của PV Power, cung cấp dịch vụ kỹ thuật cao (như dịch vụ chạy thử, dịch vụ thí nghiệm hiệu chỉnh; dịch vụ kiểm toán năng lượng). Từng bước mở rộng thị trường để đảm nhận và thực hiện công tác dịch vụ O&M tại các Nhà máy điện của PVN và các Nhà máy điện khác.
- Quản lý, vận hành xưởng gia công/phục hồi tại Nhơn Trạch (xưởng Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4) đảm bảo đáp ứng nhu cầu gia công cho công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện của PV Power và các Nhà máy điện bên ngoài.

Giai đoạn 2026 - 2035

- Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để trở thành Nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật chính cho tất cả các Nhà máy điện thuộc PVN/Tổng công ty.
- Thực hiện cung cấp chuỗi dịch vụ kỹ thuật khép kín từ khâu sản xuất phụ tùng thay thế, hiệu chỉnh thiết bị, kiểm định đo lường thiết bị.
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật trọn gói vận hành và bảo dưỡng sửa chữa các Nhà máy điện than, điện khí trong nước và khu vực Asean.

DỊCH VỤ CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU

Giai đoạn 2021 - 2025

- Đảm bảo cung cấp nhiên liệu (than, khí, dầu,...) ổn định, lâu dài cho các Nhà máy điện của PV Power.
- Đảm bảo đầy đủ các dịch vụ hậu cần nhằm đáp ứng thuận tiện và hiệu quả đối với công tác cung ứng nhiên liệu.
- Tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh cung ứng nhiên liệu cho các hộ tiêu thụ đảm bảo hiệu quả kinh tế.

Giai đoạn 2026 - 2035

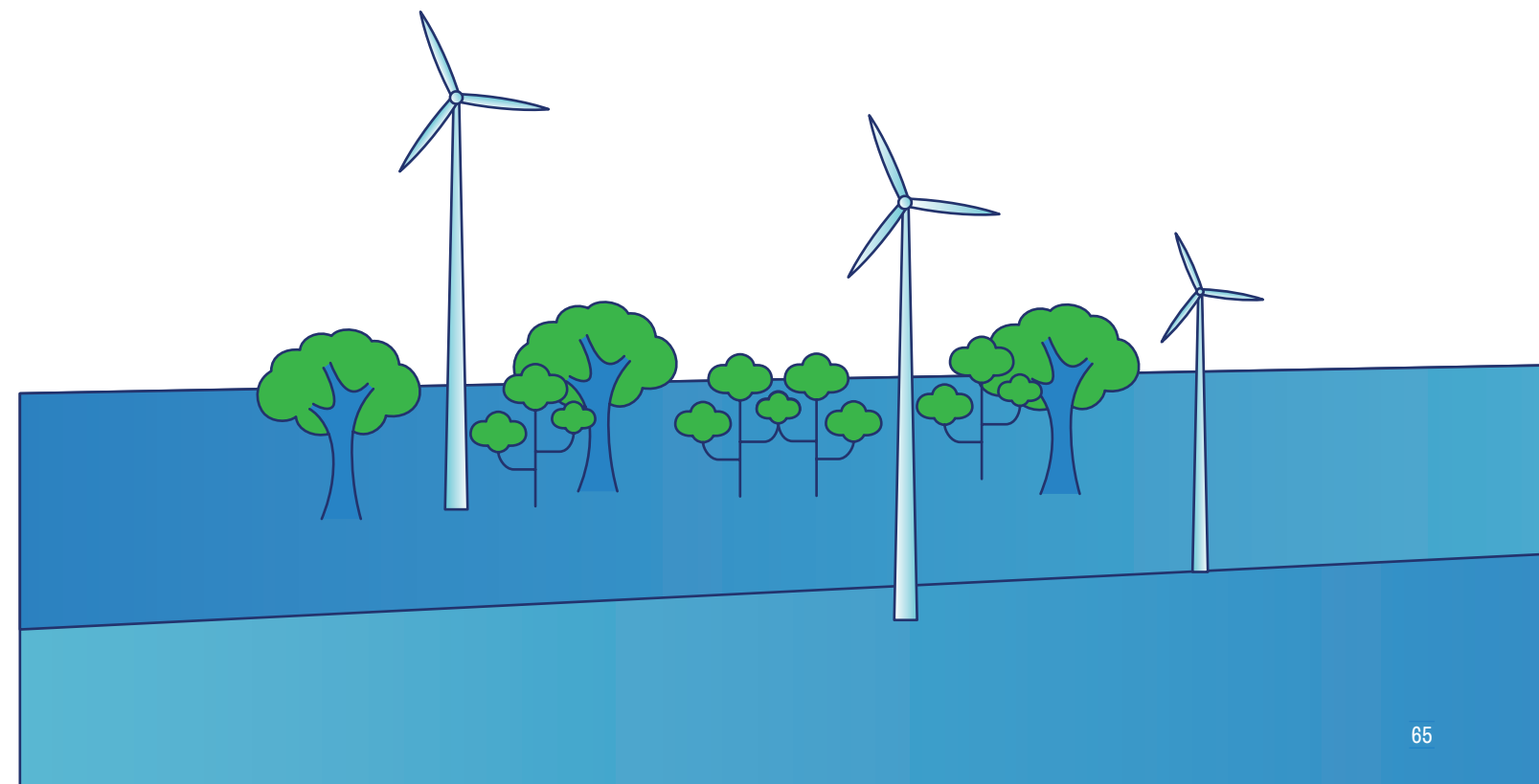
- Đảm bảo cung cấp nhiên liệu (than, khí, dầu,...) lâu dài, ổn định cho các Nhà máy điện của PV Power.
- Đảm bảo đầy đủ các dịch vụ hậu cần nhằm đáp ứng thuận tiện và hiệu quả đối với công tác cung ứng nhiên liệu.
- Cung ứng than nhập khẩu (vận chuyển nội địa và chuyển tải) cho các hộ tiêu thụ trong và ngoài Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh cung ứng nhiên liệu cho các hộ tiêu thụ đảm bảo hiệu quả kinh tế.

4.3.4. Các mục tiêu phát triển bền vững về môi trường

Bảo đảm các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ của Tổng công ty đáp ứng các quy định pháp luật và tiêu chuẩn môi trường liên quan. Hạn chế tối đa tác động xấu đến môi trường từ các hoạt động sản xuất của Tổng công ty. Bảo đảm tất cả các chỉ số phát thải không vượt quá quy định pháp luật cho phép.

Ưu tiên và khuyến khích sử dụng các công nghệ mới, công nghệ tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh theo chủ trương của Chính phủ và của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Lựa chọn sử dụng công nghệ mới nhất khi đầu tư nhà máy mới, chú trọng phát triển năng lượng tái tạo.

Tích cực nghiên cứu tìm hiểu các loại nhiên liệu sạch, nhiên liệu thay thế và các công nghệ giảm thiểu phát thải tiên tiến khác để kịp thời đáp ứng chuyển dịch năng lượng, hướng tới mục tiêu giảm thiểu phát thải ròng của Chính phủ.



5. CÁC RỦI RO

Hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Power bị ảnh hưởng nhiều từ những biến động của nền kinh tế thế giới và sự phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam nói chung và của ngành điện/EVN nói riêng. Quy hoạch và định hướng phát triển năng lượng quốc gia và các cơ chế chính sách của nhà nước, các yếu tố nguyên nhiên vật liệu, đầu vào/đầu ra đã tác động rất lớn đến điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Bên cạnh đó, vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn dài, đòi hỏi quản trị tốt nguồn lực bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

Trong quá trình hoạt động và phát triển của PV Power, các rủi ro luôn tiềm ẩn trong các chiến lược kinh doanh, trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trong các hoạt động tài chính và quản lý tính tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Luôn ý thức và hiểu rõ tầm quan trọng của quản lý rủi ro, PV Power đã xây dựng và áp dụng các phương pháp quản lý rủi ro, trong đó quy định cụ thể công tác kiểm soát và báo cáo các rủi ro từ Ban lãnh đạo đến người lao động. PV Power quản lý và giám sát các mối nguy có thể tác động đến năng lực đáp ứng nhu cầu năng lượng của quốc gia trong khi vẫn tạo ra các giá trị bền vững lâu dài doanh nghiệp. Hệ thống quản lý, cơ cấu tổ chức, các quá trình, tiêu chuẩn, quy tắc ứng xử của PV Power đã tạo nên một hệ thống kiểm soát nội bộ điều chỉnh phương thức hoạt động và kinh doanh nói chung và quản lý các rủi ro liên quan nói riêng. Trong giai đoạn hiện nay, các rủi ro chính của PV Power chủ yếu tập trung vào các vấn đề sau:



Rủi ro chiến lược

Kinh tế thế giới có nhiều biến động khó lường cùng với môi trường cạnh tranh gay gắt, các mối nguy về xung đột chính trị, tôn giáo, tranh chấp chủ quyền thương mại, trữ lượng, giá dầu thô thế giới trong xu hướng tăng cao, tỷ giá ngoại tệ biến động phức tạp, kinh tế toàn cầu giảm tốc khi bảo hộ thương mại và xung đột thương mại gia tăng. Ngoài ra, hệ thống chính sách của nhà nước chưa thực sự đồng bộ, chưa đi kịp với thời đại, cùng với đó có nhiều thay đổi, sự chồng chéo của các bộ/ngành/địa phương/cơ quan chủ quản... đặc biệt là đối với lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng xanh sạch đặt ra nhiều thách thức cho Ban lãnh đạo PV Power trong việc đưa ra chiến lược phát triển dài hạn.



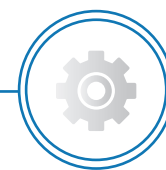
Rủi ro ảnh hưởng từ nguồn cung năng lượng tái tạo và các nguồn năng lượng sơ cấp đang dần cạn kiệt

Việc phát triển nguồn năng lượng tái tạo để hiện thực hóa những cam kết của Việt Nam tại COP26 sẽ khiến cho khả năng được huy động của các nhà máy điện khí, than giảm đặc biệt là vào các giai đoạn mùa mưa và những khoảng thời gian thuận lợi cho các nguồn năng lượng tái tạo phát điện.



Rủi ro tuân thủ

PV Power phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình tại nhiều địa bàn khác nhau, nhiều lĩnh vực ... Do đó, việc tuân thủ pháp luật Việt Nam và quy định của Bộ, Ngành, địa phương là rất quan trọng.



Rủi ro hoạt động

Hoạt động điện lực luôn phải đối mặt với các rủi ro như: cháy nổ, xâm hại, vi phạm an ninh an toàn điện ... dẫn đến việc nguy hại đến tính mạng, tổn thất tài sản, hư hỏng thiết bị, máy móc và theo đó là thảm họa về cháy nổ. Các nhà máy điện của PV Power đều được trang bị hệ thống phòng chống cháy nổ tự động hiện đại đồng thời mỗi nhà máy đều có đội PCCC chuyên ngành và xe chữa cháy với chế độ trực 24/24 luôn đảm bảo phòng tránh và sẵn sàng chữa cháy hiệu quả nhất.



Rủi ro tài chính

Hiện nay, PV Power có mô hình hoạt động với nhiều công ty con, công ty liên kết. Việc đầu tư phát triển dự án điện có vốn đầu tư lớn. Điều này tạo ra các rủi ro trong hoạt động tài chính, thu xếp vốn, quản trị kế hoạch nguồn vốn và dòng tiền phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. PV Power cũng gặp khó khăn trong việc thu xếp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư các dự án nguồn điện. Bảo lãnh vay vốn nước ngoài của Chính phủ cho đầu tư các công trình điện đang được hạn chế theo chủ trương chung là tự vay - tự trả; Về công tác thu hồi công nợ, việc đàm phán các hợp đồng PPA đòi hỏi phải chặt chẽ để giảm thiểu rủi ro.



Rủi ro từ điều kiện môi trường, xã hội

Các nhà máy điện của PV Power đều sử dụng công nghệ hiện đại, có hệ thống xử lý khí thải, nước thải được kiểm soát chặt chẽ, kết nối dữ liệu với Sở TNMT địa phương nên khả năng phát thải vượt tiêu chuẩn gây sự cố ô nhiễm môi trường là rất nhỏ; Rủi ro từ tình hình thời tiết, khí hậu, thủy văn,...

Ngoài ra, nguồn nhiên liệu đầu vào ngày càng hạn chế, dự kiến trong tương lai phải nhập khẩu với giá thành cao sẽ ảnh hưởng tính cạnh tranh của PV Power, cơ chế chính sách, hạ tầng cơ sở trong việc nhập khẩu nhiên liệu,... còn một số vướng mắc.

Các nhà máy nhiệt điện khí hiện hữu bước vào giai đoạn gặp nhiều khó khăn, ngoài việc sử dụng nguồn khí có giá cao ảnh hưởng đến hiệu quả còn phải chịu tác động của xu hướng giảm sản lượng Qc giao của Cục Điều tiết Điện lực. Bên cạnh đó các Hợp đồng mua bán điện đến giai đoạn phải đàm phán lại, khả năng hiệu quả sẽ thấp hơn các hợp đồng trước đây.

Tuy đã hạn chế được ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhưng các rủi ro liên quan tới sức khỏe của người lao động luôn hiện hữu trong giai đoạn hiện tại, việc đảm bảo vận hành các nhà máy điện an toàn, liên tục trong giai đoạn phục hồi sau đại dịch đồng thời kịp thời ứng phó với các rủi ro khác có thể phát sinh luôn là ưu tiên hàng đầu của PV Power, PV Power và các đơn vị đã chủ động xây dựng các phương án, kịch bản, tổ chức diễn tập, thường xuyên bổ sung các trang, thiết bị phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh nhằm đảm bảo sức khỏe người lao động và duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	70
2	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	76
3	TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	80
4	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	88
5	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	90
6	BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY	92

CHƯƠNG II

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Các khó khăn, thách thức năm 2023



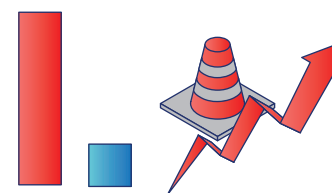
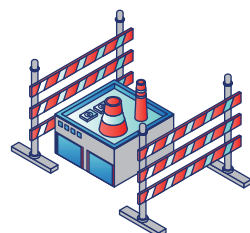
Việc biến động lớn nhu cầu phụ tải theo mùa ngoài dự kiến đã gây áp lực đến công tác điều hành/điều tiết vận hành hệ thống điện và việc vận hành của các nhà máy điện trên thị trường: Ảnh hưởng của Elnino, thời tiết nắng nóng khô hạn trong 6 tháng đầu năm gây thiếu nguồn cung không đáp ứng nhu cầu phụ tải cho hệ thống điện, các nhà máy nhiệt điện khí của Tổng công ty phải vận hành nhiên liệu dầu (trong tháng 4, tháng 5) theo huy động của A0 làm giảm hiệu quả vận hành và ảnh hưởng đến độ bền thiết bị, tăng khả năng sự cố các nhà máy điện. Trong khi đó tình hình mưa lũ và việc thừa nguồn cung điện từ tháng 8 ÷ tháng 11 làm giảm sâu giá điện thị trường toàn phần FMP (chỉ còn khoảng 845 đồng/kWh) thấp hơn giá chi phí biến đổi, làm ảnh hưởng đến khả năng được huy động, giảm sâu sản lượng vận hành của các nhà máy nhiệt điện của PV Power.

Nhiều nhà máy điện của PV Power trong quý III và quý IV ngừng máy để sửa chữa lớn (đại tu/trung tu) như Nhà máy điện Cà Mau 2, Nhơn Trạch 2, Đakdrinh, Nhơn Trạch 1, ...



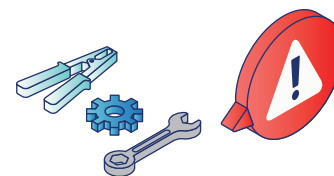
Hệ số α tính toán Qc hàng tháng của các nhà máy nhiệt điện giảm, thủy điện tăng gây khó khăn cho các nhà máy trong công tác chào giá vận hành trên thị trường. Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 được giao Qc thấp trong năm 2023; tập trung vào tháng 9, tháng 10 được giao Qc cao (tổng 507 triệu kWh), tuy nhiên không được cấp đủ khí làm giảm Qc được chấp thuận thanh toán (chỉ còn 386 triệu kWh), không tận dụng hết lợi thế Qc giao cao từ đầu năm.

Nhà máy điện Đakdrinh bị A0 hạn chế vận hành trong tháng 5, 6 đến tháng 11, ảnh hưởng đến việc tận dụng lượng nước về và hiệu quả dung tích hồ chứa.



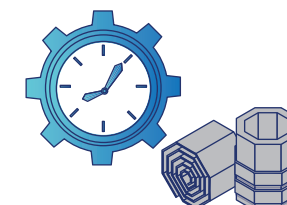
Sự lệch pha giữa nhu cầu điện và khả năng cấp khí, cùng với tần suất sự cố xảy ra nhiều (từ đầu năm đã xảy ra 23 lần sự cố) tại các giàn cấp khí khu vực Tây Nam Bộ trong giai đoạn vừa qua ảnh hưởng lớn đến khả năng vận hành của Nhà máy điện Cà Mau 1&2. Thêm vào đó, hệ thống đường ống cấp khí tại Cà Mau bị giới hạn về lưu lượng và áp suất nên rất khó vận hành với công suất tối đa 04 tổ máy.

Với việc thiếu nguồn than trong nước trong giai đoạn vừa qua và hiện nay, Nhà máy điện Vũng Áng 1 phải sử dụng 100% than cám 5a.10 phối trộn. Nguồn cung than cám 5a.10 cũng đang không đủ cấp cho các Nhà máy điện than, hiện tại nhà máy điện đang thử nghiệm than cám 5a.14 để đảm bảo nguồn than trong năm 2024 và giai đoạn tiếp theo.



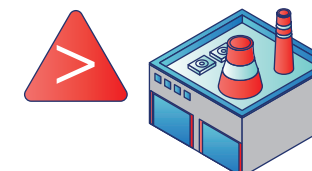
Sự cố Tổ máy số 01 của Nhà máy điện Vũng Áng 1 dự kiến khắc phục xong từ tháng 3/2023, tuy nhiên đến 12/8/2023 mới hoàn thành, gây ảnh hưởng đến vận hành của nhà máy.

Tỷ lệ nội địa hóa vật tư, thiết bị thay thế cho các nhà máy điện hiện nay chưa cao, chi phí/thời gian sửa chữa bảo dưỡng/thay thế vật tư các nhà máy điện phụ thuộc vào thời gian vận chuyển logistic quốc tế/độ sẵn có của các nhà cung cấp nước ngoài,... ảnh hưởng tới công tác bảo dưỡng sửa chữa và khả năng sớm khắc phục sự cố tại các nhà máy điện.



Lạm phát tăng khiến tỷ giá ngoại tệ tăng cao trong giai đoạn vừa qua, đồng thời giá nguyên, vật liệu sản xuất tăng làm chi phí tài chính, và các chi phí khác tăng cao.

Khó khăn của EVN ảnh hưởng đến việc thanh toán, dòng tiền cho các nhà máy điện. Việc vận hành thị trường điện của A0/EVN bất thường trong năm 2023.



Một số kết quả, thành tựu đạt được trong năm 2023

Mặc dù tình hình thị trường điện hết sức khó khăn, tuy nhiên Tổng công ty đã áp dụng nhiều giải pháp về kỹ thuật, chào giá thị trường linh hoạt, có hiệu quả để đảm bảo việc vận hành các nhà máy điện an toàn, ổn định, liên tục theo điều độ của A0. Kết quả lợi nhuận Công ty Mẹ và toàn Tổng công ty vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể: Tổng doanh thu đạt 29.075 tỷ đồng; Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 1.442 tỷ đồng, vượt 12% kế hoạch năm 2023; Nộp ngân sách Nhà nước đạt 1.475 tỷ đồng, vượt 67% kế hoạch năm 2023.

Tổ chức thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các nhà máy điện đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn, cụ thể: đại tu Nhà máy điện Cà Mau 2, đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, đại tu Tổ máy H2 Nhà máy điện Đakrinh, trung tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, trung tu Nhà máy điện Hòa Na, tiểu tu Nhà máy điện Cà Mau 1, tiểu tu Tổ H1 Nhà máy điện Đakrinh. Các nhà máy vận hành ổn định sau bảo dưỡng sửa chữa định kỳ.

Công tác đại tu kết hợp khắc phục sự cố Tổ máy số 1 Nhà máy điện Vũng Áng 1 đã giải quyết triệt để sự cố, và vận hành đảm bảo an toàn tới thời điểm hiện tại.

Tích cực thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí tại các đơn vị trong Tổng công ty. Tổng chi phí tiết kiệm, tiết giảm được năm 2023 đạt 268,0 tỷ đồng. Trong đó, tiết kiệm nhiên liệu và năng lượng 178,8 tỷ đồng; tiết kiệm nguyên, vật liệu 18,3 tỷ đồng; tiết kiệm chi phí quản lý 65,9 tỷ đồng; tiết kiệm trong quản lý đầu tư xây dựng 5,1 tỷ đồng.

Doanh thu của toàn Tổng công ty

29.075 TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế của toàn Tổng công ty

1.442 TỶ ĐỒNG

Nộp ngân sách Nhà nước đạt

1.475 TỶ ĐỒNG

Thực hiện cung cấp than ổn định, liên tục, dài hạn và cơ bản triển khai tốt công tác tiêu thụ tro xỉ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, liên tục cho Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1.

Tại Nhà máy điện Đakrinh, hoàn thành công tác tái cơ cấu vốn vay ngân hàng nước ngoài thành vay ngân hàng trong nước để tránh rủi ro chênh lệch tỷ giá tăng cao, kỳ vọng giảm chi phí tài chính hàng năm, đảm bảo việc cân đối nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển quy mô đơn vị, có thể cân đối chia cổ tức hàng năm cho Công ty Mẹ Tổng công ty.

Với tình hình sản xuất kinh doanh nhiều thuận lợi và đạt kết quả lợi nhuận cao trong giai đoạn vừa qua, tình hình tài chính tại Nhà máy điện Hòa Na đã ổn định và có thể cân đối đủ nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư mở rộng quy mô, và chia cổ tức (trong năm 2023 bắt đầu chia cổ tức với giá trị cổ tức Công ty Mẹ PV Power được nhận là 284,8 tỷ đồng).

Tích cực triển khai dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, phần đầu đảm bảo tiến độ trong năm 2023 và bù các phần tiến độ đã chậm của giai đoạn trước. Công tác thu xếp vốn đầu tư Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 đang đảm bảo cấp đủ vốn theo tiến độ thi công xây dựng.

Một số kết quả, thành tựu đạt được trong năm 2023

Công tác đầu tư dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh đã hoàn thành Hồ sơ Báo cáo NCKT để báo cáo các cấp thẩm quyền. Hiện tại Công ty Cổ phần LNG Quảng Ninh đang tổ chức hoàn thiện hồ sơ Báo cáo NCKT theo nội dung thẩm định, rà soát của các cấp.

Công tác lắp đặt hệ thống tiết kiệm năng lượng sử dụng biến tần tại Nhà máy điện Vũng Áng 1 đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu EPC và bắt đầu triển khai; kỳ vọng sẽ tiết kiệm năng lượng và giảm chi phí cho nhà máy điện, mang lại nguồn doanh thu ổn định cho PV Power REC.

Năm 2023 là năm thứ 3 liên tiếp, Tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới Fitch Ratings đã xác nhận PV Power có xếp hạng nhà phát hành nợ dài hạn bằng ngoại tệ (IDR) tại mức BB với “Triển vọng tích cực”; cổ phiếu POW đứng ở vị trí số 15 trong thành phần chỉ số VN30 kỳ tháng 7/2023; tổ chức xếp hạng Fitch Ratings đã nâng hạng tín nhiệm nhà phát hành nợ dài hạn bằng ngoại tệ (IDR) từ BB lên mức BB+ với triển vọng ổn định; PV Power vinh dự lần thứ 4 được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam (CSI 100); ...



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1. Danh sách Ban Điều hành

STT	BAN ĐIỀU HÀNH	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH	TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI PV POWER
1	Ông Lê Như Linh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	0%	20%
2	Ông Nguyễn Duy Giang	Phó Tổng Giám đốc	0,0009%	
3	Ông Nguyễn Mạnh Tường (Đã chuyển công tác)	Phó Tổng Giám đốc	0%	
4	Ông Nguyễn Minh Đạo	Phó Tổng Giám đốc	0%	
5	Ông Phan Ngọc Hiền	Phó Tổng Giám đốc	0%	
6	Ông Nguyễn Kiên	Phó Tổng Giám đốc	0%	
7	Ông Ngô Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc	0,00028%	
8	Ông Trương Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc	0%	
9	Ông Chu Quang Toàn	Kế toán trưởng	0%	



2.2. Những thay đổi trong Ban Điều hành

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THAY ĐỔI	HIỆU LỰC
1	ÔNG NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty	Thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc, chuyển công tác	20/10/2023
2	ÔNG TRƯƠNG VIỆT PHƯƠNG	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty	Bổ nhiệm mới	27/11/2023

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

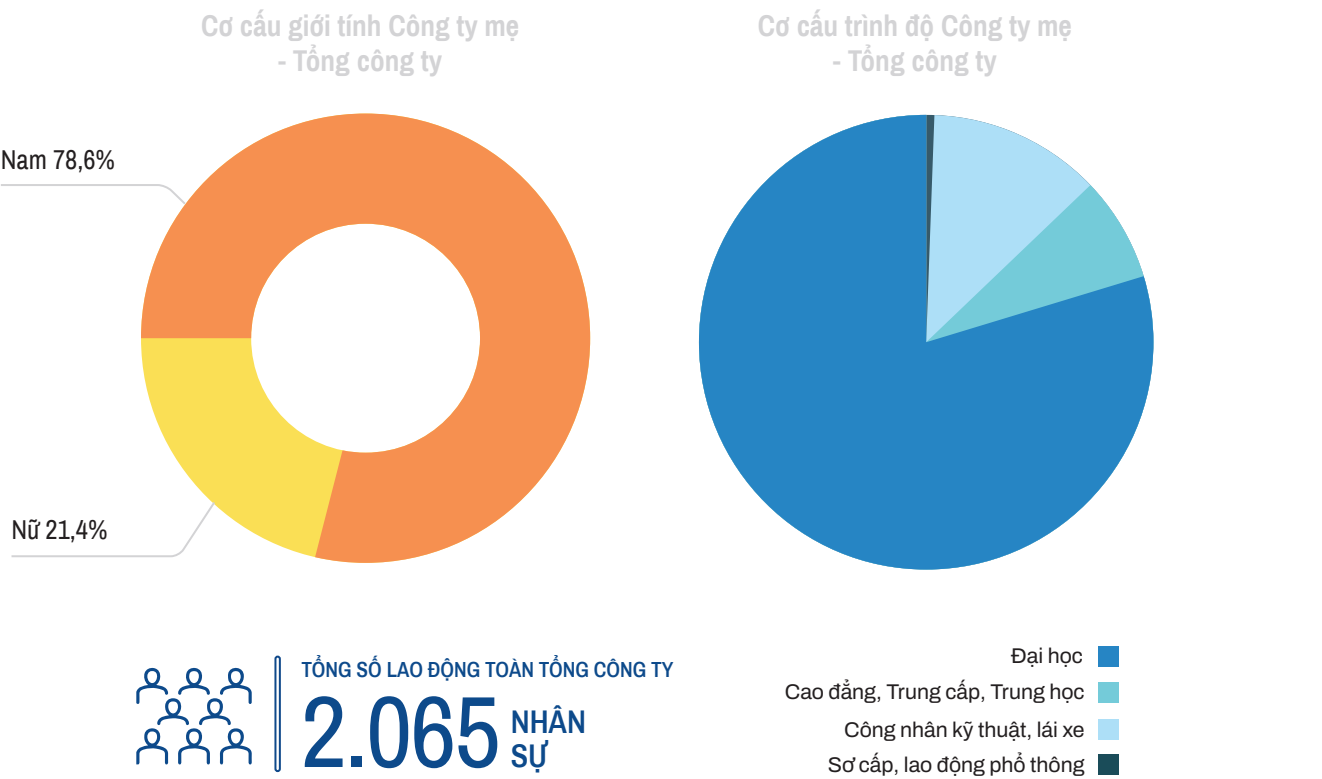
Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến 31/12/2023, tổng số lao động của toàn Tổng công ty là 2.065 người (đã bao gồm 20 người quản lý Tổng công ty).

Trong đó, số lao động tại Công ty mẹ - Tổng công ty là: 1.243 người, gồm: 20 người quản lý Tổng công ty và 1.223 người lao động Công ty mẹ (đã bao gồm người lao động tại Ban Quản lý Dự án Điện), cụ thể:

+ **Cơ cấu giới tính:** Nam: 977 người (chiếm 78,60%), Nữ: 266 người (chiếm 21,40%).

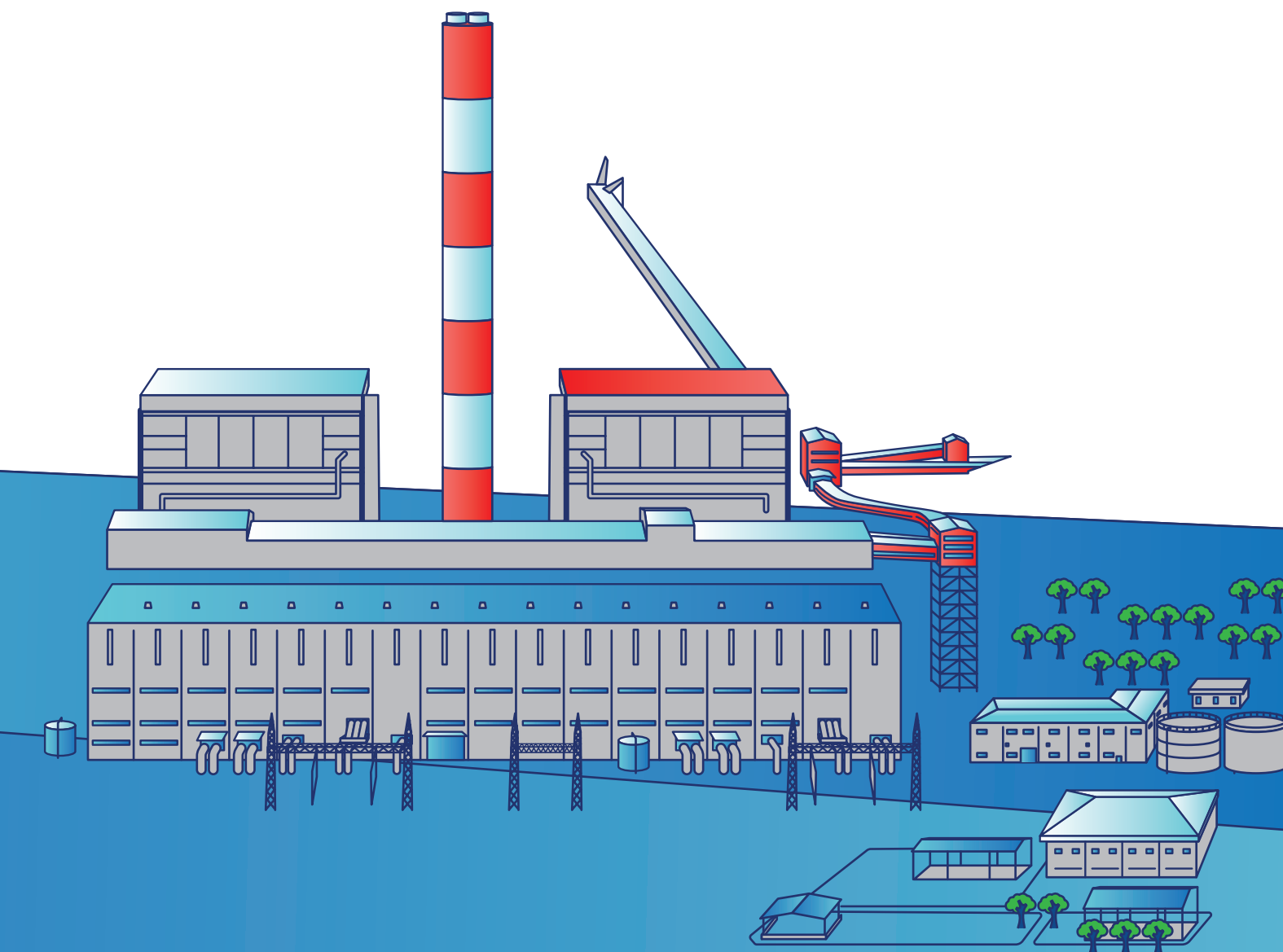
+ **Cơ cấu trình độ:** Đại học trở lên: 990 người (chiếm 79,65%); Cao đẳng, trung cấp, trung học: 94 người (chiếm 7,56%); Công nhân kỹ thuật, lái xe: 151 người (chiếm 12,15%); Sơ cấp, lao động phổ thông: 08 người (chiếm 0,64%).



Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Tổng công ty đã xây dựng và ban hành Cơ chế quản lý tiền lương trong Công ty mẹ - Tổng công ty tại Quyết định số 567/QĐ-ĐLDK ngày 19/7/2023. Cơ chế mới thực hiện việc quản lý, giao khoán quỹ tiền lương gắn với các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, nhiệm vụ được giao và hiệu quả hoạt động của Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc. Bên cạnh đó, cơ chế mới cũng tạo động lực và nâng cao trách nhiệm cho các đơn vị để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được Tổng công ty giao. Trên cơ sở đó, Tổng công ty đã xây dựng và phê duyệt Quy định đánh giá, chấm điểm các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh/nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty (Quyết định số 793/QĐ-ĐLDK ngày 04/10/2023) làm cơ sở để giao khoán quỹ tiền lương kế hoạch và quyết toán quỹ tiền lương thực hiện hàng năm cho các đơn vị của Tổng công ty.

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng phần vốn của PV Power đầu tư tại các doanh nghiệp khác và nhằm gắn kết hơn nữa quyền lợi, trách nhiệm của Người đại diện Tổng công ty tại các đơn vị có cổ phần/vốn góp của PV Power, Hội đồng quản trị đã phê duyệt, ban hành Quy chế quản lý quỹ thù lao, tiền thưởng đối với Người đại diện kiêm nhiệm của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP tại Quyết định số 190/QĐ-ĐLDK ngày 28/3/2023.



3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Năm 2023, PV Power thực hiện (là chủ đầu tư) và tham gia thực hiện (góp vốn đầu tư) các dự án lớn sau:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4
- Dự án mua tòa nhà làm văn phòng làm việc của PV Power
- Dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh.



Dự án các Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4

Hội đồng quản trị PV Power đã phê duyệt Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 tại Quyết định số 628/QĐ-ĐLĐK ngày 21/7/2020.

THÔNG TIN DỰ ÁN

Quy mô (công suất): 1.624MW
Chủ đầu tư: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP
Địa điểm đầu tư: KCN Ông Kèo, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Tổng mức đầu tư: 32.486.933.657.876 đồng
Kế hoạch dự kiến:
 Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 vận hành thương mại 15/11/2024;
 Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 vận hành thương mại 15/5/2025.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

Đến ngày 31/12/2023, tiến độ tổng thể: ước đạt 76,8% (đến 26/01/2024, tiến độ đạt 80,2%).

Dự án đầu tư trụ sở làm việc của PV Power

THÔNG TIN DỰ ÁN

Diện tích đất xây dựng công trình Tòa nhà văn phòng DLC: 773,5m² (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích sử dụng riêng là 773,5m²)
Mật độ xây dựng: 45% (theo mật độ dự án)
Tầng cao công trình: 32 tầng nổi (có 04 tầng hầm sử dụng chung thuộc dự án DLC - Complex Nguyễn Tuấn)
Diện tích sàn xây dựng: 24.752m²

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

PV Power và đối tác đã ký kết hợp đồng mua bán tòa nhà văn phòng DLC, dự kiến hoàn thành trong năm 2024 đến Quý 1/2025

Dự án Nhà máy điện khí LNG Quảng Ninh

THÔNG TIN DỰ ÁN

Quy mô (công suất):
 Nhà máy điện khí chu trình hỗn hợp: 1.500 MW
 Kho chứa LNG, hệ thống tái hóa khí, bến nhập LNG
Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh (PV Power 30%)
Địa điểm: Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh
Tổng mức đầu tư dự kiến: 53.300 tỷ đồng
Tiến độ dự kiến vận hành: Trong giai đoạn 2026-2030

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

Hiện nay Công ty cổ phần điện khí LNG Quảng Ninh đang hoàn thiện Báo cáo NCKT để trình Bộ Công Thương

3.2. Các công ty con, công ty liên kết

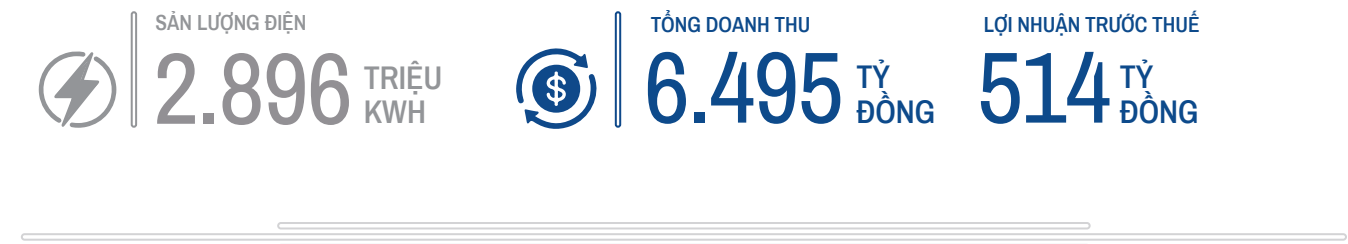
Các công ty con

STT	ĐƠN VỊ	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2023	THỰC HIỆN NĂM 2023	TỶ LỆ SO SÁNH (%)
A	B	C	1	2	3=2/1
1	PV Power NT2				
	Sản lượng điện	Tr.kWh	3.347	2.896	87%
	Doanh thu	Tỷ đồng	6.633	6.495	98%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	139	514	368%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	132	473	358%
2	PV Power HHC				
	Sản lượng điện	Tr.kWh	581	588	101%
	Doanh thu	Tỷ đồng	656	763	116%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	81	249	308%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	77	237	308%
3	PV Power DHC				
	Sản lượng điện	Tr.kWh	527	627	119%
	Doanh thu(*)	Tỷ đồng	592	726,5	123%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	48	44	91%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	46	40	87%
4	PV Power REC				
	Sản lượng điện	Tr.kWh	32	5,11	16%
	Doanh thu	Tỷ đồng	60	9,87	16%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(5)	(6,99)	-
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(5)	(6,99)	-
5	PV Power Services				
	Doanh thu	Tr.kWh	261	310	119%
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	19	24	126%
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15	18	120%

* Doanh thu này đã bao gồm thuế tài nguyên, phí môi trường rừng, phí tài nguyên nước.

CTCP ĐLDK Nhơn Trạch 2 (PV Power NT2)

Năm 2023, sản lượng điện đạt 2.896 triệu kWh, hoàn thành 87% kế hoạch; Tổng doanh thu đạt 6.495 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế đạt 514 tỷ đồng, bằng 368% kế hoạch 2023; Cổ tức năm 2022 chia cho cổ đông là 25%. Mặc dù sản lượng điện không hoàn thành kế hoạch song PV Power NT2 vẫn vượt kế hoạch lợi nhuận do nhà máy thực hiện chào giá tốt, tăng cường công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



CTCP Thủy điện Hòa Na (PV Power HHC)

Về thủy văn

Điều kiện thủy văn năm 2023 không mấy thuận lợi, gây nhiều khó khăn trong công tác vận hành, cụ thể: Mức nước thượng lưu hồ chứa tại thời điểm ngày 01/01/2023 đạt cao trình 237,16 (chỉ thấp hơn 2,84m so với mức nước dâng bình thường 240m); Trên lưu vực sông chính của hồ thủy điện Hòa Na, mùa mưa bắt đầu từ 01/07 đến 30/11, mùa khô từ 01/12 đến 30/06 năm sau. Tuy nhiên những năm gần đây, hiện tượng biến đổi khí hậu diễn ra ngày càng phức tạp làm thay đổi thời gian các mùa trong năm. Trong năm 2023, mùa khô hạn hán kéo dài đến 31/07, mùa mưa ngắn hơn từ 01/08 đến 31/10. Lưu lượng nước bình quân về hồ trong năm đạt khoảng 79,0/93,85 m³/s, bằng 84% so với lưu lượng bình quân nhiều năm.

Về sản lượng điện

Với tình hình thủy văn như trên, sản lượng điện thương mại trong năm đạt 588/581 triệu kWh, hoàn thành 101% so với kế hoạch.

Doanh thu

Dự đoán được tình hình thủy văn diễn ra bất thường, chu kỳ thủy văn thay đổi trong năm nên nhà máy đã có chiến lược, tính toán chào giá chạy máy để khai thác tối đa hiệu quả nguồn nước, nên doanh thu thuần từ hoạt động bán điện (trước thuế, phí) đạt 662,20 tỷ đồng, cao hơn 90,65 tỷ đồng so với doanh thu nếu tính theo giá hợp đồng. Tổng doanh thu đạt 763/656 tỷ đồng, bằng 116% so với kế hoạch.

Lợi nhuận

Đối diện với nhiều khó khăn phức tạp, Công ty luôn chú trọng kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết giảm, tiết kiệm chi phí, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả. Kết quả lợi nhuận sau thuế đạt 237/77 tỷ đồng, bằng 308% so với kế hoạch.



CTCP Thủy điện Đakdrinh (PV Power DHC)

Cuối năm 2022 hồ chứa Nhà máy điện Đakdrinh tích đến MNDBT (+410,0 m), cùng với lưu lượng nước về bình quân Quý I cao hơn nhiều so với bình quân nhiều năm cùng kỳ, hồ chứa Nhà máy thủy điện Đakdrinh thường xuyên có đủ lượng nước để phát sản lượng cao (riêng Quý I nhà máy đã phát sản lượng 203,0 triệu kWh, đến cuối tháng 2 hồ chứa vẫn giữ được MNDBT). Từ tháng 4 đến tháng 11 năm 2023, do A0 hạn chế huy động nhà máy thủy điện để giữ nước phục vụ tưới tiêu và dự phòng thủy điện phục vụ nhu cầu phụ tải toàn hệ thống, mặc dù lượng nước hồ luôn cao so với bình quân nhiều năm, Nhà máy điện Đakdrinh chỉ đạt sản lượng trung bình 41,5 triệu kWh/tháng. Đến cuối tháng 11, với lượng nước về hồ lớn, nhà máy điện sớm tích nước đến MNDBT nên vận hành với công suất tối đa, đạt sản lượng điện rất cao trong tháng 12 (91,9 triệu kWh). Do vậy, nhà máy hoàn thành sản lượng vượt kế hoạch được giao (đạt 119%, vượt 100 triệu kWh so với kế hoạch).

Năm 2023, sản lượng điện đạt 627 triệu kWh, hoàn thành 119% kế hoạch; Doanh thu đạt 726,5 tỷ đồng (bao gồm doanh thu thuế tài nguyên, phí môi trường rừng, phí tài nguyên nước là 108,6 tỷ đồng), hoàn thành 107% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 44 tỷ đồng (hoàn thành 91% kế hoạch). Sản lượng và doanh thu vượt kế hoạch được giao, tuy nhiên PV Power DHC không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận bởi: i) Trong năm 2023 PV Power chưa thu được khoản doanh thu hồi tố chênh lệch tỷ giá năm 2019, 2020 do khó khăn từ EVN (theo kế hoạch dự kiến 60,6 tỷ đồng); ii) Trong năm 2023 PV Power DHC thực hiện tái cơ cấu tài chính khoản vay từ ngân hàng nước ngoài sang vay nội tệ ngân hàng trong nước với mục tiêu giảm chi phí lãi vay/chênh lệch tỷ giá và tránh rủi ro do việc tỷ giá USD tăng cao, do vậy chi phí tài chính thực hiện 288,9 tỷ đồng/kế hoạch 158,1 tỷ đồng.



CTCP Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí (PV Power REC)

PV Power REC là đơn vị vừa sản xuất kinh doanh vừa đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo mới. Đến nay với sản lượng điện có được là từ các dự án/hệ thống điện mặt trời mái nhà đã nhận chuyển nhượng có tổng công suất là 4,6MWp (Phú Mỹ 1, 2, 3; Dung quát 1, 2). Ngoài ra hiện tại đơn vị đã ký Hợp đồng thiết kế mua sắm lắp đặt “Hệ thống tiết kiệm năng lượng sử dụng Biến tần tại Nhà máy điện Vũng Áng 1” dự kiến hoàn thành trong quý 4 năm 2024 và cũng đang triển khai nghiên cứu để đầu tư các dự án Thủy điện nhỏ và các dự án/hệ thống điện mặt trời mái nhà tự dùng tại các nhà máy điện, khu công nghiệp, để sớm mang lại doanh thu cho đơn vị.

Năm 2023, sản lượng điện đạt 5,11 triệu kWh; Doanh thu đạt 9,87 tỷ đồng; Cả năm 2023 lỗ 6,99 tỷ đồng (giảm lỗ so với năm 2022 khoảng 6,5 tỷ đồng).



CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí (PV Power Services)

Năm 2023 doanh thu đạt 310 tỷ đồng, đạt 119% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 24 tỷ đồng, bằng 126% kế hoạch; Đơn vị nộp cổ tức về Tổng công ty năm 2022 là 7,6 tỷ đồng, đạt 115% kế hoạch.

Các chỉ tiêu tài chính về Doanh thu, lợi nhuận của PV Power Services đều đạt vượt kế hoạch được giao do năm 2023 đảm bảo thực hiện phạm vi công việc bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên và định kỳ tại các nhà máy điện của PV Power. Đồng thời, Công ty đã ký kết và thực hiện thêm nhiều hợp đồng ngoài với các nhà máy: Formosa Hà Tĩnh, Mông Dương, Nghi Sơn....



Các công ty liên kết

TT	TÊN DOANH NGHIỆP	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ TẠI 31/12/2023 (TỶ ĐỒNG)	TRÍCH DỰ PHÒNG TẠI 31/12/2023 (TỶ ĐỒNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU THEO VỐN ĐIỀU LỆ THỰC GÓP TẠI 31/12/2023 (%)	LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỶ ĐỒNG)	GHI CHÚ
1 Nhóm các đơn vị sản xuất, kinh doanh điện						
1.1	CTCP Thủy điện Nậm Chiến	292,25	-	20,15%	193,350	BCTC 2023 KT
1.2	CTCP Năng lượng Sông Hồng	32,89	-	44,07%	10,314	BCTC 2023 KT
1.3	CTCP Điện Việt Lào	305,552	-	6,98%	680,334	BCTC 9 tháng đầu năm 2023
1.4	CTCP EVN Quốc tế	28,22	-	7,69%	42,761	BCTC 2023
1.5	CTCP Thủy điện Sông Tranh 3	29,34	-	4,87%	(6,23)	BCTC 2023 KT
1.6	CTCP Điện khí LNG Quảng Ninh	30,00		30%	(2,79)	Thành lập tháng 11/2022
2 Nhóm các đơn vị dịch vụ - kinh doanh						
2.1	CTCP Cơ điện Dầu khí	1,00	0,26	13,51%	(3,82)	BCTC năm 2022
2.2	CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí	18,20	18,2	6,5%	(8,157)	BCTC 2023 trước KT



Nhóm các đơn vị sản xuất, kinh doanh điện

Bao gồm 05 đơn vị là các Công ty chủ quản thực hiện đầu tư và quản lý vận hành, khai thác các dự án thủy điện

01 CTCP THỦY ĐIỆN NẬM CHIẾN (NCC)

Năm 2023, lợi nhuận sau thuế của NCC đạt 193,350 tỷ đồng. Theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2023, tỷ lệ chia cổ tức của NCC cho cổ đông là 13% bằng tiền mặt, tuy nhiên hiện tại NCC chưa thực hiện chi trả.

03 CTCP ĐIỆN VIỆT LÀO (VLP)

Theo BCTC 9 tháng đầu năm 2023 LNST của đơn vị là 680,334 tỷ đồng. Năm 2023, PV Power nhận được cổ tức năm 2019 là 50,417 tỷ đồng.

02 CTCP NĂNG LƯỢNG SÔNG HỒNG (SHE)

Năm 2023, đơn vị có lợi nhuận sau thuế đạt 10,314 tỷ đồng, chi trả cổ tức cho PV Power là 1,972 tỷ đồng bao gồm cổ tức năm 2019 là 0,986 tỷ đồng (tỷ lệ 3%) và năm 2020 (tỷ lệ 3%) là 0,986 tỷ đồng.

04 CTCP EVN QUỐC TẾ (EVNI)

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 42,761 tỷ đồng. Đơn vị trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 26%, số cổ tức PV Power nhận về là 7,3 tỷ đồng

05

CTCP THỦY ĐIỆN SÔNG TRĂNG 3

LNST cả năm 2023 của đơn vị âm 6,23 tỷ đồng. Công ty hiện đang lỗ lũy kế

06

CTCP ĐIỆN KHÍ LNG QUẢNG NINH

Công ty được thành lập tháng 11/2022 với vốn điều lệ 100 tỷ đồng, bao gồm các cổ đông: PV Power (30%), COLAVI (30%), Marubeni (20%) và Tokyo Gas (20%). QN LNG Power được góp vốn lần 1 vào ngày 13/01/2023. Doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 đạt 2,26 tỷ đồng, chi phí quản lý Doanh nghiệp 4,3 tỷ đồng; Công ty đang hoàn thiện các thủ tục để được các cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

Nhóm các đơn vị kinh doanh - dịch vụ

Bao gồm 02 đơn vị là CTCP Cơ điện Dầu khí Việt Nam (ngành nghề chính là thi công bảo dưỡng cơ điện), CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí - PVC Mekong (ngành nghề chính là tư vấn thiết kế và kinh doanh bất động sản).

Đến nay, hầu như 02 doanh nghiệp đã dừng hoạt động, lỗ lũy kế ngày càng tăng, cổ phiếu của PVC Mekong (mã CK: PXC) đã bị Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tạm dừng giao dịch. PV Power đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đối với 02 khoản đầu tư này theo đúng quy định (tại ngày 31/12/2023) dự phòng cho khoản đầu tư tại PVC Mekong là 18,202 tỷ đồng/giá trị đầu tư 18,202 tỷ đồng, dự phòng cho khoản đầu tư tại CTCP Cơ điện Dầu khí là 01 tỷ đồng/01 tỷ đồng vốn đầu tư).



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1. Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	NĂM 2022 (TỶ ĐỒNG)	NĂM 2023 (TỶ ĐỒNG)	% TĂNG/GIẢM
Tổng giá trị tài sản	56.843	70.362	23,78%
Doanh thu thuần	28.224	28.329	0,37%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.765	1.290	(53,34%)
Lợi nhuận khác	44	151	244,59%
Lợi nhuận trước thuế	2.809	1.442	(48,67%)
Lợi nhuận sau thuế	2.552	1.282	(49,75%)

Tổng tài sản của Tổng công ty năm 2023 tăng từ 56.843 tỷ đồng lên 70.362 tỷ đồng, tăng gần 24% so với năm trước. Doanh thu thuần của Tổng công ty không có nhiều thay đổi, với doanh thu năm 2022 là 28.224 tỷ đồng và doanh thu thuần năm 2023 là 28.329 tỷ đồng.

Tuy nhiên, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty năm 2023 giảm 53,34% so với năm 2022 khi Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm từ 2.765 tỷ đồng xuống còn 1.290 tỷ đồng. Do ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất điện, điều kiện thủy văn năm 2023 không thuận lợi đã ảnh hưởng lớn đến Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Tương tự như Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, Lợi nhuận trước thuế và Lợi nhuận sau thuế của năm 2023 đều giảm lần lượt 48,67% và 49,75%. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 là 1.442 tỷ đồng trong khi Lợi nhuận trước thuế năm 2022 là 2.809 tỷ đồng và Lợi nhuận sau thuế năm 2023 là 1.282 tỷ đồng và năm 2022 là 2.552 tỷ đồng.



4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2022	NĂM 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,36	1,08
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,25	1,00
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	41,25	51,51
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	70,80	106,22
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Vòng	12,49	12,05
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,51	0,45
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,05	4,53
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,93	3,81
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,65	2,02
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	9,80	4,55

Mặc dù nền kinh tế còn phải đối mặt với nhiều khó khăn trong năm 2023, tuy nhiên, kết quả kinh doanh của Tổng công ty đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Các chỉ tiêu khả năng thanh toán và các chỉ tiêu sinh lời luôn đảm bảo ở mức an toàn:



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán (HSTT) năm 2023 tuy có giảm nhẹ so với năm 2022 nhưng vẫn nằm trong ngưỡng an toàn (HSTT ngắn hạn lớn hơn 1, HSTT nhanh lớn hơn 0,5). Điều này cho thấy Tổng công ty đủ khả năng thanh toán các nghĩa vụ phải trả trong ngắn hạn và việc sử dụng vốn vay là hiệu quả.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ phải trả/tổng tài sản vẫn ở mức thấp và an toàn, với giá trị năm 2022 và giá trị năm 2023 lần lượt là 41,45% và 51,51% cho thấy cơ cấu vốn của Tổng công ty ở mức an toàn và phù hợp.

Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2023 là 106,2%, vẫn nằm trong ngưỡng an toàn và chỉ cao hơn 1,5 lần giá trị tại ngày 31/12/2022.



Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ số sinh lời năm 2023 đều giảm so với năm 2022 nhưng đều nằm trong ngưỡng an toàn và phù hợp với Tổng công ty.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1. Cổ phần

TỔNG SỐ CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH 2.341.871.600 cổ phần	LOẠI CỔ PHẦN ĐANG LƯU HÀNH cổ phần phổ thông
SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN CHUYỂN NHƯỢNG TỰ DO 1.146.699.884 cổ phần	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG 1.195.171.716 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 24/03/2023)

STT	TIÊU CHÍ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG
1	Tỷ lệ sở hữu			
	Cổ đông lớn	1.872.141.477	79,94	1
	Cổ đông nhỏ	469.730.123	20,06	54.235
2	Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân			
	Cổ đông tổ chức	2.096.691.567	89,53	178
	Cổ đông cá nhân	245.180.033	10,47	54.058
3	Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài			
	Cổ đông trong nước	2.165.097.098	92,45	53.730
	Cổ đông nước ngoài	176.774.502	7,55	506
4	Cổ đông nhà nước và cổ đông khác			
	Cổ đông nhà nước	1.872.141.477	79,94	1
	Cổ đông khác	469.730.123	20,06	54.235
5	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa		49	

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Kể từ khi thành lập, Tổng công ty không thực hiện tăng vốn cổ phần.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu.
Trong năm 2023, Tổng công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

5.5. Các chứng khoán khác

Trong năm 2023, Tổng công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác.



6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp từ hoạt động sản xuất điện năng tại 4 nhà máy nhiệt điện của PV Power: 8.410.712 tấn CO₂ quy đổi (thực hiện kiểm kê khí thải theo hướng dẫn của Tập đoàn dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 445/QĐ-PVN ngày 25/01/2022 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Theo kế hoạch đã đăng ký với PVN và được ban hành theo kế hoạch chung của PVN tại Quyết định số 2128/QĐ-DKVN ngày 19/04/2021 về việc “Ban hành kế hoạch hành động giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, giai đoạn 2018-2030”, PV Power có 13 dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thực hiện tại các nhà máy điện, dự kiến theo tính toán của PVN sẽ giảm thiểu được 160.884 tấn CO₂e trong giai đoạn 2018-2025 và 109.420 tấn CO₂e trong giai đoạn 2026-2030. Trong đó, trừ giải pháp vận hành nhà máy nhiệt điện Nậm Cắt (hiện nay không thuộc sở hữu PV Power), 12 giải pháp còn lại dự kiến giảm thiểu 101.252 tấn CO₂e trong giai đoạn 2018-2025 và 72.150 tấn CO₂e trong giai đoạn 2026-2030.

Do đặc điểm nhà máy điện là đơn vị sản xuất năng lượng nên sử dụng lượng nhiên liệu rất lớn và lượng phát thải khí nhà kính cũng rất lớn và khó có giải pháp giảm thiểu hiệu quả. Các nhà máy điện của PV Power đều sử dụng công nghệ tiên tiến của các nước phát triển nên tiềm năng cải tiến công nghệ để giảm thiểu trực tiếp nhiên liệu sử dụng, nâng hiệu suất là rất thấp. Các giải pháp đã đăng ký đa phần thuộc giải pháp tiết kiệm, giảm thiểu năng lượng sử dụng trong sản xuất và sử dụng năng lượng mặt trời.



TỔNG PHÁT THẢI NHÀ KÍNH (GHG)

8.410.712 TẤN CO₂

PV POWER CÓ **12**
GIẢI PHÁP GIẢM NHẸ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

GIẢI ĐOẠN 1
2018-2025

DỰ KIẾN GIẢM THIỂU
101.252 TẤN CO₂e

GIẢI ĐOẠN 2
2026-2030

DỰ KIẾN GIẢM THIỂU
72.150 TẤN CO₂e

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

NHÀ MÁY	NHIÊN LIỆU	ĐƠN VỊ	NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ
CÀ MAU 1	Khí	Triệu.S m3	556,39
	Dầu	Tấn	17.005,75
CÀ MAU 2	Khí	Triệu.S m3	499,1
	Dầu	Tấn	509.815,25
NHƠN TRẠCH 1	Khí	Triệu.S m3	128,88
	Dầu	Tấn	14.381,62
NHƠN TRẠCH 2	Khí	Triệu.S m3	543,67
	Dầu	Tấn	9.219,19
VŨNG ÁNG 1	Than	Tấn	1.976.751
	Dầu	Tấn	4.071,51

6.3. Tiêu thụ năng lượng

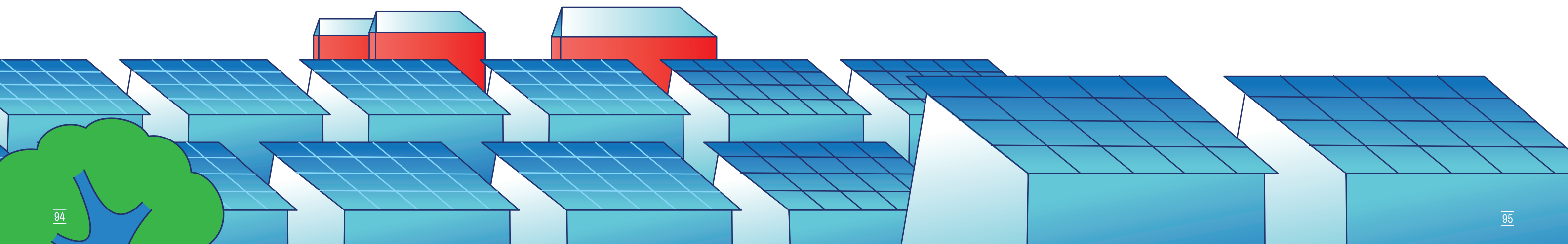
Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

NHÀ MÁY	ĐƠN VỊ	NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM
CÀ MAU	Triệu.BTU	299.942
NHƠN TRẠCH 1	Triệu.BTU	34.578
NHƠN TRẠCH 2	Triệu.BTU	217.231
VŨNG ÁNG	Triệu.BTU	406.403

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Năm 2023, PV Power có 126 sáng kiến cải tiến kỹ thuật đã được công nhận, trong đó có 16 sáng kiến tiết kiệm năng lượng như sau:

STT	ĐƠN VỊ	NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM
1	Cải tiến Holders (bộ đỡ chổi than kích từ Máy phát) Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.	PV Power Nhơn Trạch 2
2	Cải tiến vị trí làm kín trục V seal bộ lược Debris nước làm mát chính PR-BW tại Nhà máy điện	PV Power Nhơn Trạch 2
3	Hệ thống phun sương làm mát các máy biến áp chính	PV Power Hũa Na
4	Bọc bảo ôn cho đường ống làm mát các ổ của tổ máy	PV Power Hũa Na
5	Phương án nâng cấp transfer pump Nhà máy điện Cà Mau 1	PV Power Cà Mau
6	Phương án tối ưu hóa hệ thống phòng mìn lò NMD Cà Mau 1&2	PV Power Cà Mau
7	Giải pháp lắp đặt khớp nối mềm đường ống châm Clo nước làm mát chính NMD Cà Mau 2	PV Power Cà Mau
8	Giải pháp thu gom nước chèn bộ trục bơm chữa cháy để sử dụng tưới cây tự động	PV Power Cà Mau
9	Tối ưu quá trình đánh lửa trong khởi động tua bin khí	PV Power Cà Mau
10	Giải pháp giám sát và cảnh báo cường độ lửa trong buồng đốt tua bin khí trên OM	PV Power Cà Mau
11	Tối ưu, tận dụng nước thải từ hệ thống bơm rút chân không bình ngưng, nước bình ngưng xả	PV Power Hà Tĩnh
12	Tối ưu, tận dụng nước thải từ hệ thống bơm rút chân không hệ thống tro bay đưa về bể xả	PV Power Hà Tĩnh
13	Xây dựng chương trình thí nghiệm hiệu chỉnh cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	PV Power Hà Tĩnh
14	Sử dụng nguồn nước thải đã qua xử lý thay thế cho nguồn nước dịch vụ tại khu vực silo tro bay	PV Power Hà Tĩnh
15	Cải tiến hiệu chỉnh Logic điều khiển nhiệt độ yêu cầu của hơi (T required live steam) khi nhà máy vận hành cấu hình 1-1-1	PV Power Nhơn Trạch
16	Cải tiến điều chỉnh tiến trình mở Diverter Damper và các tham số, logic trong quá trình khởi động	PV Power Nhơn Trạch



6.4. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

NHÀ MÁY	NGUỒN CUNG CẤP NƯỚC	ĐƠN VỊ	LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG
Cà Mau	Nhà máy nước U Minh và Nhà máy nước Khánh An	m3	302.791
Nhơn Trạch 1	Nhà máy nước Nhơn Trạch	m3	92.099
Nhơn Trạch 2	Nhà máy nước Nhơn Trạch	m3	93.360
Vũng Áng	Nhà máy cấp nước Công ty cổ phần tập đoàn Hoàn Sơn	m3	1.179.617
Hòa Na	Thiên nhiên (hồ chứa)	Triệu. m3	2.132
Đakdrinh	Thiên nhiên (hồ chứa)	Triệu. m3	960

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

NHÀ MÁY	TỶ LỆ PHẦN TRĂM	TỔNG LƯỢNG NƯỚC TÁI CHẾ VÀ TÁI SỬ DỤNG (M³)
Cà Mau		Không tái chế và tái sử dụng
Nhơn Trạch 1		Không tái chế và tái sử dụng
Nhơn Trạch 2		Không tái chế và tái sử dụng
Vũng Áng	22%	255.500
Hòa Na		Không tái chế và tái sử dụng
Đakdrinh		Không tái chế và tái sử dụng

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường



SỐ LẦN BỊ XỬ PHẠT VI PHẠM DO KHÔNG TUÂN THỦ LUẬT PHÁP VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG: 01 lần.

TỔNG SỐ TIỀN DO BỊ XỬ PHẠT VI PHẠM DO KHÔNG TUÂN THỦ LUẬT PHÁP VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG: 65.000.000 ĐỒNG



6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

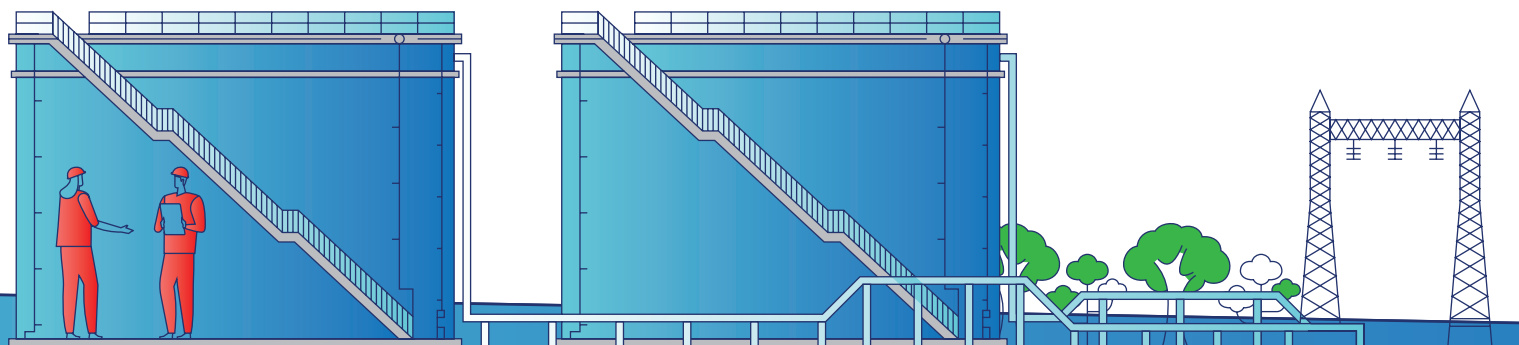
6.6.1. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số cán bộ công nhân viên tại Công ty mẹ - Tổng công ty (bao gồm Người quản lý và Người lao động tại PV Power) là 1.243 người. Mức tiền lương bình quân thực hiện năm 2023 của người lao động Công ty mẹ - Tổng công ty là 27,9 triệu đồng/người/tháng.



6.6.2. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước (về thời giờ làm việc/ nghỉ ngơi, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thanh toán đầy đủ các chế độ trợ cấp BHXH & BHYT cho cán bộ nhân viên như ốm đau, thai sản...), theo Quy chế khen thưởng, phúc lợi và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty...
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thân thiện, hợp vệ sinh; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ; trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ, phương tiện an toàn - bảo hộ lao động cho người lao động.
- Năm 2023, Tổng công ty tiếp tục duy trì chế độ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe chất lượng cao PVI Care, chương trình bảo hiểm Hưu trí tự nguyện cho cán bộ công nhân viên...



6.6.3. Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2023, Tổng công ty đã triển khai thực hiện công tác đào tạo và phát triển nhân lực theo kế hoạch được phê duyệt, cụ thể tính đến thời điểm 31/12/2023, Công ty mẹ - Tổng công ty đã triển khai đào tạo/cử cán bộ tham gia các khóa học với tổng số: 1.629 lượt người và kinh phí thực hiện là 6.902 triệu đồng. Một số chương trình đào tạo trọng tâm trong năm 2023, cụ thể:

Các khóa học phát triển năng lực lãnh đạo dành cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao và cán bộ thuộc diện quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao của Tổng công ty do PVN tổ chức nằm trong chương trình đào tạo khung - phát triển cán bộ Quản lý PVN.

Các khóa học Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, đào tạo nâng cao kỹ năng công tác, phát triển, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và các khóa học cập nhật kiến thức pháp luật mới về các lĩnh vực chuyên môn (Đấu thầu qua mạng, Luật đầu tư xây dựng, quản lý dự án...) để cán bộ công nhân viên cập nhật kịp thời các quy định mới, vận dụng có hiệu quả vào công việc thực tế tại Tổng công ty.

Các chương trình đào tạo nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý kỹ thuật tại Cơ quan Tổng công ty, các đơn vị trực thuộc Tổng công ty: Đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng xử lý sự cố hệ thống thiết bị lò hơi và tua bin trong các Nhà máy điện khí, Nhà máy điện than; các khóa đào tạo liên quan tới lĩnh vực công nghệ thông tin “Bảo dưỡng sửa chữa hệ điều hành máy chủ và An ninh mạng công nghiệp”; Đào tạo và thi cấp chứng chỉ quốc tế về “Phân tích rung động theo tiêu chuẩn ISO 18436-2 CAT 2; Đào tạo hệ thống điều tốc và kích tử tại Nhà máy điện...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương



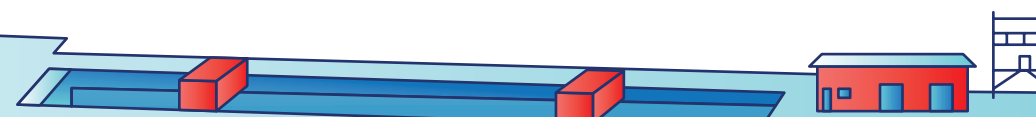
Thực hiện triển khai công tác an sinh xã hội tại Quyết định số 1684/QĐ-DKVN ngày 21/03/2023, tính đến ngày 31/12/2023, PV Power đã thực hiện giải ngân với tổng số tiền là: 20.468.000.000 đồng

Thực hiện triển khai công tác an sinh xã hội tại Quyết định 2192/QĐ-DKVN ngày 28/04/2022, tính đến ngày 31/12/2023, PV Power đã thực hiện giải ngân với tổng số tiền là: 11.100.000.000 đồng



6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

PV Power đang làm việc với các đối tác để hợp tác đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, tìm kiếm nguồn tài trợ từ các tổ chức tín dụng cho vay để thực hiện các dự án năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió, thủy điện... nhằm khai thác tiềm năng thị trường vốn xanh.



CHƯƠNG III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

① ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	102
② TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	107
③ NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ	108
④ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI	110
⑤ GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN	114
⑥ BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY	114

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1. Về quản lý kỹ thuật, vận hành sản xuất, sửa chữa bảo dưỡng các nhà máy điện



Đảm bảo an toàn tuyệt đối, đáp ứng yêu cầu huy động của A0, tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành về môi trường và thị trường điện, hiệu quả cao.

Tổng sản lượng điện toàn Tổng công ty đạt 14,4 Tỷ kWh, bằng 93% kế hoạch năm 2023. Mặc dù có đủ điều kiện và khả năng vận hành đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản lượng được Đại hội đồng cổ đông/Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giao trong năm 2023, tuy nhiên trong giai đoạn từ tháng 8 đến cuối năm 2023, các nhà máy điện của PV Power đã chủ động ưu tiên phương án chào giá vận hành tối ưu hóa lợi nhuận để đạt kết quả lợi nhuận vượt kế hoạch được giao, do vậy không hoàn thành kế hoạch sản lượng được giao.

Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sản lượng điện được PVN giao là:

- Giá thị trường giảm sâu từ tháng 8 đến cuối năm 2023 (trung bình giá thị trường toàn phần FPM trong 5 tháng cuối năm chỉ đạt 930 đồng/kWh, thấp hơn nhiều so với chi phí biến đổi nhiên liệu tại các nhà máy điện khí, điện than), ảnh hưởng đến khả năng chào giá vận hành, giảm sản lượng các nhà máy điện của PV Power.
- Hệ số α tính toán Qc hàng tháng của các nhà máy nhiệt điện giảm, thủy điện tăng gây khó khăn cho các nhà máy điện trong công tác chào giá vận hành trên thị trường. Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 được giao Qc thấp trong năm 2023; tập trung vào tháng 9, tháng 10 được giao Qc cao (tổng 507 triệu kWh), tuy nhiên không được cấp đủ khí làm giảm Qc được chấp thuận thanh toán (chỉ còn 386 triệu kWh), không tận dụng hết lợi thế Qc giao cao từ đầu năm.
- Nhà máy điện Đakrinh bị A0 hạn chế vận hành trong tháng 5, 6 đến tháng 11, ảnh hưởng đến việc tận dụng lượng nước về và hiệu quả dung tích hồ chứa.
- Sự lệch pha giữa nhu cầu điện và khả năng cấp khí, cùng với tần suất sự cố xảy ra nhiều (từ đầu năm đã xảy ra 23 lần sự cố) tại các giàn cấp khí khu vực Tây Nam Bộ trong giai đoạn vừa qua ảnh hưởng lớn đến khả năng vận hành của Nhà máy điện Cà Mau 1&2. Thêm vào đó, hệ thống đường ống cấp khí tại Cà Mau bị giới hạn về lưu lượng và áp suất nên rất khó vận hành với công suất tối đa 04 tổ máy.
- Sự cố Tổ máy số 01 của Nhà máy điện Vũng Áng 1 dự kiến khắc phục xong từ tháng 3/2023, tuy nhiên đến 12/8/2023 mới hoàn thành.



1.2. Chỉ tiêu Doanh thu

Doanh thu của toàn Tổng công ty năm 2023 đạt 29.075 tỷ đồng, bằng 96% kế hoạch năm 2023 và bằng 101% so với năm 2022.

Doanh thu Công ty Mẹ đạt 21.863 tỷ đồng, bằng 98% kế hoạch năm 2023 và bằng 120% so với năm 2022.

Doanh thu của Tổng công ty không hoàn thành kế hoạch được giao chủ yếu bởi: i) Từ tháng 8 đến cuối năm 2023, giá điện thị trường giảm thấp so với chi phí biến đổi, các nhà máy điện chủ động chào giá vận hành ưu tiên mục tiêu lợi nhuận, do vậy không hoàn thành kế hoạch doanh thu, nhưng hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận; ii) Tổng sản lượng điện toàn Tổng công ty chỉ đạt 93% kế hoạch sản lượng năm 2023 đã nêu ở trên; iii) Trong năm 2023 chưa thu được khoản thu chênh lệch giá khí Nhà máy điện Cà Mau 1&2 theo dự kiến tại kế hoạch năm 2023 (974,4 tỷ đồng).

1.3. Chỉ tiêu Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ đạt 1.295 tỷ đồng đạt 119% so với kế hoạch được giao. Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty đạt 1.442 tỷ đồng, đạt 113% kế hoạch được giao.

Các đơn vị đều cơ bản thực hiện tốt các giải pháp tăng cường quản trị chi phí, tiết kiệm và giảm chi phí, ứng phó với ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, các khó khăn bất thường trong hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng để nâng cao lợi nhuận của từng đơn vị nói riêng và toàn Tổng công ty nói chung.

1.4. Nộp ngân sách nhà nước

Nộp ngân sách của Công ty Mẹ trong năm 2023 đạt 842 tỷ đồng, đạt 234% kế hoạch được giao. Nộp ngân sách Nhà nước toàn Tổng công ty là 1.475,2 tỷ đồng, đạt 168% kế hoạch được giao.

1.5. Thực hành tiết giảm chi phí

Tổng chi phí tiết kiệm, tiết giảm được năm 2023 đạt 268,0 tỷ đồng. Trong đó, tiết kiệm nhiên liệu và năng lượng 178,8 tỷ đồng; tiết kiệm nguyên, vật liệu 18,3 tỷ đồng; tiết kiệm chi phí quản lý 65,9 tỷ đồng; tiết kiệm trong quản lý đầu tư xây dựng 5,1 tỷ đồng.

1.6. Lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật sửa chữa bảo dưỡng và cung ứng nhiên liệu

Về lĩnh vực cung ứng nhiên liệu: PV Power đã nỗ lực phối hợp với các nhà cung cấp để đảm bảo nguồn than sản xuất cho Nhà máy điện Vũng Áng 1. Tổng khối lượng giao nhận than đến hết 31/12/2023 đạt 2,05 triệu tấn/kế hoạch 2,85 triệu tấn, tương đương 72% kế hoạch năm.

Về công tác sửa chữa bảo dưỡng định kỳ các nhà máy điện: công tác đại tu Nhà máy điện Cà Mau 2, đại tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, đại tu Tổ máy H2 Nhà máy điện Đakrinh, trung tu Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, trung tu Nhà máy điện Hòa Na, tiểu tu Nhà máy điện Cà Mau 1, tiểu tu Tổ H1 Nhà máy điện Đakrinh được thực hiện tốt, các nhà máy điện của Tổng công ty cơ bản vận hành ổn định sau bảo dưỡng sửa chữa định kỳ. PV Power TSC, PV Power Services đã phối hợp với các nhà máy thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, định kỳ và đột xuất, xử lý các sự cố thiết bị nhằm đảm bảo vận hành an toàn và hiệu quả.

Doanh thu của toàn Tổng công ty
NĂM 2023 | **29.075** TỶ ĐỒNG

Doanh thu Công ty Mẹ
NĂM 2023 | **21.863** TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế Công ty Mẹ
NĂM 2023 | **1.295** TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế toàn Tổng công ty
NĂM 2023 | **1.442** TỶ ĐỒNG

Nộp ngân sách nhà nước toàn Tổng công ty
NĂM 2023 | **1.475,2** TỶ ĐỒNG

Thực hành tiết giảm chi phí
NĂM 2023 | **268,0** TỶ ĐỒNG

1.7. Công tác đầu tư xây dựng

Tập trung triển khai công tác xúc tiến/chuẩn bị đầu tư/quyết toán các dự án đầu tư bao gồm:

Đối với các dự án đã và đang thực hiện đầu tư

Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4: Đang tiếp tục khẩn trương tổ chức thực hiện hợp đồng EPC, thi công xây dựng lắp đặt thiết bị. Đã hoàn thành thiết kế chi tiết; cơ bản hoàn thành công tác gia công chế tạo đối với các thiết bị chính của nhà máy và vận chuyển, tiếp nhận tại công trường. Công tác thu xếp vốn đang đảm bảo nhu cầu vốn theo tiến độ triển khai. Công tác đàm phán hợp đồng PPA, GSA đang tiếp tục hoàn thiện.

Dự án Thủy điện Đakdrinh và Thủy điện Hủa Na: Dự án Thủy điện Hủa Na, tập trung xử lý nốt phần việc còn lại thuộc các nội dung Bồi thường tái định cư, định canh đang thực hiện dở dang. Dự án Thủy điện Đakdrinh đang tiếp tục phối hợp các địa phương hoàn thành công tác ĐB-GPMB còn lại; giải trình, hoàn thiện thủ tục/ hồ sơ quyết toán theo quy định.

Văn phòng làm việc Tổng công ty: Đã hoàn thành công tác thiết kế BVTC, thiết kế nội thất; đang lập hồ sơ mời thầu các gói thầu thi công xây lắp để lựa chọn nhà thầu, sớm triển khai hoàn thiện. PV Power đã thực hiện thu xếp đủ nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn vay tại ngân hàng PVcombank, đảm bảo việc triển khai dự án và thanh toán đúng tiến độ yêu cầu.

Công tác xúc tiến, chuẩn bị đầu tư

Đối với dự án LNG Quảng Ninh: Đã hoàn thành Hồ sơ Báo cáo NCKT để báo cáo các cấp thẩm quyền. Hiện tại Công ty Cổ phần LNG Quảng Ninh đang tổ chức hoàn thiện hồ sơ Báo cáo NCKT theo nội dung thẩm định, rà soát của các cấp.

Đối với các dự án nghiên cứu phát triển năng lượng tái tạo:

Ngày 25/8/2023, PV Power cùng Asong Invest (Hàn Quốc) và PVCB Capital đã tổ chức Lễ ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư, hợp tác trong ngành công nghiệp xanh Việt Nam, tìm kiếm và phát triển các dự án năng lượng tái tạo. PV Power hiện đang khảo sát, đánh giá để tìm vị trí đặt các trạm sạc xe điện.

PV Power đang nỗ lực tổ chức, triển khai các công việc xúc tiến đầu tư và đầu tư các dự án thủy điện, điện năng lượng tái tạo, cụ thể như sau:

- Các dự án thủy điện: i) Đã hoàn thành báo cáo khảo sát các dự án thủy điện Tây Trà, Tân Thượng. Ngày 19/10/2023, PV Power đã ký hợp đồng thuê tư vấn và đang triển khai thẩm định hiện trạng dự án Thủy điện Tân Thượng; ii) Dự án thủy điện tích năng Lâm Sơn: PV Power đang tổ chức thuê tư vấn để thực hiện công tác lập Báo cáo nghiên cứu đề xuất Dự án.
- Các dự án tiết kiệm năng lượng (ESCO): Đang tiến hành khảo sát, lên phương án lắp đặt các dự án điện mặt trời tự dùng tại Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Nhà máy điện Vũng Áng 1. Ngày 15/8/2023, PV Power REC đã ký hợp đồng Tư vấn lập báo cáo Kinh tế Kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Hệ thống điện mặt trời số 1 tại Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1 với PECC 3.
- Dự án tiết kiệm năng lượng sử dụng biến tần tại Nhà máy điện Vũng Áng 1: đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu EPC và bắt đầu triển khai; kỳ vọng sẽ tiết kiệm năng lượng và giảm chi phí cho nhà máy điện, mang lại nguồn doanh thu ổn định cho PV Power REC.
- Dự án điện rác: Ngày 14/02/2023, Tổng công ty đã có quyết định số 70/QĐ-ĐLĐK về việc thành lập Tổ công tác nghiên cứu đầu tư các dự án Nhà máy điện rác của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP, để đánh giá cơ hội đầu tư điện rác tại các tỉnh, thành phố trên cả nước.

1.8. Công tác tái cơ cấu doanh nghiệp

Đã xây dựng và hoàn thành phương án thành lập Phòng QLCL-ATSKMT thuộc Chi nhánh Tổng công ty - Ban Quản lý dự án Điện.

Triển khai kiện toàn bộ phận Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty.

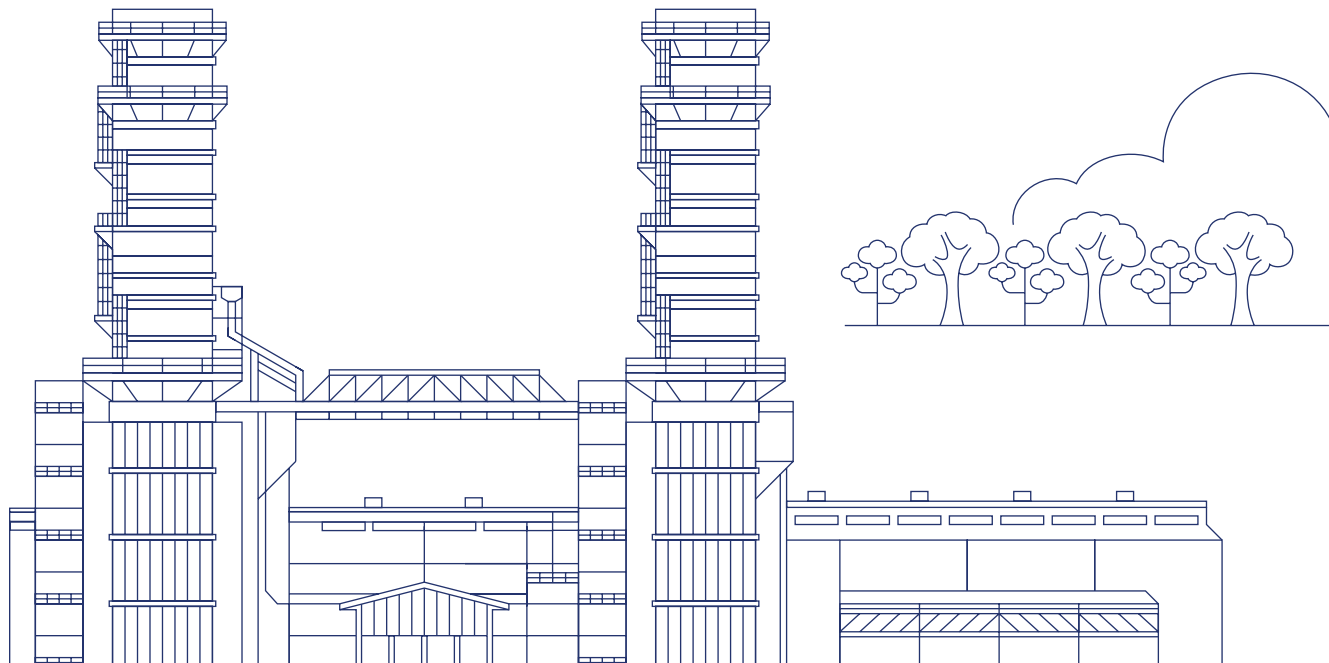


1.9. Công tác An toàn - sức khỏe - môi trường (ATSKMT)

Trong năm 2023, các nhà máy điện và Tổng công ty phải tập trung thực hiện công tác ATSKMT trong công tác vận hành sản xuất tại các nhà máy điện, công tác đầu tư xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4, và đặc biệt là công tác bảo dưỡng sửa chữa lớn (đại tu, trung tu) cho nhiều nhà máy điện của Tổng công ty. Nhận thức được vai trò quan trọng của công tác ATSKMT, đồng thời để phát huy truyền thống, kết quả đạt được của Tổng công ty trong giai đoạn vừa qua, các nhà máy điện, Ban QLDA Điện đều hết sức tập trung chủ động tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến công tác ATSKMT; cơ quan Tổng công ty thường xuyên cử nhân sự đôn đốc, kiểm tra và bám sát tình hình triển khai của đơn vị tại hiện trường. Ngày 09, 10/5/2023, Tổng công ty đã tổ chức thành công Hội nghị thường niên về ATSKMT lần thứ XII và Hội thao ATVSLĐ-PCCN lần thứ XIII hưởng ứng Tháng hành động ATVSLĐ năm 2023.

1.10. Công tác khác

- Triển khai xây dựng chương trình chuyển đổi số PV Power giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2028. Căn đối khả năng và hiệu quả để triển khai từng bước công tác chuyển đổi số và xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin, các hệ thống phần mềm phục vụ sản xuất kinh doanh của PV Power.
- Thường xuyên cập nhật thông tin, đăng bài nâng cao hình ảnh, thương hiệu POW. Tổ chức thành công Hội thảo gặp gỡ các nhà đầu tư, nhà phân tích chứng khoán với chủ đề “Chuyện của POW (tiếp theo)” năm 2023 vào ngày 24/10/2023, tại Nhà máy điện Cà Mau 1&2, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
- Phối hợp với Công đoàn phổ biến cho toàn thể cán bộ công nhân viên tham dự cuộc thi “Một triệu Sáng kiến”: do Tổng liên đoàn lao động Việt Nam phát động, đến thời điểm kết thúc (ngày 31/8/2023) toàn Tổng công ty đã có 234 sáng kiến đăng ký thành công, hoàn thành 107% chỉ tiêu được Công đoàn Dầu khí Việt Nam giao.
- Ban hành Quy chế sáng kiến Tổng công ty kèm theo Quyết định số 158/QĐ- ĐLDK ngày 21/3/2023; Thực hiện thủ tục kiện toàn Hội đồng Khoa học công nghệ và Hội đồng Sáng kiến Tổng công ty.
- Tổng công ty thường xuyên chăm lo cho đời sống của cán bộ công nhân viên, tạo môi trường làm việc hăng say, đoàn kết cho các phòng, Ban, đơn vị. Tổ chức tặng quà cho gia đình cán bộ công nhân viên nhân dịp Tết Trung thu, khen thưởng học sinh giỏi cho các con em cán bộ công nhân viên, tổ chức các chương trình về nguồn, các cuộc thi tìm hiểu về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng như Tổng công ty; học tập, giao lưu học hỏi giữa các đơn vị...nhằm nâng cao tinh thần, trách nhiệm và chuyên môn cho người lao động.
- PV Power tiếp tục lọt Top 100 Doanh nghiệp bền vững lĩnh vực sản xuất năm 2023 do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức. Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất nhóm ngành phi tài chính. Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2023 với thứ hạng 47/500 Doanh nghiệp trong bảng.
- Tổng công ty luôn quan tâm, chú trọng đến công tác tiền lương và chế độ cho người lao động, tạo điều kiện tốt để các tổ chức đoàn thể (công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh) hoạt động, đồng thời phối hợp tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động hữu ích nhằm nâng cao đời sống tinh thần, sức khỏe, động viên khuyến khích người lao động hăng say, trách nhiệm và gắn bó với đơn vị.
- Chính sách lương, thưởng: Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Tổng công ty đã phê duyệt Bộ Tiêu chuẩn chức danh công việc tại cơ quan Tổng công ty; xây dựng Quy chế tiền lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm. Giao quyền chủ động cho các đơn vị được quyết định phê duyệt các quy định xếp lương, quy định đánh giá xếp loại, quy định chi lương khuyến khích năng suất/hiệu quả. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm Tổng công ty thực hiện chính sách thưởng hiệu quả kinh doanh cho cán bộ công nhân viên của Tổng công ty theo năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và mức độ đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của Tổng công ty.



2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/giảm	Tỷ lệ%
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	24.925	29.042	4.117	117%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	31.918	41.320	9.402	129%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	56.843	70.362	13.519	124%
Nợ phải trả	Tỷ đồng	23.562	36.243	12.681	154%
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	23.562	26.785	3.223	114%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	5.236	9.458	4.221	181%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	33.281	34.119	838	103%
Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	56.843	70.362	13.519	124%

2.1. Tình hình tài sản

Tại thời điểm 31/12/2023, Tổng tài sản đạt 70.362 tỷ đồng tăng 13.518,8 tỷ đồng tương ứng tăng 24% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn đạt 29.042 tỷ đồng tăng 4.116,9 tỷ đồng tương ứng tăng 17% so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân tăng chủ yếu: (i) Các khoản phải thu ngắn hạn tăng 2.023 tỷ đồng chủ yếu do khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 2.942,9 tỷ đồng (phải thu Công ty Mua bán điện tăng 2.922,6 tỷ đồng) (ii) Hàng tồn kho tăng 81,7 tỷ đồng. (iii) Tài sản ngắn hạn tăng 1.083,3 tỷ đồng do tăng khoản thuế giá trị gia tăng được khấu trừ: 1.083,3 tỷ đồng.
- Tài sản dài hạn tăng 9.402 tỷ đồng tăng 29% so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân chủ yếu do khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng: 8.096,3 tỷ đồng (Tổng công ty đang thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 và dự án trụ sở làm việc của PV Power).

2.2. Tình hình nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2023, Nợ phải trả của Tổng công ty đạt 36.242,7 tỷ đồng tăng 12.680,9 tỷ đồng tương ứng tăng 53% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó:

- Nợ ngắn hạn đạt 26.785,2 tỷ đồng tăng 3.223,4 tỷ đồng tương ứng tăng 14% so với cùng kỳ năm 2022. Nợ ngắn hạn tăng so với cùng kỳ năm 2022, nguyên nhân chủ yếu: (i) Khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng 8.600,803 tỷ đồng (ii) Dự phòng phải trả ngắn hạn tăng 512,4 tỷ đồng.
- Nợ dài hạn đạt 9.457,5 tỷ đồng tăng 4.221,4 tỷ đồng tương ứng tăng 81% so với cùng kỳ năm 2022, nguyên nhân chủ yếu do: (i) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn tăng 3.790,4 tỷ đồng do trong năm Tổng công ty thực hiện vay phục vụ dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4. (ii) Dự phòng phải trả dài hạn tăng 430,6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 do Tổng công ty trích lập chi phí bảo trì, sửa chữa lớn cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhà máy điện Vũng Áng 1.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công tác tái cơ cấu, quản trị:

- Phương án tái cơ cấu Tổng công ty:

Rà soát, đề xuất điều chỉnh phương án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 báo cáo/trình các cấp có thẩm quyền, đảm bảo phù hợp và đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay của Tổng công ty.

- Thành lập, sắp xếp lại Phòng/Ban:

✓ Thành lập Phòng Quản lý chất lượng - An toàn Sức khỏe Môi trường thuộc Chi nhánh Tổng công ty - Ban Quản lý dự án Điện.

✓ Thực hiện tổ chức lại bộ phận Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty cho phù hợp, đảm bảo tính minh bạch, khách quan.

- Hoàn thiện các báo cáo, giải trình về công tác tổ chức, đổi mới phát triển doanh nghiệp theo yêu cầu của PVN, đoàn kiểm tra Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Nghiên cứu Đề án Nâng cao giá trị cốt lõi của PV Power TSC trở thành đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện về công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện của Tổng công ty.

- Bổ sung, cập nhật nội dung đăng ký hoạt động doanh nghiệp của PV Power gửi Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (sửa đổi, bổ sung lần thứ 16).

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Nhiệm vụ, kế hoạch trọng tâm năm 2024

- 01 Phối hợp chặt chẽ với EVN/EPTC/A0, Vinacomin, TCT Đông Bắc, PVGas trong công tác quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng các Nhà máy điện của PV Power; khả năng cấp khí/than đảm bảo thiết bị khả dụng cao, huy động tối đa công suất, vận hành an toàn các nhà máy điện; cơ cấu, phân bổ sản lượng điện tại các nhà máy đảm bảo hiệu quả. Sản xuất tổng sản lượng điện sản xuất năm 2024 đạt 16,7 tỷ kWh.
- 02 Bám sát thị trường điện cạnh tranh, tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các nhà máy điện khi tham gia thị trường. Đồng thời triển khai các công việc để sẵn sàng tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.
- 03 Đàm phán với EVN/EPTC và báo cáo các cấp có thẩm quyền về Qc cho các nhà máy điện: Nhơn Trạch 1 (do không có cam kết cấp khí), Cà Mau 1&2 và TOP khí phù hợp kế hoạch giao khí. Đàm phán để có cam kết hàng năm cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 làm cơ sở đàm phán Qc. Tìm nguồn khí và đàm phán ký hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2 giai đoạn 2026-2027 và các năm tiếp theo.
- 04 Tổ chức thực hiện sửa chữa định kỳ các nhà máy điện: trung tu tổ máy số 2 Nhà máy điện Vũng Áng 1, trung tu Nhà máy điện Đakdrinh, tiểu tu các Nhà máy điện Cà Mau 2, Nhà máy điện Hòa Na trong năm 2024 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn. Triển khai chuẩn bị các điều kiện cho công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện năm 2025. Nghiên cứu giải pháp đẩy mạnh phát triển cung cấp dịch vụ trong công tác bảo dưỡng sửa chữa nhà máy điện. Hoàn thành công tác quyết toán khắc phục sự cố tổ máy số 1 Nhà máy điện Vũng Áng 1.
- 05 Tìm kiếm nguồn và đảm bảo cấp than (than cám 5a1, 5a10 và phối trộn có chất bốc lớn hơn 10%) ổn định, liên tục và dài hạn cho Nhà máy điện Vũng Áng 1; triển khai tốt công tác tiêu thụ tro xỉ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, liên tục cho Nhà máy điện Vũng Áng 1. Triển khai đàm phán giá điện chính thức Nhà máy điện Vũng Áng 1 sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án được phê duyệt; cũng như đề trình các cấp có thẩm quyền và đàm phán với EVN về giá điện khi sử dụng than chất bốc cao.
- 06 Tiếp tục rà soát, sửa đổi/bổ sung và xây dựng mới đồng bộ các văn bản quản lý nội bộ nhằm tăng cường công tác quản lý điều hành đáp ứng yêu cầu thực tế phát triển doanh nghiệp. Nâng cao công tác quản trị, quản lý, sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn tài chính. Đẩy mạnh tiết giảm chi phí, tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Thường xuyên rà soát vật tư thay thế cho sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và vật tư theo Hợp đồng EPC để tồn kho ở mức hợp lý, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- 07 Tích cực triển khai đàm phán với EVN/PV Gas để thu hồi khoản chênh lệch tiền khí do chưa thống nhất tỷ lệ phân bổ nguồn khí mua bổ sung từ Petronas đối với Nhà máy điện Cà Mau 1&2.
- 08 Tập trung triển khai và hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của Tổng công ty.
- 09 Phối hợp với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bám sát Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp để sớm hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa PV Power và hoàn thành quyết toán dự án Nhà máy điện Vũng Áng 1.
- 10 Kiểm soát tiến độ, tổ chức thực hiện tốt công tác thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4: giám sát, quản lý thực hiện hợp đồng EPC; hợp đồng tư vấn Kỹ thuật dự án, các hợp đồng tư vấn phục vụ thu xếp vốn và các hợp đồng dự án còn lại đảm bảo chất lượng, phù hợp với nhu cầu, tiến độ dự án; hoàn thành đàm phán ký kết hợp đồng PPA với EPTC; hợp đồng GSA với PV Gas.
- 11 Đẩy nhanh công tác triển khai đầu tư dự án trụ sở văn phòng và chuyển văn phòng mới trong năm 2024.
- 12 Triển khai công tác đầu tư dự án Nhà máy điện TBKHH Quảng Ninh. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư phát triển các dự án nhà máy điện LNG như: Cà Mau 3 và kho cảng LNG, Vũng Áng 3, Nghi Sơn,... Nghiên cứu đầu tư phát triển điện năng lượng tái tạo như thủy điện nhỏ (dưới 30 MW), điện mặt trời lồng hồ, điện rác, điện gió on shore,... khi có hiệu quả.
- 13 Triển khai thực hiện các công việc thuộc phạm vi hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa PV Power với PVGas và PTSC.
- 14 Tiếp tục thực hiện công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp theo các Nghị quyết của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đảm bảo phù hợp với Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn đến hết năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1234/QĐ-TTg ngày 25/10/2023. Rà soát sắp xếp tổ chức gọn bộ máy từ công ty mẹ đến các đơn vị thành viên theo hướng tinh nhuệ, tập trung nguồn tài chính cho mục tiêu phát triển PV Power bền vững trong những năm tới cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của PV Power và phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng xanh, sạch hiện nay.
- 15 Tiếp tục tập trung công tác triển khai chuyển đổi số, hệ thống quản trị nguồn nhân lực doanh nghiệp ERP, xây dựng chiến lược tổng thể với việc xác định tầm nhìn số, lộ trình triển khai cụ thể và tích hợp, đồng bộ thông tin/dữ liệu hóa sản xuất kinh doanh với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 16 Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 76 Luật An toàn vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015. Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại các Nhà máy điện. Đối với các Nhà máy thủy điện cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác cất lũ và đảm bảo thủy lợi.
- 17 Triển khai công tác an sinh xã hội, truyền thông và văn hóa doanh nghiệp theo đúng các Chỉ thị, Quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, trên cơ sở đảm bảo phù hợp và hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh.
- 18 Thực hiện các công việc khác được Đại hội đồng cổ đông giao.

4.1. Cơ sở xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch

- Căn cứ công suất khả dụng của các nhà máy điện, dự báo tình hình thủy văn, dự báo nhu cầu phụ tải điện quốc gia; kế hoạch cấp nhiên liệu (khí/than)/sử dụng nhiên liệu (khí/than); kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện; kế hoạch 5 năm 2021-2025 của PV Power và tình hình thực hiện thực tế của PV Power trong 3 năm gần nhất.
- Các văn bản/quy định của Nhà nước về thị trường điện, chính sách thuế, tài chính kế toán,...; các hợp đồng mua bán điện ký kết với EVN/EPTC; các hợp đồng mua bán nguyên nhiên vật liệu ký kết với PV Gas/Vinacomin,...; các hợp đồng vay vốn, định mức kinh tế kỹ thuật,...
- Giá dầu 70 USD/thùng, tỷ giá 1 USD = 23.500 đồng.



4.2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 của PV Power

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024
I Sản lượng điện			
1	Toàn Tổng công ty	Triệu kWh	16.703
2	Công ty mẹ	Triệu kWh	12.379
II Doanh thu			
1	Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	31.736
2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	23.960
III Lợi nhuận trước thuế			
1	Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	995
2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.080
IV Lợi nhuận sau thuế			
1	Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	824
2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	929
V Nộp NSNN			
1	Toàn Tổng công ty	Tỷ đồng	838
2	Công ty mẹ	Tỷ đồng	363
VI	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế Vốn Chủ sở hữu	%	3,2%
VII	Tỷ lệ chia cổ tức	%	0%
VIII Kế hoạch mua sắm, đầu tư			
1	Nhu cầu vốn đầu tư	Tỷ đồng	7.222
	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	6.732
	Mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định	Tỷ đồng	370
	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	120
2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	7.222
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.998
	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	5.225
3	Giá trị giải ngân trong năm	Tỷ đồng	9.075
	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.461
	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	6.614

Năm 2024, PV Power - Công ty Mẹ tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; thực hiện đầu tư dự án trụ làm việc của Tổng công ty; nghiên cứu xúc tiến và tham gia góp vốn các dự án điện khí LNG và năng lượng tái tạo; triển khai mua sắm trang thiết bị cho phát triển cơ sở hạ tầng để tăng năng lực sản xuất kinh doanh,...

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

Không có

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA TỔNG CÔNG TY

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Bảng thông số các chỉ tiêu môi trường toàn Tổng công ty năm 2023

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	
Nước sạch tiêu thụ	m3	1.622.174
Nước mặt làm mát (1)	m3	1.266.779.664
Tiêu thụ năng lượng (tỷ lệ điện tự dùng)		4,64%
Tổng lượng khí thải	triệu m3	97,699
Tổng lượng nước thải (2)	m3	203.108.557
Chất thải rắn thông thường	tấn	977,603
Tro xỉ nhiệt điện than	tấn	573.258
Chất thải nguy hại	tấn	4.940

(1) trong đó 826.817.000 m3 nước biển sử dụng tại Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1;

(2) trong đó 202.911.500 m3 nước biển dùng cho hệ thống FGD do Nhà máy nhiệt điệnVũng Áng 1 sử dụng nước biển để khử lưu huỳnh thay cho hệ thống dùng đá vôi truyền thống.

Tất cả khối lượng chất thải rắn thông thường và nguy hại phát sinh đều được các nhà máy thuê đơn vị đủ năng lực xử lý, nước thải trước khi xả vào môi trường đều được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn.

Năm 2023, PV Power và PV Power Hà Tĩnh đã nỗ lực thúc đẩy xử lý, tiêu thụ tro xỉ, kết quả tiêu thụ được 1.203.858 tấn trong đó 448.485 tấn tro bay trực tiếp tại silo và 755.373 tấn hỗn hợp tro xỉ từ bãi thải xỉ.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của Nhà nước (về thời giờ làm việc/ngủ nghỉ, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thanh toán đầy đủ các chế độ trợ cấp BHXH&BHYT cho cán bộ công nhân viên như ốm đau, thai sản...), theo Quy chế khen thưởng, phúc lợi và Thỏa ước lao động tập thể của Tổng công ty...

Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, tạo môi trường và điều kiện lao động thân thiện, hợp vệ sinh; tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... tạo không khí vui tươi phấn khởi. Thực hiện khám sức khỏe định kỳ; trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ, phương tiện AT-BHLĐ cho Người lao động.

Năm 2023, Tổng công ty tiếp tục duy trì chế độ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe chất lượng cao PVI Care, chương trình bảo hiểm Hưu trí tự nguyện cho cán bộ nhân viên...;



6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

PV Power luôn nhận thức một cách cụ thể, rõ ràng về trách nhiệm của PV Power đối với cộng đồng đặc biệt trong môi trường cạnh tranh, xã hội ngày càng có cái nhìn khắt khe hơn đối với doanh nghiệp về bốn phần, trách nhiệm trước cộng đồng, xã hội. Hiện nay, trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với xã hội ngày càng trở nên quan trọng hơn; Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững không chỉ bảo đảm sản xuất kinh doanh phải có lợi nhuận, mà còn cả những chuẩn mực về bảo vệ môi trường thiên nhiên, môi trường lao động, về thực hiện bình đẳng giới, an toàn lao động, quyền lợi lao động...

Các hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội của Tổng công ty được thống nhất triển khai tới toàn bộ các đơn vị thành viên/trực thuộc thông qua việc triển khai các chương trình công tác gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nên ảnh hưởng tốt cho xã hội ở từng địa phương. Ví dụ:

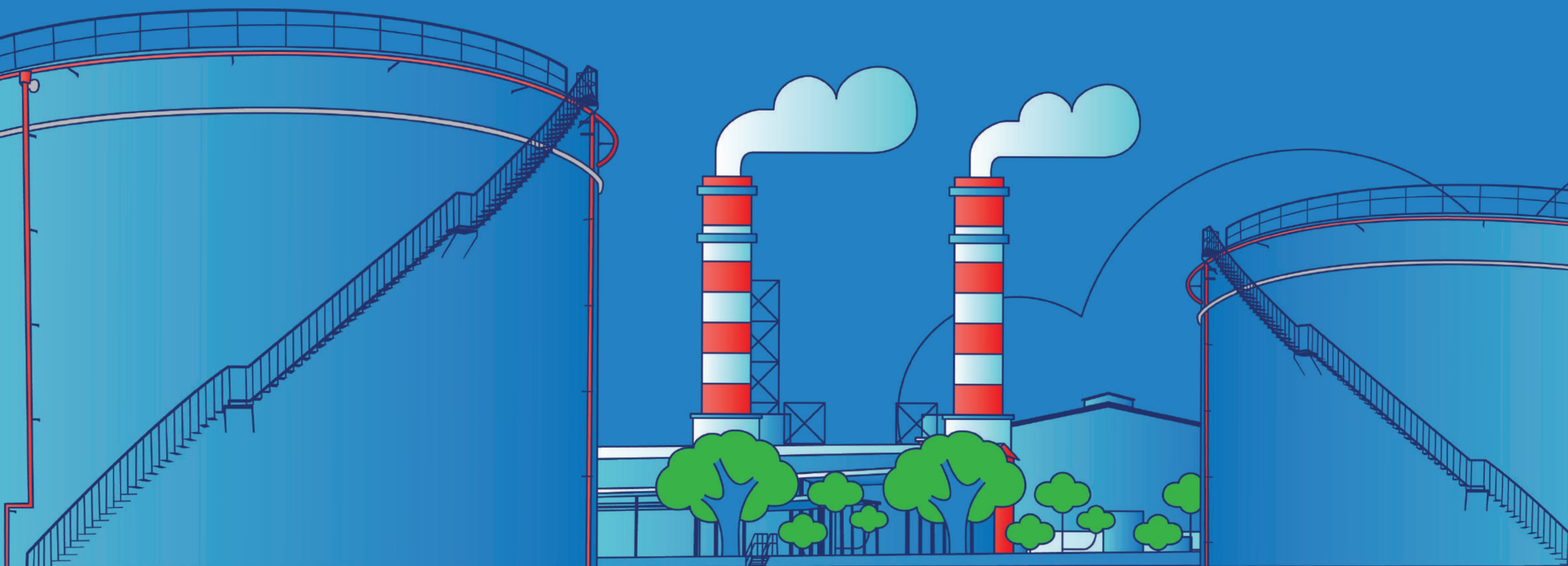
- PV Power và các đơn vị thành viên thường xuyên có các hoạt động tại các địa phương nhằm hỗ trợ cộng đồng cũng như thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp như thực hiện tốt việc quản lý/xử lý tốt chất thải/chất thải độc hại, hưởng ứng các hoạt động thường niên về công tác bảo vệ môi trường, làm sạch bãi biển, trồng cây xanh, khơi thông cống rãnh vào các ngày Môi trường thế giới, ngày Nước thế giới, chiến dịch giữ trái đất ...
- Các đơn vị sản xuất của PV Power có khai thác sử dụng nguồn nước đều đã ký hợp đồng với Quỹ môi trường rừng của địa phương để đóng phí dịch vụ môi trường rừng tương ứng với phần nước khai thác.
- Các đơn vị vận hành nhà máy thủy điện luôn tuân thủ quy định vận hành liên hồ, thường xuyên phối hợp với địa phương để điều tiết thủy lợi trên lưu vực sông phù hợp với kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; đã phối hợp với địa phương trồng rừng, tái định cư các hộ dân tại khu vực lòng hồ đúng quy định.
- Đối với đơn vị vận hành nhà máy nhiệt điện đều kiểm soát liên tục nguồn nước thải, khí thải đảm bảo tuân thủ quy chuẩn về môi trường; số liệu được hiển thị trên bảng thông tin công khai tại từng nhà máy.
- Trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh PV Power luôn xem xét phương án hạn chế thấp nhất những tác động bất lợi đến lợi ích của cộng đồng (các nhà máy điện của PV Power đều nằm trong khu công nghiệp, xa khu dân cư, hạn chế thấp nhất nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn giao thông, nguy cơ thiệt hại đến người dân khi xảy ra sự cố cháy nổ...).
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực qua hoạt động đào tạo, tăng cường ứng dụng công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động, giảm hao phí xã hội, nâng cao lợi nhuận doanh nghiệp qua sử dụng vốn đầu tư hiệu quả, chi phí thấp. Phối hợp với các tổ chức công đoàn thực thi đầy đủ hoặc cao hơn luật định trách nhiệm về vật chất, tinh thần đối với người lao động của đơn vị.
- PV Power luôn tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội hướng tới cộng đồng: Hoạt động hỗ trợ khắc phục thiên tai, hỗ trợ người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và các hoạt động hỗ trợ về giáo dục, tích cực tham gia các chương trình hiến máu nhân đạo ...



CHƯƠNG IV

1	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	112
2	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY	120
3	CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	122

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

1.1. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của PV Power, với sự lãnh đạo chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Tập thể cán bộ công nhân viên PV Power đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ được giao, các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2023 của PV Power đều hoàn thành trong đó, chỉ tiêu lợi nhuận đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được ĐHĐCĐ giao.



1.2. Về các mặt hoạt động của Tổng công ty



1.2.1. Công tác quản lý kỹ thuật

Hội đồng quản trị đã phê duyệt Định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong năm 2023 cho các nhà máy điện của Tổng công ty, đảm bảo vận hành tiết kiệm và hiệu quả; Tiếp tục chỉ đạo xây dựng các Định mức bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, định kỳ, mục tiêu áp dụng chung cho toàn Tổng công ty.

Trong năm 2023 Tổng công ty đã thực hiện bảo dưỡng sửa chữa tại các nhà máy điện theo đúng kế hoạch. Sau bảo dưỡng sửa chữa, các nhà máy điện vận hành an toàn, ổn định, đảm bảo độ khả dụng của các nhà máy.

Đối với sự cố tổ máy số 1 Nhà máy điện Vũng Áng 1, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo và giao Tổng Giám đốc Tổng công ty chủ động xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, đáp ứng mục tiêu cao nhất về chất lượng và tiến độ. Đến ngày 12/8/2023, tổ máy số 1 đã hoàn thành công tác khắc phục và đưa vào vận hành, đảm bảo độ khả dụng trên thị trường.

1.2.2. Công tác thương mại

- Hội đồng quản trị đã xử lý kịp thời các nội dung thuộc thẩm quyền trong công tác lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua sắm vật tư, hàng hóa, nhiên liệu, dịch vụ... phục vụ vận hành, bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện; Thực hiện tăng mạnh phân cấp cho Tổng Giám đốc trong lĩnh vực mua sắm dùng nguồn vốn sản xuất kinh doanh, đảm bảo sự chủ động, kịp thời đáp ứng đủ vật tư, hàng hóa dịch vụ... thay thế trong quá trình bảo dưỡng sửa chữa, đủ nhiên liệu trong vận hành cho các nhà máy điện.

- Công tác bảo hiểm cho các nhà máy điện của PV Power cũng được quan tâm đúng mức, các nhà máy điện của PV Power đều được mua bảo hiểm nhằm giảm thiểu các thiệt hại khi có sự cố/rủi ro xảy ra.

1.2.3. Công tác tài chính

Năm 2023, Hội đồng quản trị đã phê duyệt/thông qua các nội dung theo thẩm quyền:

- Danh sách các tổ chức tín dụng mở tài khoản tiền gửi thanh toán và hạn mức đầu tư tiền gửi của Công ty mẹ - Tổng công ty; Phê duyệt đầu tư tiền gửi có kỳ hạn - mở/duy trì hạn mức tín dụng tài trợ vốn lưu động luân chuyển của Công ty mẹ;

- Lựa chọn ngân hàng tài trợ và thế chấp tài sản đảm bảo cho khoản vay tài trợ dự án mua tòa nhà làm văn phòng làm việc của Tổng công ty; Thông qua các điều kiện vay vốn để thực hiện dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4: khoản vay SACE (200 triệu USD); Vietcombank (4.000 tỷ đồng); vay vốn bắc cầu từ nguồn vay thương mại nước ngoài (300 triệu USD)...

- Chủ trương tăng vốn điều lệ của PV Power và trình cấp thẩm quyền xem xét/chấp thuận.

- Phương án tái cấu trúc khoản vay AIIB của PV Power DHC bằng đồng nội tệ.

- Thông qua các nội dung báo cáo bổ sung, giải trình với PVN về hồ sơ quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty.



1.2.4. Công tác đầu tư phát triển

PV Power đã nỗ lực cho hoạt động đầu tư phát triển và Hội đồng quản trị đã phê duyệt/thông qua các nội dung theo thẩm quyền:



Danh mục dự án/Cơ hội đầu tư giai đoạn 2023-2035 của Tổng công ty.

Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4:

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tổ chức nhiều phiên họp và giao ban hàng tháng về tình hình thực hiện dự án để có những chỉ đạo kịp thời. Hội đồng quản trị đã tham gia làm việc với chính quyền địa phương cũng như đơn vị quản lý khu công nghiệp để xử lý các vấn đề về giải phóng mặt bằng và ký Hợp đồng thuê đất với tỉnh; Chủ động kiến nghị các Bộ/ngành và PVN hỗ trợ Tổng công ty xử lý các vấn đề còn vướng mắc về đất đai, không để ảnh hưởng đến tiến độ Dự án; Thông qua việc điều chỉnh tiến độ dự án đầu tư theo quy định của Luật đầu tư; Phê duyệt bổ sung Kế hoạch LCNT của Dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4; Chấp thuận thực hiện phương án đấu nối tạm cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 3; Xử lý các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPC giữa các bên,...

Dự án đầu tư trụ sở làm việc của Tổng công ty:

Theo hợp đồng mua bán tòa nhà DLC Complex - Nguyễn Tuấn, Tổng công ty đang hoàn thiện thiết kế cơ sở để phục vụ công tác thẩm định tại Cục quản lý hoạt động xây dựng, Bộ Xây dựng...

Nhà máy điện khí LNG Cà Mau 3:

Theo Quyết định Quy hoạch Điện VIII được phê duyệt, Nhà máy điện Cà Mau 3 được đưa vào diện các Dự án tiềm năng, dự phòng bổ sung. PV Power tiếp tục nghiên cứu phương án đảm bảo nhiên liệu cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2. Đồng thời, PV Power tiếp tục phối hợp với Novatek để nghiên cứu phương án đầu tư, phát triển dự án.

Đối với Dự án Nhà máy điện Tua bin khí hỗn hợp Quảng Ninh:

Chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện các nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi theo yêu cầu của Bộ Công Thương trong quá trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án.

Đối với nghiên cứu phát triển năng lượng tái tạo:

Tiếp tục chỉ đạo Người đại diện phần vốn tại PV Power REC triển khai các dự án năng lượng tái tạo theo định hướng phát triển cũng như Kế hoạch mà Hội đồng quản trị Tổng công ty đã thông qua, phù hợp với chiến lược chuyển dịch năng lượng của PVN.



1.2.5. Công tác tái cơ cấu, thoái vốn, đổi mới doanh nghiệp

PV Power sắp xếp bộ máy các đơn vị, các Ban chức năng phù hợp với yêu cầu phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị và toàn Tổng công ty. Hội đồng quản trị đã có quyết định kiện toàn lại bộ phận Kiểm toán nội bộ Tổng công ty (chuyển bộ phận Kiểm toán nội bộ từ Ban Tài chính kế toán sang Ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị); Thông qua Phương án thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ tại PV Power Nhơn Trạch 2; Thông qua việc Thành lập Phòng Quản lý chất lượng - An toàn Sức khỏe Môi trường thuộc Chi nhánh Tổng công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam - CTCP - Ban Quản lý Dự án Điện.



1.2.6. Công tác quản trị doanh nghiệp

Hội đồng quản trị tăng cường vai trò giám sát, quản trị rủi ro, nắm bắt và đánh giá đúng đắn về thực trạng, hiệu quả hoạt động, việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của PV Power đối với các đơn vị, kịp thời chấn chỉnh hoặc áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm khắc phục tồn tại, hạn chế để hoàn thành mục tiêu và kế hoạch kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng cạnh tranh của các đơn vị. Năm 2023, Hội đồng quản trị thực hiện công tác giám sát tại PV Power Cà Mau, PV Power Fuel, PV Power Nhơn Trạch và PV Power Nhơn Trạch 2, Chi nhánh Ban Quản lý dự án điện (giám sát thường xuyên).

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo việc rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế/quy định nội bộ cho phù hợp với các Luật mới có hiệu lực và thực tế hoạt động của Tổng công ty.

PV Power đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty, chỉ đạo Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị có vốn góp của PV Power thực hiện biểu quyết/có ý kiến về các nội dung thuộc thẩm quyền, liên quan tới quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng công ty trong quá trình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh tại các đơn vị theo đúng quy định của pháp luật.

1.2.7. Công tác lao động, tiền lương

Hội đồng quản trị PV Power đã phê duyệt kế hoạch lao động định biên năm 2023 của Công ty mẹ làm cơ sở để Tổng Giám đốc quyết định giao định biên cho các đơn vị trực thuộc, tổ chức triển khai công tác sắp xếp, bố trí và tuyển dụng lao động; Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương năm 2022 của người lao động, người quản lý Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị thành viên; thông qua kế hoạch lao động, tiền lương năm 2023 của Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị thành viên; Thông qua cơ chế giao khoán quỹ lương tại Công ty mẹ; Kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 (trích từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022) sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua quỹ khen thưởng, phúc lợi. Đồng thời chỉ đạo Ban điều hành thực hiện rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương, quy chế đánh giá của Công ty mẹ, xây dựng tiêu chuẩn chức danh với mục tiêu gắn tiền lương, thu nhập của người lao động với các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, kết quả/hiệu quả hoạt động của đơn vị, tạo động lực cho đơn vị nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao.

Năm 2023, tiền lương thu nhập của người lao động được duy trì ổn định và là năm thứ 4 liên tiếp Tổng công ty đạt danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động năm 2023” do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh Xã hội và Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức.

1.2.8. Công tác An toàn, Sức khỏe, Môi trường

Công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra an toàn, sức khỏe được tập trung thực hiện có hiệu quả. Trong năm 2023, toàn Tổng công ty đảm bảo an toàn, không để xảy ra sự cố cháy nổ, đảm bảo tốt công tác vận hành, sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy;

Tổ chức thành công Hội nghị thường niên về ATSKMT lần thứ XII và Hội nghị ATVSLĐ – PCCN lần thứ XIII hưởng ứng Tháng hành động ATVSLĐ năm 2023.

1.2.9. Công tác An sinh xã hội

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, PV Power cũng luôn quan tâm đến đời sống của người lao động và các hoạt động an sinh xã hội, phù hợp với điều kiện và khả năng của PV Power. Tổng công ty đã tuyên truyền, vận động các cán bộ công nhân viên Tổng công ty tham gia đóng góp, ủng hộ quỹ vì người nghèo, nạn nhân bị cháy trong vụ chung cư mini tại Thanh Xuân... nhằm góp phần khắc phục các khó khăn cho các cá nhân, đồng bào cả nước.

16/06/2023:

PV Power phối hợp cùng chính quyền xã Hoàng Đạt tổ chức buổi lễ khánh thành Trường tiểu học xã Hoàng Đạt, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Công trình trường tiểu học xã Hoàng Đạt mới được xây dựng với tổng kinh phí hơn 6 tỷ đồng, trong đó PV Power đã đóng góp kinh phí tài trợ là 4 tỷ đồng. Công trình gồm nhà học 2 tầng với 12 phòng học và khu vực sân khấu.



PV POWER TÀI TRỢ TỔNG KINH PHÍ TRỊ GIÁ

4.000.000.000 VND



20/07/2023:

Thực hiện chương trình “Hành trình đền ơn đáp nghĩa và giáo dục truyền thống lịch sử năm 2023”, Đoàn Thanh niên Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) và Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power) đã phối hợp cùng Huyện đoàn Bình Sơn tổ chức “Lễ thắp nến tri ân” các anh hùng liệt sĩ tại di tích lịch sử địa đạo Đám Toái. Tại chương trình, Đoàn Thanh niên BSR và PV Power đã dành tặng 108 phần quà, mỗi suất trị giá 500 nghìn đồng cho các mẹ Việt Nam anh hùng, thương, bệnh binh, thân nhân gia đình liệt sĩ, người có công cách mạng có hoàn cảnh khó khăn.

PV POWER cùng BSR đã dành tặng phần quà cho bà mẹ Việt Nam anh hùng

108 phần quà



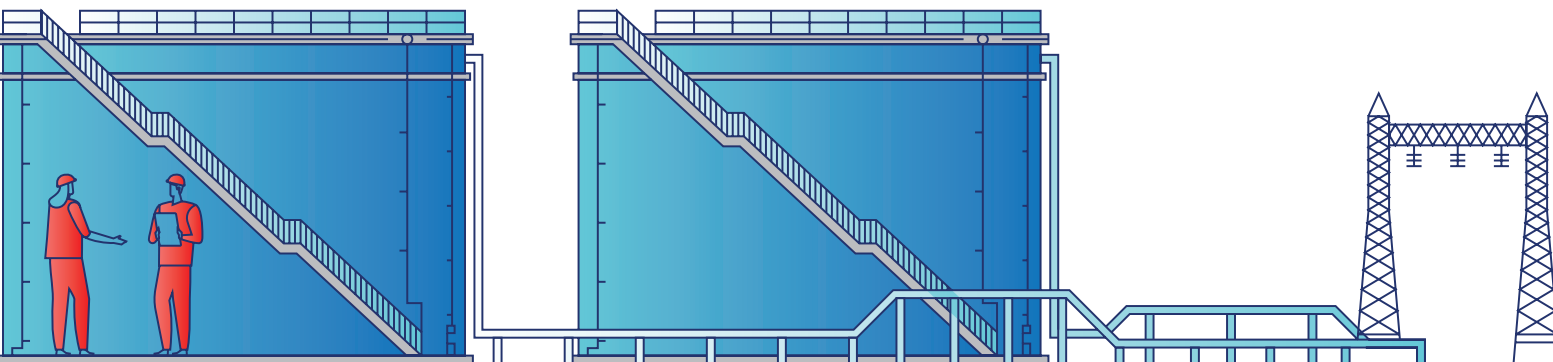
22/07/2023:

Đoàn Thanh niên PV Power và Công ty cổ phần Thủy điện Đăkđrinh (PV Power DHC) đã phối hợp cùng Huyện đoàn Sơn Tây tổ chức chương trình “Bữa cơm cho em và trao tặng công trình sân chơi cho thiếu nhi thôn Đăk Đoa” cho các em học sinh trường Mầm non, Tiểu học, THCS thôn Đăk Đoa. Tại chương trình, Đoàn Thanh niên PV Power và PV Power DHC đã phối hợp trao 10 phần quà trị giá 500 nghìn đồng/suất cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn xã Sơn Liên. Ngoài ra, Đoàn Thanh niên 2 đơn vị còn thực hiện trao tặng công trình sân chơi và tổ chức nấu ăn cho các em học sinh tại trường Mầm non, Tiểu học, THCS tại thôn Đăk Đoa.



24/07/2023:

PV Power và Ban Quản lý Dự án Điện thuộc PV Power đã tổ chức khánh thành và trao 2 nhà tình thương tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hai công trình có tổng trị giá 325 triệu đồng do Ban Quản lý Dự án Điện/ PV Power cùng Nhà thầu EPC (Samsung C&T và Lilama) và các nhà thầu phụ cùng chung tay tài trợ kinh phí xây dựng.



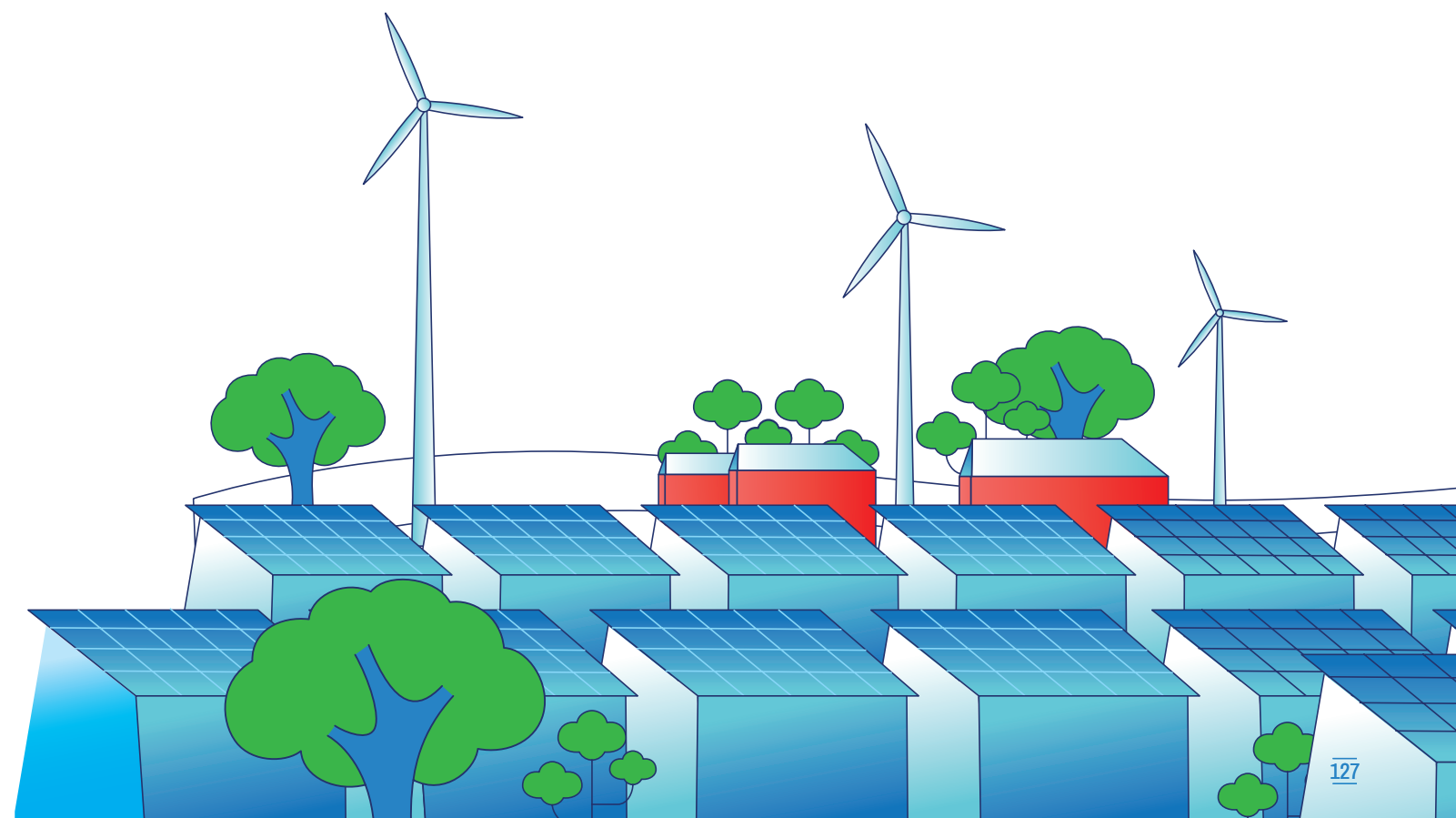
1.2.10. Công tác quản lý và quan hệ cổ đông

PV Power đã thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời các nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật đối với công ty cổ phần đại chúng; công tác truyền thông cổ phiếu POW ra công chúng và quản lý thông tin trên website của PV Power đảm bảo đúng quy định của công ty đại chúng; chủ động cung cấp thông tin và giải đáp thắc mắc về các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty đến các Công ty chứng khoán, Quỹ đầu tư, cổ đông...

Đã phát hành Báo cáo thường niên năm 2022, Báo cáo quản trị Công ty năm 2022 và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật.

Tổng công ty đã tổ chức thành công Hội thảo gặp gỡ các nhà đầu tư, chuyên gia phân tích chứng khoán với chủ đề “Chuyện của POW (tiếp theo)” năm 2023 vào ngày 24/10/2023 tại Nhà máy điện Cà Mau 1&2.

PV Power tiếp tục lọt Top 100 doanh nghiệp bền vững lĩnh vực sản xuất năm 2023; Top 20 Báo cáo thường niên tốt nhất thuộc nhóm ngành phi tài chính; Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2023 với thứ hạng 47/500 doanh nghiệp trong bảng.



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

01

Ban Tổng Giám đốc, đứng đầu là Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các Quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty. Tổng Giám đốc đã chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; xây dựng cơ chế làm việc dân chủ, công khai, phân cấp, phân quyền cụ thể cho từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc để mỗi người có thể phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong lĩnh vực công tác được giao phụ trách. Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh chuyên nghiệp, trung thực, cẩn trọng với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt các công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa cho Tổng công ty và các cổ đông.

02

Với vai trò là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, chịu trách nhiệm cao nhất trong công tác điều hành, Tổng Giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xây dựng quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Tổng giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban định kỳ hàng tháng với sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các đơn vị, Trưởng các Ban chức năng Tổng công ty, đồng thời tổ chức họp chuyên đề theo từng công việc, dự án hoặc nhóm công việc có liên quan để chỉ đạo và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

03

Bên cạnh việc tham dự các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã chủ động đề xuất với Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp chuyên đề, trao đổi với Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm báo cáo, đánh giá, rà soát các nội dung liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, báo cáo Hội đồng quản trị kịp thời các vấn đề phát sinh về thẩm quyền, phân cấp trong quá trình điều hành nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

04

Thường xuyên làm việc với các đơn vị để kịp thời chấn chỉnh công tác sản xuất kinh doanh theo định hướng chung, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình sản xuất kinh doanh và đầu tư của từng đơn vị trong Tổng công ty.

05

Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện các giải pháp kiện toàn tổ chức bộ máy, nhân sự, tiếp tục triển khai việc chi lương hiệu quả cho cán bộ công nhân viên gắn với kết quả đánh giá công việc của cán bộ công nhân viên, (đảm bảo tính công bằng và tương xứng với công sức người lao động đóng góp cho doanh nghiệp) với mục đích tạo động lực, khuyến khích người lao động nỗ lực đóng góp cho sự phát triển chung của Tổng công ty.

06

Ban Tổng Giám đốc đã tiếp tục tạo điều kiện và phối hợp tốt với các tổ chức Đảng, đoàn thể của Tổng công ty trong việc tổ chức các hoạt động thi đua sản xuất kinh doanh, uống nước nhớ nguồn, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.



3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, căn cứ tình hình thực tế và các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2024, Hội đồng quản trị đã ban hành Chương trình công tác trọng tâm của Hội đồng quản trị trong năm 2024.

3.1. Kế hoạch, định hướng chung

Tiếp tục tổ chức bộ máy Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Tập trung chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc triển khai các giải pháp nhằm thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định và tổ chức họp bất thường khi cần thiết để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, tham gia các cuộc họp giao ban, các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc để nắm bắt và kịp thời xử lý công việc theo thẩm quyền.

Đôn đốc, giám sát chặt chẽ việc triển khai các nghị quyết/quyết định/chỉ thị của Hội đồng quản trị và các cấp có thẩm quyền.

Tăng cường phân cấp cho Tổng Giám đốc, nâng cao tính chủ động của Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty để đáp ứng nhu cầu thực tế sản xuất và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp.

Tăng cường thực hiện công tác giám sát, quản trị rủi ro đối với hoạt động của Tổng công ty và các công ty thành viên.

Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty theo hướng tinh, gọn, hiệu quả; có những chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.

Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, kinh doanh, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Tiếp tục nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp trong công tác môi trường - xã hội, sử dụng năng lượng xanh vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và cộng đồng.

3.2. Kế hoạch, định hướng, chỉ đạo cụ thể

3.2.1 Công tác sản xuất kinh doanh

Xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, cụ thể:

(i) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024; Phương án phân phối lợi nhuận từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023; Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

(ii) Phương án phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ của Tổng công ty;

(iii) Rà soát, đánh giá thực hiện kế hoạch 05 năm 2021-2025 và Chiến lược phát triển của Tổng công ty đến năm 2035 để đề xuất Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty về việc bổ sung/sửa đổi (nếu cần).

3.2.2 Chỉ đạo, giám sát công tác tổ chức triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024 của Tổng công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua

a) Chỉ đạo, giám sát công tác quản lý vận hành an toàn các nhà máy điện của Tổng công ty; đảm bảo thiết bị khả dụng cao, huy động tối đa công suất, tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh các nhà máy điện khi tham gia thị trường điện.

b) Chỉ đạo, giám sát về công tác nhiên liệu gồm: (i) việc đàm phán với EVN/EPTC và báo cáo các cấp có thẩm quyền về Qc cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2 có xét đến kế hoạch nhận lại khí trả trước; (ii) đàm phán để có cam kết lượng khí cấp hàng năm cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 làm cơ sở đàm phán Qc. Bên cạnh đó, tiếp tục tìm kiếm: (iii) nguồn khí bổ sung và đàm phán ký hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2 giai đoạn 2026-2027 và các năm tiếp theo; (iv) nguồn than (than cám 5a1, 5a10 và phối trộn có chất bốc lớn hơn 10%) ổn định, liên tục và dài hạn cho Nhà máy điện Vũng Áng 1.

c) Chỉ đạo, giám sát các công tác: (i) Tổ chức thực hiện sửa chữa định kỳ các nhà máy điện: Trung tu tổ máy số 2 Nhà máy điện Vũng Áng 1, Trung tu Nhà máy điện Đakdrinh, tiểu tu các Nhà máy điện Cà Mau 2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy điện Hòa Na trong năm 2024 đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn và chuẩn bị các điều kiện cho công tác bảo dưỡng sửa chữa các nhà máy điện năm 2025; (ii) Xây dựng phương án bảo dưỡng sửa chữa thiết bị phụ Nhà máy điện Cà Mau 1&2 giai đoạn sau 100.000 EOH; (iii) Quyết toán Hợp đồng bảo dưỡng sửa chữa khối thiết bị chính Nhà máy điện Cà Mau 1&2 giai đoạn 100.000 EOH đầu tiên; (iv) Công tác tiêu thụ tro xỉ nhằm đảm bảo vận hành an toàn, liên tục cho Nhà máy điện Vũng Áng 1; (v) Công tác quyết toán khắc phục sự cố tổ máy số 1 Nhà máy điện Vũng Áng 1; (vi) Nghiên cứu giải pháp đẩy mạnh phát triển cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện.

d) Chỉ đạo, giám sát công tác quyết toán vốn đầu tư dự án Nhà máy điện Vũng Áng 1 và đàm phán ký kết giá điện chính thức của Nhà máy điện Vũng Áng 1 sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án được phê duyệt, cũng như đệ trình các cấp có thẩm quyền và đàm phán với EVN về giá điện khi sử dụng than có chất bốc cao.

đ) Chỉ đạo, giám sát (i) công tác xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch an sinh xã hội, công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại các nhà máy điện; (ii) phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác cất lũ và đảm bảo thủy lợi đối với các nhà máy thủy điện; (iii) công tác truyền thông và văn hóa doanh nghiệp trên cơ sở đảm bảo phù hợp và hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh.

3.2.3 Công tác đầu tư xây dựng

a) Chỉ đạo, giám sát công tác kiểm soát tiến độ, tổ chức thực hiện tốt công tác thực hiện đầu tư dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4: giám sát, quản lý thực hiện hợp đồng EPC; hợp đồng tư vấn kỹ thuật Dự án, các hợp đồng tư vấn phục vụ thu xếp vốn và các hợp đồng dự án còn lại đảm bảo chất lượng, phù hợp với nhu cầu, tiến độ dự án; hoàn thành đàm phán ký kết hợp đồng PPA với EPTC; Hợp đồng GSA với PV Gas.

b) Chỉ đạo, giám sát công tác triển khai đầu tư dự án trụ sở văn phòng làm việc của Tổng công ty, chuyển Tổng công ty về văn phòng mới trong năm 2024.

c) Chỉ đạo, giám sát việc triển khai công tác đầu tư dự án Nhà máy điện LNG Quảng Ninh và nghiên cứu đầu tư phát triển các dự án Nhà máy điện LNG như: Cà Mau 3, Vũng Áng 3, Nghi Sơn,...Nghiên cứu đầu tư phát triển điện năng lượng tái tạo, điện rác, ... khi có cơ hội và hiệu quả.

3.2.4 Công tác tài chính

a) Chỉ đạo, giám sát công tác quyết toán cổ phần hóa PV Power.

b) Chỉ đạo, giám sát công tác quản lý dòng tiền và thu xếp vốn của Tổng công ty, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu giải ngân dự án đầu tư phát triển của Tổng công ty, đặc biệt quan trọng đối với dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4.

c) Chỉ đạo, giám sát công tác đàm phán với EVN và báo cáo các cấp có thẩm quyền để thu hồi khoản chênh lệch tiền khí do chưa thống nhất tỷ lệ phân bổ nguồn khí mua bổ sung từ Petronas đối với Nhà máy điện Cà Mau 1&2 giai đoạn 2019-2021.

3.2.5 Công tác quản trị, tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp

a) Chỉ đạo, giám sát việc sửa đổi và tổ chức thực hiện phương án sắp xếp, tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2021-2025 phù hợp với tình hình thực tế của Tổng công ty.

b) Tiếp tục chỉ đạo, giám sát công tác rà soát, sửa đổi/bổ sung và xây dựng mới đồng bộ các văn bản quản lý nội bộ nhằm tăng cường công tác quản lý điều hành đáp ứng yêu cầu thực tế phát triển doanh nghiệp, trong đó có các bộ định mức sửa chữa định kỳ, sửa chữa thường xuyên, định mức vật tư tồn kho các Nhà máy điện để làm cơ sở thực hiện. Nâng cao công tác quản trị, quản lý, sử dụng linh hoạt và hiệu quả nguồn vốn tài chính. Đẩy mạnh tiết giảm chi phí, tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Thường xuyên rà soát vật tư thay thế cho sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn và vật tư theo Hợp đồng EPC để tồn kho ở mức hợp lý, đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

c) Chỉ đạo, giám sát công tác triển khai chuyển đổi số, hệ thống quản trị nguồn nhân lực doanh nghiệp ERP, xây dựng chiến lược tổng thể với việc xác định tầm nhìn số, lộ trình triển khai cụ thể và tích hợp, đồng bộ thông tin/dữ liệu hóa sản xuất kinh doanh với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

3.2.6 Công tác khác

a) Triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện và khả năng của Tổng công ty.

b) Đảm bảo chăm lo đời sống cho người lao động; tăng cường các phong trào, hoạt động đoàn thể.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác được Đại hội đồng cổ đông giao.



CHƯƠNG V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

①	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	128
②	BAN KIỂM SOÁT	138
③	CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT	142

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH	TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI PV POWER
1	Ông Hoàng Văn Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị	0%	24,94%
2	Ông Hồ Công Kỳ (*)	Chủ tịch Hội đồng quản trị PV Power; Trưởng ban Quản lý dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (kiêm nhiệm)	0,0023%	24,94%
3	Ông Lê Như Linh	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	0%	20%
4	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên Hội đồng Quản trị	0%	5%
5	Bà Vũ Thị Tố Nga	Thành viên Hội đồng Quản trị	0%	10%
6	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	0%	10%
7	Ông Vũ Chí Cường	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	0%	0%
8	Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên Hội đồng quản trị	0,0018%	10%
9	Ông Nguyễn Bá Phước	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	0%	0%

* Tháng 04/2023, ông Hồ Công Kỳ hết nhiệm kỳ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP, chuyển công tác.



1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Căn cứ các quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 15 cuộc họp và ban hành 54 Nghị quyết/Quyết định (tại các phiên họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản) để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng công ty và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể như sau:

- Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Tổng công ty vào ngày 25/04/2023 theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- Định kỳ hàng quý, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp, đưa ra các quyết nghị mang tính định hướng toàn diện để chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giữa các phiên họp định kỳ, Hội đồng quản trị đã thông qua nhiều chủ trương, quyết sách bằng hình thức họp chuyên đề/xin ý kiến bằng văn bản nhằm đáp ứng tiến độ công việc. Các thành viên Ban Kiểm soát được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Tổng công ty, tạo điều kiện để Ban Tổng Giám đốc chủ động trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2023.

1.4. Các Nghị quyết/ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

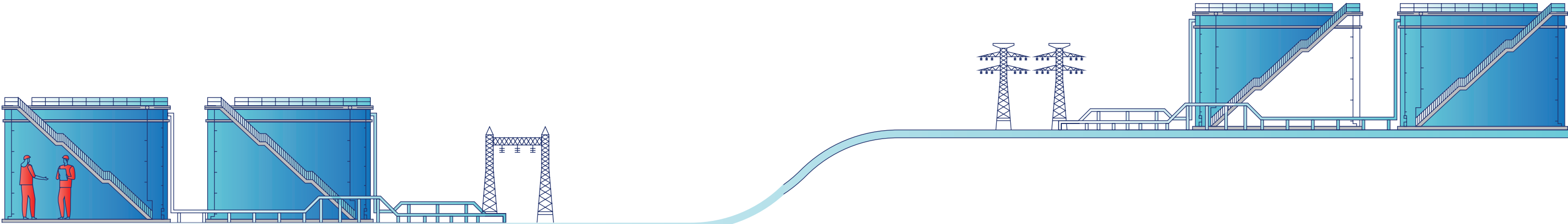
STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội Dung
1	39/NQ-ĐHĐCĐ	25/04/2023	Thông qua các nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của PV Power.
2	40/NQ-ĐLDK	25/04/2023	Bầu Thành viên Hội đồng quản trị
3	41/NQ-ĐLDK	25/04/2023	Bầu Thành viên Hội đồng quản trị
4	42/NQ-ĐLDK	25/04/2023	Bầu Thành viên Hội đồng quản trị
5	43/NQ-ĐLDK	25/04/2023	Bầu Thành viên Độc lập Hội đồng quản trị
6	44/NQ-ĐLDK	25/04/2023	Bầu Kiểm soát viên
7	46/NQ-ĐLDK	25/04/2023	Bầu Kiểm soát viên
8	47/NQ-ĐLDK	25/04/2023	Bầu Kiểm soát viên
9	48/NQ-ĐLDK	25/04/2023	Bầu Kiểm soát viên



1.5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	03/NQ-ĐLDK	16/01/2023	Chi tạm ứng từ quỹ phúc lợi của Tổng công ty cho CBCNV nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão và các khoản chi phúc lợi trong quý I/2023 (Tạm trích từ kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2023)	100%
2	04/NQ-ĐLDK	30/01/2023	Thông qua nội dung công bố thông tin Báo cáo tài chính quý 4/2022 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%
3	05/NQ-ĐLDK	30/01/2023	Thông qua nội dung công bố thông tin Báo cáo quản trị năm 2022 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%
4	38/QĐ-ĐLDK	31/01/2023	Phê duyệt kết quả tạm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của các đơn vị thành viên PV Power	100%
5	39/QĐ-ĐLDK	31/01/2023	Phê duyệt định mức Kinh tế Kỹ thuật Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2023	100%
6	40/QĐ-ĐLDK	31/01/2023	Phê duyệt định mức Kinh tế Kỹ thuật Nhà máy điện Cà Mau 1&2 năm 2023	100%
7	41/QĐ-ĐLDK	31/01/2023	Phê duyệt định mức Kinh tế Kỹ thuật Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 năm 2023	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
8	06/NQ-ĐLDK	31/01/2023	Thông qua định mức kinh tế kỹ thuật của Nhà máy thủy điện Đakđrinh năm 2023	100%
9	07/NQ-ĐLDK	31/01/2023	Thông qua định mức kinh tế kỹ thuật của Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2023	100%
10	08/NQ-ĐLDK	02/02/2023	Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của PV Power	100%
11	11/NQ-ĐLDK	08/02/2023	Thông qua định mức Kinh tế- Kỹ thuật của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2023	100%
12	18/NQ-ĐLDK	14/03/2023	Thông qua nội dung công bố thông tin của PV Power	100%
13	152/QĐ-ĐLDK	16/03/2023	Phê duyệt và ban hành “Mục tiêu chất lượng năm 2023” theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của PV Power	100%
14	158/QĐ-ĐLDK	21/03/2023	Phê duyệt quy chế sáng kiến của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%
15	21/NQ-ĐLDK	27/03/2023	Thông qua các nội dung tại cuộc họp HĐQT và ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty CP ĐLDK Nhơn Trạch 2	100%
16	22/NQ-ĐLDK	28/03/2023	Thông qua nội dung biểu quyết về công tác cán bộ tại Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	100%
17	25/NQ-ĐLDK	04/04/2023	Thông qua nội dung Báo cáo thường niên năm 2022 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
18	26/NQ-ĐLDK	05/04/2023	Chương trình, danh sách Ban Chủ tọa, thành lập các Ban phục vụ Đại hội và các Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của PV Power	100%
19	29/NQ-ĐLDK	12/4/2023	Cuộc họp định kỳ Quý I năm 2023 của HĐQT PV Power	100%
20	30/NQ-ĐLDK	14/04/2023	Thông qua các nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty CP Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí	100%
21	31/NQ-ĐLDK	18/04/2023	Thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	100%
22	35/NQ-ĐLDK	20/04/2023	Thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty CP Thủy điện Hòa Na	100%
23	38/NQ-ĐLDK	25/04/2023	Thông qua các nội dung tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty CP Thủy điện Đakrinh	100%
24	39/NQ-ĐLDK	26/04/2023	NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%
25	62/NQ-ĐLDK	16/06/2023	NQ về việc lựa chọn ngân hàng cấp bảo lãnh thanh toán cho Hợp đồng số 0810/CM-LTMP/SIE-PVPS/006 ngày 03/10/2008 về công tác bảo trì, sửa chữa bảo dưỡng dài hạn của Nhà máy điện Cà Mau 1&2	100%
26	66/NQ-ĐLDK	29/06/2023	Thông qua nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	100%
27	68/NQ-ĐLDK	03/07/2023	Chấp thuận các giao dịch đầu tư tiền gửi, cầm cố tiền gửi và vay vốn hạn mức tín dụng với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	100%
28	518/QĐ-ĐLDK	03/07/2023	Phê duyệt kế hoạch định biên lao động năm 2023 của Công ty Mẹ PV Power	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
29	69/NQ-ĐLDK	05/07/2023	Chấp thuận giao dịch, hợp đồng đào tạo “Nâng cao kiến thức về kỹ thuật nhiệt và ứng dụng các chu trình nhiệt trong nhà máy nhiệt điện than” giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và Trường Cao đẳng Dầu khí	100%
30	570/QĐ-ĐLDK	20/07/2023	Tổ chức lại Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%
31	575/QĐ-ĐLDK	20/07/2023	Điều động và bổ nhiệm bà Tô Ngọc Tuyết giữ chức Phó Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ, phụ trách công tác Kiểm toán nội bộ Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%
32	71/NQ-ĐLDK	20/07/2023	Thông qua nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	100%
33	73/NQ-ĐLDK	20/07/2023	Thông qua nội dung Hợp đồng mua bán khí của Nhà máy điện Cà Mau 1&2	100%
34	74/NQ-ĐLDK	24/07/2023	Chấp thuận giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn dịch vụ tư vấn giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí	100%
35	75/NQ-ĐLDK	25/07/2023	Thông qua nội dung Hợp đồng mua bán khí của Nhà máy điện Cà Mau 1&2	100%
36	76/NQ-ĐLDK	28/07/2023	Thông qua nội dung công bố thông tin báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2023	100%
37	80/NQ-ĐLDK	31/08/2023	Chấp thuận giao dịch cung cấp dịch vụ tư vấn giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	100%
38	83/NQ-ĐLDK	20/09/2023	Thông qua nội dung Quy chế quản lý tài chính của Công ty CP Thủy điện Hòa Na	100%
39	84/NQ-ĐLDK	22/09/2023	Thông qua định mức kinh tế kỹ thuật của Nhà máy điện Đakrinh năm 2024	100%
40	85/NQ-ĐLDK	22/09/2023	Thông qua định mức kinh tế kỹ thuật của Nhà máy điện Hòa Na năm 2024	100%
41	758/QĐ-ĐLDK	22/09/2023	Phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật Nhà máy điện Vũng Áng 1 năm 2024	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
42	760/QĐ-ĐLDK	25/09/2023	Phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 năm 2024	100%
43	766/QĐ-ĐLDK	26/09/2023	Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Minh Đạo	100%
44	767/QĐ-ĐLDK	26/09/2023	Bổ nhiệm lại ông Nguyễn Duy Giang	100%
45	776/QĐ-ĐLDK	27/09/2023	Phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật Nhà máy điện Cà Mau 1&2 năm 2024	100%
46	89/NQ-ĐLDK	04/10/2023	Thông qua định mức kinh tế kỹ thuật của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2024	100%
47	91/NQ-ĐLDK	9/10/2023	Tại cuộc họp định kỳ quý III năm 2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%
48	857/QĐ-ĐLDK	20/10/2023	Thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	100%
49	98/NQ-ĐLDK	06/11/2023	Thông qua nguyên tắc đàm phán sửa đổi HĐ mua bán khí của Nhà máy điện Cà Mau 1&2	100%
50	934/QĐ-ĐLDK	10/11/2023	Phê duyệt và ban hành Quy chế kiểm tra, giám sát của PV Power	100%
51	100/NQ-ĐLDK	10/11/2023	Chấp thuận giao dịch đào tạo nâng cao kiến thức về kỹ năng xử lý sự cố hệ thống thiết bị lò hơi và tua bin trong nhà máy nhiệt điện than giữa Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và Trường Cao đẳng Dầu khí	100%
52	989/QĐ-ĐLDK	27/11/2023	Tiếp nhận và bổ nhiệm ông Trương Việt Phương	100%
53	1010/QĐ-ĐLDK	05/12/2023	Phê duyệt quy định tổ chức cụm thi đua và bình xét danh hiệu thi đua đối với các đơn vị trực thuộc Tổng công ty	100%



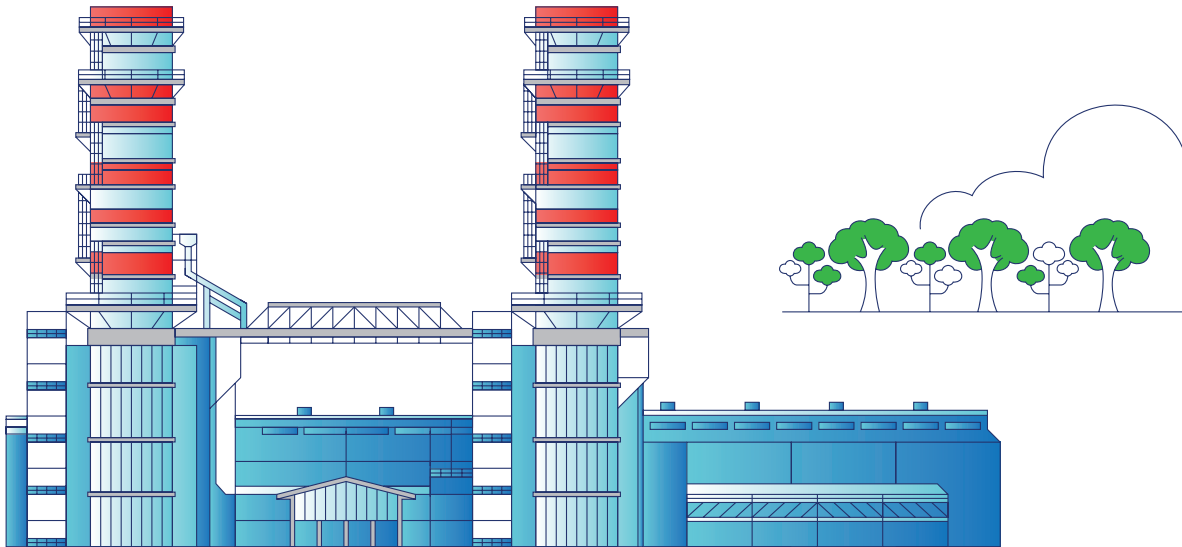
1.6. Hoạt động của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy vai trò thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc bảo vệ an toàn vốn của cổ đông, đặc biệt bảo vệ lợi ích của những cổ đông nhỏ và nhóm lợi ích khác liên quan tới Tổng công ty.

1.7. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty và đã được cấp chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Đơn vị đào tạo
1	Hoàng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT Tổng công ty	Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD)
2	Lê Như Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
3	Vũ Thị Tố Nga	Thành viên HĐQT	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
4	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên HĐQT	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
5	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT	Trung tâm Nghiên cứu Khoa học và Đào tạo Chứng khoán
6	Nguyễn Bá Phước	Thành viên độc lập HĐQT	Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam (VIOD)



2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

STT	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	CHỨC VỤ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT DO TỔNG CÔNG TY PHÁT HÀNH	TỶ LỆ CỔ PHẦN ĐẠI DIỆN VỐN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM TẠI PV POWER
1	Ông Phạm Minh Đức	Trưởng Ban Kiểm soát	0%	0%
2	Ông Vũ Quốc Hải(*)	Trưởng Ban Kiểm soát	0%	0%
3	Bà Lý Thị Thu Hương(**)	Kiểm soát viên	0,00024%	0%
4	Bà Vũ Thị Ngọc Dung	Kiểm soát viên	0,00022%	0%
5	Bà Hà Thị Minh Nguyệt	Kiểm soát viên	0%	0%
6	Bà Đoàn Thị Thu Hà	Kiểm soát viên	0%	0%
7	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Kiểm soát viên	0%	0%

* Tháng 04/2023, Ông Vũ Quốc Hải hết nhiệm kỳ Trưởng Ban Kiểm soát - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP, chuyển công tác

** Tháng 04/2023, Bà Lý Thị Thu Hương hết nhiệm kỳ Kiểm soát viên - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP, chuyển công tác



2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp	Ghi chú
1	Ông Phạm Minh Đức - Trưởng Ban Kiểm soát	07/07	100%	100%		Được bổ nhiệm từ ngày 25/04/2023
2	Bà Vũ Thị Ngọc Dung - Kiểm soát viên	10/10	100%	100%		
3	Bà Hà Thị Minh Nguyệt - Kiểm soát viên	10/10	100%	100%		
4	Bà Đoàn Thị Thu Hà - Kiểm soát viên	09/10	90%	100%	Nghỉ phép	
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm soát viên	05/07	71%	100%	Nghỉ phép	Được bổ nhiệm từ ngày 25/04/2023
6	Ông Vũ Quốc Hải - Trưởng Ban Kiểm soát	03/03	100%	100%		Hết nhiệm kỳ từ ngày 25/04/2023
7	Bà Lý Thị Thu Hương - Kiểm soát viên	03/03	100%	100%		Hết nhiệm kỳ từ ngày 25/04/2023

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông



Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, thu xếp vốn, công tác đấu thầu, công tác tái cấu trúc, cổ phần hóa, sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp, kiện toàn bộ máy tổ chức tại các đơn vị thành viên, sắp xếp bổ nhiệm, tái bổ nhiệm cán bộ, lao động tiền lương, thưởng tại các đơn vị thành viên và Tổng công ty, thông qua sửa đổi, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định, công văn liên quan đến mọi mặt hoạt động điều hành sản xuất tại Tổng công ty.



Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý theo quy định hoặc đột xuất để xử lý những đề xuất hoặc vướng mắc trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.



Tổng Giám đốc PV Power đã tổ chức các cuộc họp giao ban Tổng công ty định kỳ để chỉ đạo hoạt động của Tổng công ty, triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị. Ngoài ra, đã tổ chức các cuộc họp chuyên đề để xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành hoạt động của Tổng công ty.

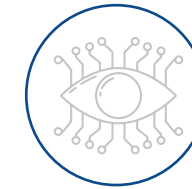


Công tác ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhìn chung phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty, phù hợp với các quy định phân cấp theo thẩm quyền. Chấp hành nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác



Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ hàng quý theo quy định, tham gia các cuộc họp đột xuất của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Tại các cuộc họp đã đóng góp ý kiến về nội dung, chất lượng, kết quả các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và những vấn đề được xin ý kiến. Đồng thời đã đưa ra các kiến nghị, giải pháp, đề xuất nhằm xử lý các tồn tại bất cập, đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



Chủ động thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát đã được phê duyệt, thông báo tới Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và đơn vị được kiểm soát biết nội dung chi tiết, thời gian và địa điểm kiểm soát để Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc biết và phối hợp với Ban Kiểm soát.



Kết thúc các hoạt động kiểm soát, Ban Kiểm soát đã tổng hợp đánh giá nhận xét, đề xuất kiến nghị trực tiếp về từng nội dung kiểm soát, từng đối tượng kiểm soát. Kịp thời thông tin những nội dung và kết quả kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc để cùng phối hợp xử lý nhằm vì mục tiêu phát triển chung của Tổng công ty.



Ban Kiểm soát tuyệt đối tuân thủ các quyết định, chỉ đạo của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành. Trong hoạt động kiểm soát và phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát luôn tôn trọng quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Không tham gia biểu quyết, quyết định những nội dung không thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát, hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật khi triển khai hoạt động của mình.



Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tạo đầy đủ các điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm soát theo kế hoạch đã đề ra. Tổ chức tiếp nhận thông tin, kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát ngay sau khi nhận được báo cáo kết quả kiểm soát. Triển khai chỉ đạo các đối tượng kiểm soát khắc phục và/hoặc chấn chỉnh theo những đề xuất kiến nghị mà Ban Kiểm soát đã nêu ra.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát



Ngoài việc hoạt động theo quy định của Pháp luật, quy chế quy định của Tổng công ty, các Kiểm soát viên tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên đề do Tổng công ty tổ chức nhằm tự nâng cao năng lực chuyên môn về các lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng. Tham gia các chương trình, khóa học đào tạo chuyên môn nghiệp vụ do Tổng công ty tổ chức và các sự kiện khác.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Tiền lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát thực hiện năm 2023:

Hội đồng Quản trị	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Hoàng Văn Quang	440.513.528	
Ông Hồ Công Kỳ	674.663.818	1.119.037.939
Ông Lê Như Linh	1.049.423.886	1.114.042.692
Bà Vũ Thị Tố Nga	880.957.068	930.493.886
Bà Nguyễn Hoàng Yến	973.065.350	1.031.494.054
Ông Nguyễn Anh Tuấn	898.182.371	966.298.494
Ông Vũ Chí Cường	857.995.222	1.091.758.399
Ông Nguyễn Bá Phước	323.580.218	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	901.107.066	967.843.188
Tổng cộng	5.950.064.641	6.106.925.960

Ban Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Lê Như Linh	1.049.423.886	1.114.042.692
Ông Nguyễn Duy Giang	935.816.439	1.007.302.359
Ông Nguyễn Mạnh Tường	1.017.921.861	927.064.410
Ông Nguyễn Minh Đạo	903.041.123	957.850.613
Ông Nguyễn Kiên	902.831.689	955.615.287
Ông Phan Ngọc Hiền	894.864.154	953.729.219
Ông Ngô Văn Chiến	823.025.053	901.634.301
Ông Trương Việt Phương	64.125.958	
Ông Chu Quang Toàn	921.126.126	949.581.389
Tổng cộng	7.512.176.289	7.766.820.270

Ban Kiểm soát	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Phạm Minh Đức	427.893.954	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	425.525.728	
Bà Đoàn Thị Thu Hà	729.435.272	846.985.076
Bà Vũ Thị Ngọc Dung	840.336.855	915.625.076
Bà Hà Thị Minh Nguyệt	875.085.754	952.147.394
Ông Vũ Quốc Hải	601.522.441	1.006.548.332
Bà Lý Thị Thu Hương	428.219.935	884.555.076
Tổng cộng	4.328.019.939	4.605.860.954

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Không có

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

PV Power luôn tuân thủ các quy định về quản trị Công ty, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Tổng công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị, điều hành của Ban Tổng Giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng, đội ngũ quản trị của Tổng công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Tính đến 31/12/2023, Hội đồng quản trị Tổng công ty gồm 08 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị, đáp ứng số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Tổng công ty.

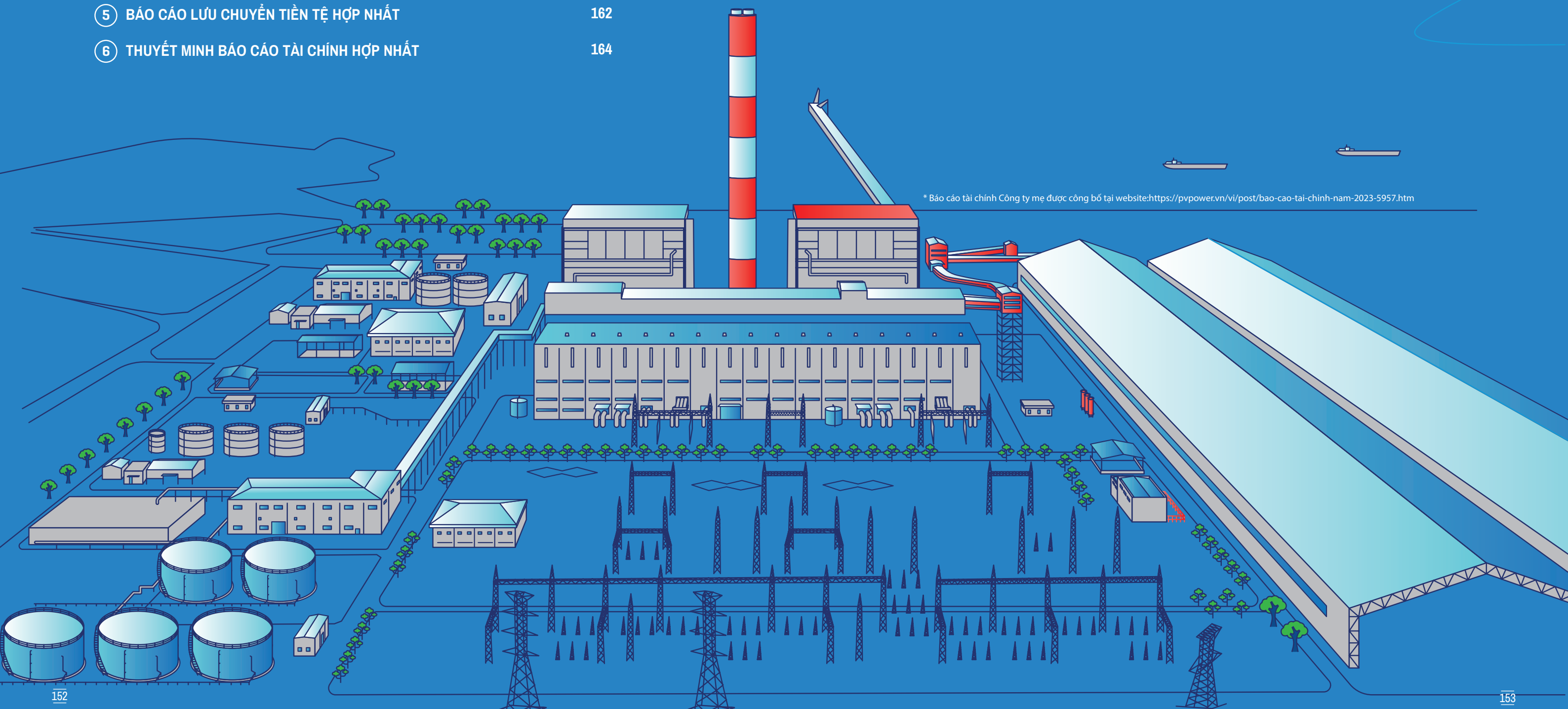


CHƯƠNG VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

① BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	154
② BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	156
③ BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	158
④ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	161
⑤ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	162
⑥ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	164

* Báo cáo tài chính Công ty mẹ được công bố tại website: <https://pvpower.vn/vi/post/bao-cao-tai-chinh-nam-2023-5957.htm>



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1.1. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong năm đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
Hội đồng Quản trị	
Ông HOÀNG VĂN QUANG	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2023)
Ông HỒ CÔNG KỲ	Chủ tịch (Hết nhiệm kỳ ngày 25 tháng 04 năm 2023)
Ông LÊ NHƯ LINH	Thành viên
Bà VŨ THỊ TỔNG	Thành viên
Bà NGUYỄN HOÀNG YẾN	Thành viên
Ông NGUYỄN ANH TUẤN	Thành viên
Bà NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Thành viên
Ông VŨ CHÍ CƯỜNG	Thành viên độc lập
Ông NGUYỄN BÁ PHƯỚC	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023)
Ban Tổng Giám đốc	
Ông LÊ NHƯ LINH	Tổng Giám đốc
Ông TRƯỞNG VIỆT PHƯƠNG	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2023)
Ông NGUYỄN DUY GIANG	Phó Tổng Giám đốc
Ông NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 10 năm 2023)
Ông NGUYỄN MINH ĐẠO	Phó Tổng Giám đốc
Ông NGUYỄN KIÊN	Phó Tổng Giám đốc
Ông NGÔ VĂN CHIẾN	Phó Tổng Giám đốc
Ông PHAN NGỌC HIỀN	Phó Tổng Giám đốc



1.2. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:



Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;



Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;



Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;



Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và



Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Như Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Số: 0644/VN1A-HN-BC

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Đức Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2023-001-1



Trương Thị Quyết
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3840-2024-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 3 năm 2024

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.041.954.766.360	24.925.080.975.647
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.439.697.613.959	8.251.731.998.519
1. Tiền	111		689.471.208.936	509.653.505.974
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.750.226.405.023	7.742.078.492.545
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.390.860.369.713	1.649.811.786.170
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.390.860.369.713	1.649.811.786.170
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.560.455.738.875	12.537.524.330.624
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.710.473.335.096	9.767.631.705.491
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.274.052.578.149	2.074.496.619.929
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.092.912.475.273	794.087.282.634
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(516.982.649.643)	(98.691.277.430)
IV. Hàng tồn kho	140	10	2.167.403.571.132	2.085.774.441.788
1. Hàng tồn kho	141		2.167.403.571.132	2.085.774.441.788
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.483.537.472.681	400.238.418.546
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	75.215.542.846	75.219.631.891
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.408.321.929.835	325.018.786.655

B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.320.135.548.249	31.918.163.879.143
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		442.027.000	402.027.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	442.027.000	402.027.000
II. Tài sản cố định	220		26.401.678.076.837	29.155.161.436.660
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	26.362.420.358.359	29.123.272.689.045
- Nguyên giá	222		69.803.122.582.501	69.759.416.566.918
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.440.702.224.142)	(40.636.143.877.873)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	39.257.718.478	31.888.747.615
- Nguyên giá	228		103.936.732.947	94.746.108.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64.679.014.469)	(62.857.361.112)

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.031.969.199.854	935.634.370.310
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	9.031.969.199.854	935.634.370.310
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		959.549.465.097	877.631.146.763
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	5	584.970.165.224	503.051.846.890
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	399.355.456.500	399.355.456.500
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(24.776.156.627)	(24.776.156.627)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.926.496.779.461	949.334.898.410
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4.223.720.717.432	262.053.646.682
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	15	76.335.415.657	-
3. Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263	16	626.440.646.372	687.281.251.728
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		70.362.090.314.609	56.843.244.854.790

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		36.242.661.143.689	23.561.794.352.453
I. Nợ ngắn hạn	310		26.785.158.579.904	18.325.681.327.490
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	15.947.202.467.143	7.346.398.731.673
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		900.883.584	3.785.333.991
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	171.480.883.664	250.217.043.700
4. Phải trả người lao động	314		286.804.533.596	221.869.370.563
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.361.848.076.612	1.931.211.006.270
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	36.818.183
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	2.688.405.796.712	2.653.067.850.408
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	5.506.591.086.310	5.635.216.330.148
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	717.886.349.870	205.455.087.777
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		104.038.502.413	78.423.754.777
II. Nợ dài hạn	330		9.457.502.563.785	5.236.113.024.963
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	548.807.593	477.101.718
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	7.172.278.203.632	3.381.845.397.268
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15	3.163.733.986	2.607.681.114
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	2.163.968.976.771	1.733.363.603.060
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		117.542.841.803	117.819.241.803

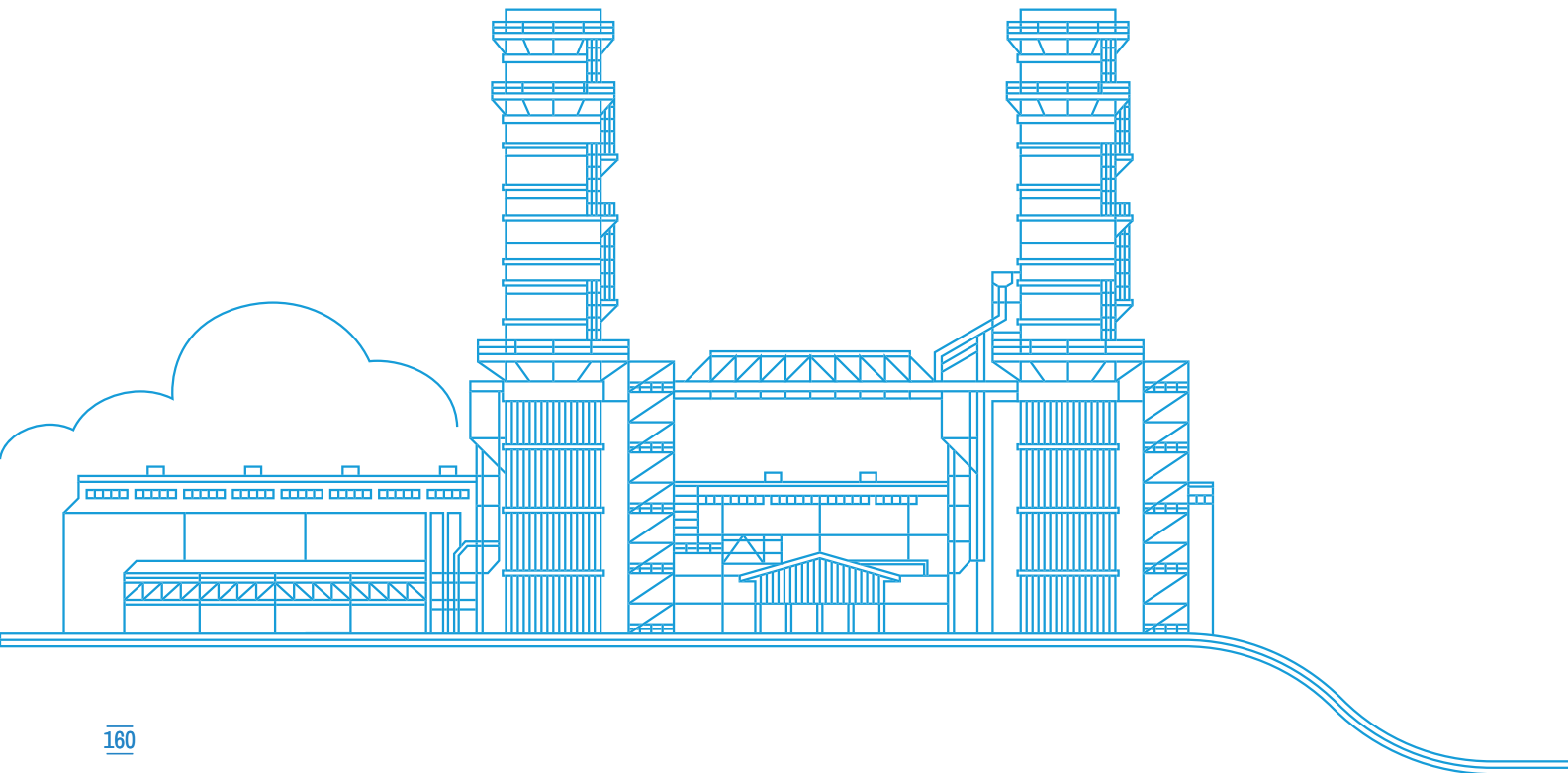
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.119.429.170.920	33.281.450.502.337
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	34.119.429.170.920	33.281.450.502.337
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.418.716.000.000	23.418.716.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.418.716.000.000	23.418.716.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(274.807.025)	(274.807.025)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		225.720.372.645	225.720.372.645
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(191.305.728.000)	(191.305.728.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.039.359.698.763	3.643.183.139.192
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.922.654.507.752	3.420.458.998.695
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.884.290.565.455	1.359.600.700.363
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.038.363.942.297	2.060.858.298.332
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		2.704.559.126.785	2.764.952.526.830
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		70.362.090.314.609	56.843.244.854.790

Quách Thị Hồng Liên
Người lập

Chu Quang Toàn
Kế toán trưởng

Lê Như Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2023



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	28.329.357.578.690	28.224.118.055.975
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		28.329.357.578.690	28.224.118.055.975
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	27	25.625.106.577.337	24.498.013.951.665
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.704.251.001.353	3.726.104.104.310
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	543.578.060.404	445.221.020.562
7. Chi phí tài chính	22	30	729.647.124.365	591.786.538.077
- trong đó: Chi phí lãi vay	23		564.748.639.578	437.526.336.797
8. Phần lãi trong công ty liên kết	24		40.125.091.093	53.221.920.714
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	1.268.124.055.600	867.603.382.318
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-26)	30		1.290.182.972.885	2.765.157.125.191
11. Thu nhập khác	31	32	162.091.186.750	67.138.158.695
12. Chi phí khác	32	32	10.206.125.321	23.061.110.546
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	32	151.885.061.429	44.077.048.149
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.442.068.034.314	2.809.234.173.340
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	234.905.255.681	240.765.852.700
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(75.779.362.785)	15.539.750.493
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	33	1.282.942.141.418	2.552.928.570.147
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.038.363.942.297	2.060.858.298.332
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		244.578.199.121	492.070.271.815
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	443	815

Quách Thị Hồng Liên
Người lập

Chu Quang Toàn
Kế toán trưởng

Lê Như Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.442.068.034.314	2.809.234.173.340
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.808.755.417.224	2.809.393.991.244
Các khoản dự phòng	03	1.361.328.008.017	(192.495.906.469)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(10.629.794.921)	36.370.258.283
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(677.768.954.037)	(443.826.593.401)
Chi phí lãi vay	06	564.748.639.578	437.526.336.797
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.488.501.350.175	5.456.202.259.794
Thay đổi các khoản phải thu	09	(3.490.895.796.955)	(4.779.132.258.875)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(20.788.523.988)	(145.522.234.864)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.224.780.469.427	1.399.054.910.828
Thay đổi chi phí trả trước	12	(3.961.662.981.705)	1.920.950.440.544
Tiền lãi vay đã trả	14	(522.534.500.400)	(441.185.336.920)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(219.902.057.214)	(85.856.641.570)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.980.000	913.862.926
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(145.379.967.985)	(169.036.498.659)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.352.120.971.355	3.156.388.503.204

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.312.368.226.884)	(2.601.389.455.204)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	124.902.823.533	1.872.213.682
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.071.237.790.416)	(1.661.161.357.200)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.330.189.206.873	542.567.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(30.000.000.000)	(21.850.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	4.718.680.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	473.105.817.414	361.408.783.641
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.485.408.169.480)	(3.373.834.135.081)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	81.900.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	13.107.063.893.530	8.027.461.182.658
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.503.032.107.523)	(7.583.104.003.982)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(365.053.044.540)	(198.870.914.499)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.320.878.741.467	245.486.264.177
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	187.591.543.342	28.040.632.300
Tiền và tương đương tiền đầu năm			
	60	8.251.731.998.519	8.223.693.034.528
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
	61	374.072.098	(1.668.309)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)			
	70	8.439.697.613.959	8.251.731.998.519



Quách Thị Hồng Liên
Người lập

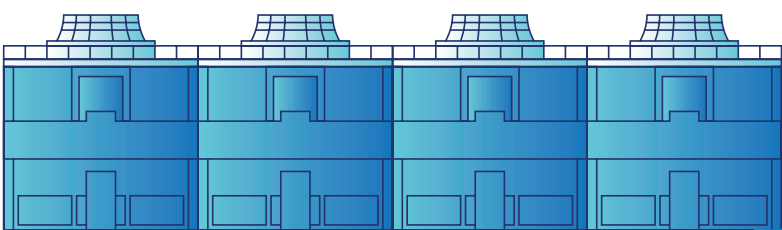
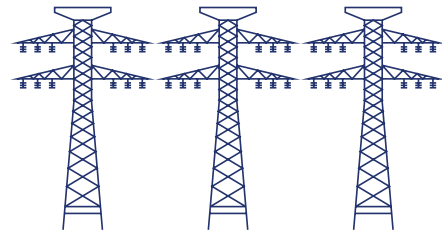


Chu Quang Toàn
Kế toán trưởng



Lê Như Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2023



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn



Thành lập công ty

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV – Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 1795/QĐ-DKVN ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Công ty mẹ của Tổng Công ty). Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 1468/QĐ-DKVN ngày 17 tháng 5 năm 2007 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0102276173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2007.



Chính thức giao dịch với mã chứng khoán là POW

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 12 năm 2018 và chính thức giao dịch từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 với mã chứng khoán là POW.



Chuyển hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 23.418.716.000.000 VND theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Tổng Công ty có Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (thay đổi lần thứ 15) ngày 01 tháng 2 năm 2021.



Công ty mẹ

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.



Tổng số nhân viên

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.065 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.071).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh hoạt động công ty

Sản xuất điện năng; Kinh doanh, bán điện công nghiệp, tiêu dùng; Quản lý, vận hành các nhà máy điện; Dịch vụ đào tạo các khóa học ngắn hạn, chuyên đề về một số lĩnh vực trong công nghiệp; Dịch vụ cung cấp lao động có tay nghề trong vận hành, bảo dưỡng các nhà máy điện, các cơ sở công nghiệp; Lắp đặt hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Cung cấp dịch vụ quản lý cho các dự án điện, dịch vụ tư vấn cho các công trình điện; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Xây dựng các nhà máy điện, các công trình trong ngành điện; Xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng điện năng, lưới điện trung thế, hạ thế; Đầu tư xây dựng các dự án điện độc lập; Xây dựng, phát triển, quản lý thực hiện các dự án CDM điện năng sạch; Dịch vụ mua sắm các hệ thống điện tại các công trình xây dựng; Buôn bán thiết bị vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin; Cung cấp giải pháp giảm phát khí nhà kính được chứng nhận (CERs) của các dự án điện năng; Nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ công nghệ mới vào việc đầu tư phát triển các dự án điện, sử dụng năng lượng như: Điện sức gió, điện mặt trời, điện nguyên tử; Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật, vận hành, đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng phục vụ sản xuất kinh doanh điện; Cho thuê phương tiện vận tải, cầu, kéo; Kinh doanh các sản phẩm tro, xỉ, phế liệu; Xuất nhập khẩu năng lượng, nguyên vật liệu, thiết bị, vật tư, phụ tùng cho sản xuất, kinh doanh điện; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty kinh doanh.

Dự án đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có các dự án đầu tư nhà máy điện đã phát điện thương mại là Nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 tỉnh Cà Mau, Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhơn Trạch 2 tỉnh Đồng Nai, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 tỉnh Hà Tĩnh, Nhà máy Thủy điện Hòa Na tỉnh Nghệ An và Nhà máy Thủy điện Đakdrinh tỉnh Quảng Ngãi. Tổng Công ty có các dự án đầu tư nhà máy điện đang trong quá trình xây dựng cơ bản.



Nhà máy điện Cà Mau 1 (Cà Mau)



Nhà máy điện Cà Mau 2 (Cà Mau)



Nhà máy điện Vũng Áng 1 (Hà Tĩnh)



Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 (Đồng Nai)



Nhà máy Thủy điện Đakdrinh (Quảng Ngãi)



Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (Đồng Nai)



Nhà máy Thủy điện Hòa Na (Nghệ An)

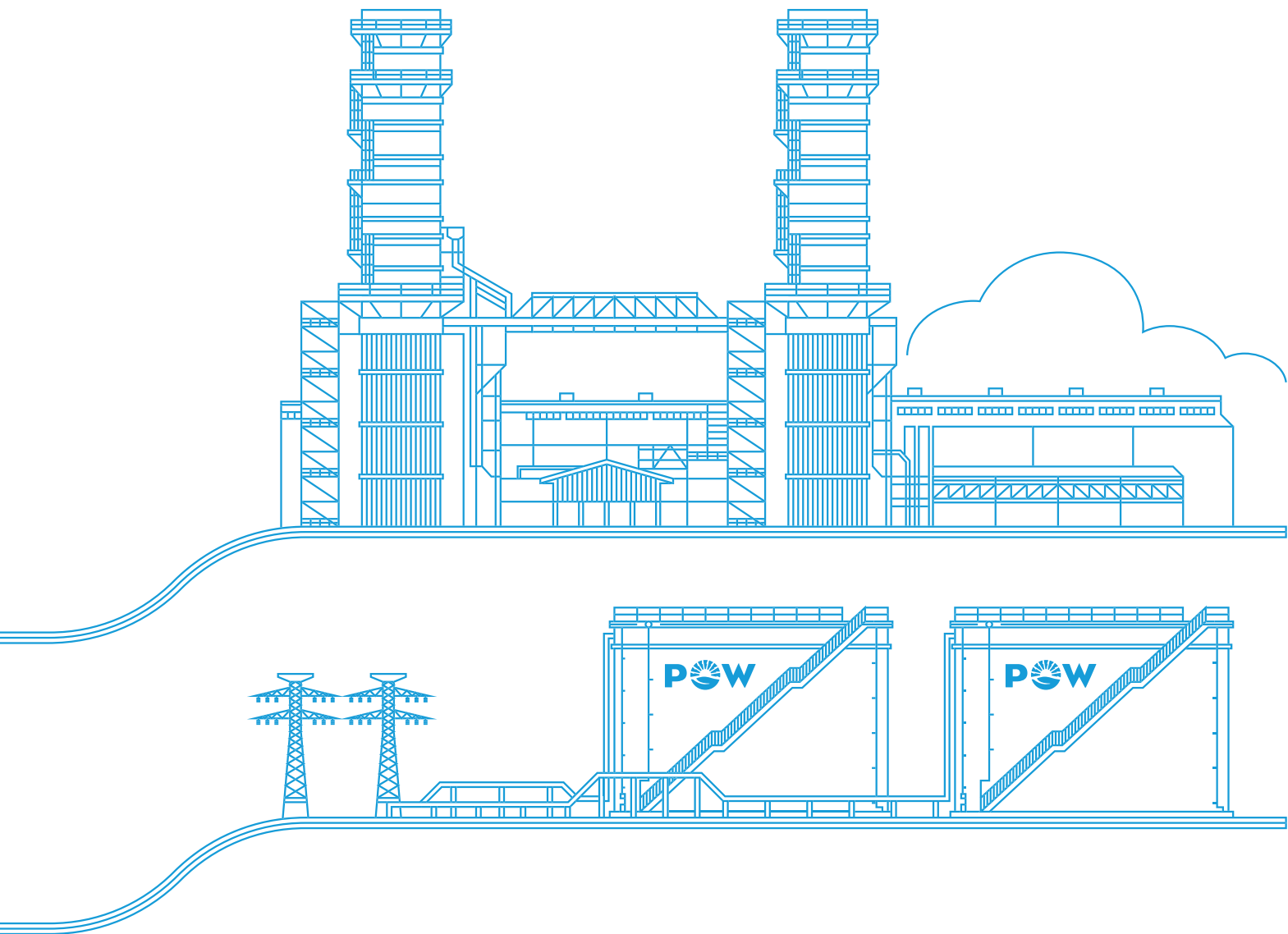
Chu kì sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Cổ phần - Công ty cung ứng Nhiên liệu Điện lực Dầu khí;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Ban chuẩn bị đầu tư các dự án điện khí;
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật.



Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

TÊN CÔNG TY	NƠI THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ PHẦN SỞ HỮU %	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT NĂM GIỮ %	HOẠT ĐỘNG CHÍNH
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh	Quảng Ngãi	95,27%	95,27%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na	Nghệ An	80,72%	80,72%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	Đồng Nai	59,37%	59,37%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	51,00%	51,00%	Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy điện
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí	Hà Nội	46,01%	51,00%	Sản xuất điện
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Sơn La	20,16%	20,16%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	Yên Bái	44,07%	44,07%	Sản xuất điện
Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh	Quảng Ninh	30,00%	30,00%	Sản xuất điện

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán cổ phần hóa

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

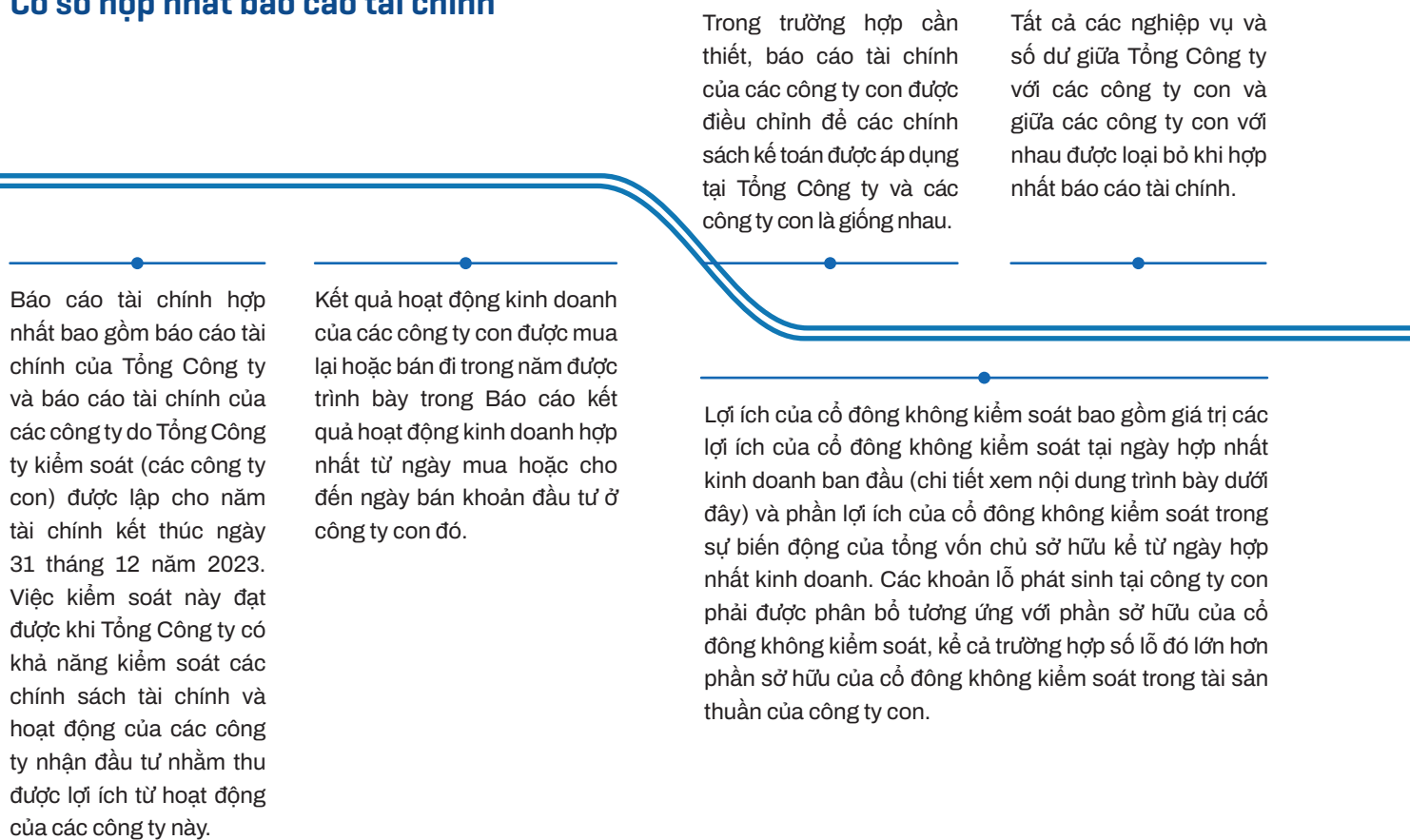
3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính



Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, hoặc công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải	5 – 15
Thiết bị văn phòng	3 – 7
Tài sản cố định hữu hình khác	3 – 12

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm đến 8 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự, hoặc các khoản nợ phải thu được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khó có khả năng thu hồi.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, ngoại trừ nguyên vật liệu là than và dầu dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kì. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm khoản trả trước tiền bảo hiểm tài sản và vận hành các nhà máy điện, chi phí sửa chữa tài sản, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, chi phí nhiên liệu khí trả trước theo Hợp đồng mua bán khí cho các nhà máy điện, chi phí đại tu Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền bảo hiểm tài sản và vận hành các nhà máy điện được ghi nhận khi phát sinh theo hợp đồng bảo hiểm và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành các nhà máy điện trả trước theo hợp đồng mua bán khí được tính dựa vào phần chênh lệch giữa chi phí mua khí theo cam kết lượng khí nhận tối thiểu và chi phí mua khí thực tế dưới mức cam kết. Chi phí này sẽ được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với lượng khí nhận trong tương lai theo thời hạn quy định trên hợp đồng.

Khoản chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng sửa chữa, bảo dưỡng dài hạn đã ký kết.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng, tiền thuê đất được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tương ứng với thời hạn thuê trả trước.

Các khoản chi phí trả trước khác là các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí trích trước khác chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản khác là các chi phí khác đã phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng phải trả về chi phí sửa chữa lớn các nhà máy điện của Tổng Công ty được ghi nhận trong năm dựa theo dự toán/khái toán đã lập hoặc hợp đồng sửa chữa lớn dài hạn đã ký với nhà thầu, phù hợp với thực tế hoạt động và chu kỳ sửa chữa lớn của từng nhà máy điện.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Đối với Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hết 70% trong vòng 5 năm kể từ khi trích lập quỹ, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên số tiền quỹ còn lại và phần lãi trả chậm phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, dựa trên tình hình sử dụng quỹ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trích lập thêm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia.

Doanh thu bán điện phát sinh từ chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá tại thời điểm trả nợ gốc vay của khoản vay để đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy Thủy điện Đakdrin và tỷ giá trong phương án giá điện của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Nhà máy thủy điện Đakdrin được ghi nhận khi có phê duyệt của Bộ Công thương và các biên bản đàm phán liên quan đến chênh lệch tỷ giá nói trên.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Đối với dự án Nhà máy Nhiệt Điện Vũng Áng 1, theo Giấy Chứng nhận ưu đãi đầu tư số 01/KKT ngày 12 tháng 02 năm 2008 (ban hành cùng Giấy Chứng nhận đầu tư số 28221000009 ngày 12 tháng 02 năm 2008) do Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh cấp, thuế thu nhập doanh nghiệp của dự án này được hưởng mức 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, được miễn trong thời gian 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án. Năm 2023 là năm thứ ba Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp trên mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%.

Đối với Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 – Công ty con của Tổng Công ty) có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và thuế suất hiện hành cho những năm tiếp theo. NT2 được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo. Năm 2023 là năm thứ chín NT2 áp dụng giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

Dự án đầu tư Nhà máy thủy điện Hòa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ. Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (HHC - Công ty con của Tổng Công ty) được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động, được miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên HHC có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Thuế

Đối với Nhà máy Thủy điện Đakdrinh, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 34121000029 ngày 25 tháng 6 năm 2008, Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh (Công ty con của Tổng Công ty) được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (nay được thay thế bởi Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013).

Các công ty con và các nhà máy khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

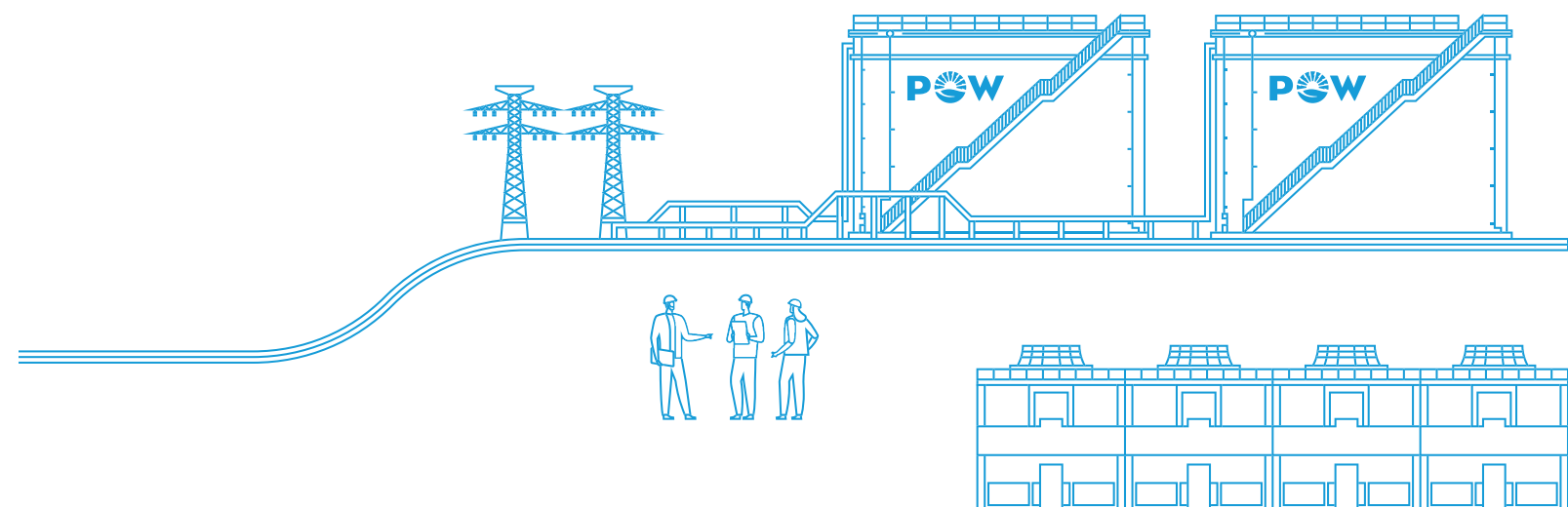
Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.894.126.182	2.289.590.443
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	687.577.082.754	507.363.915.531
Các khoản tương đương tiền (ii)	7.750.226.405.023	7.742.078.492.545
	8.439.697.613.959	8.251.731.998.519

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty bao gồm 1.184.867.070 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3.390.571.517 VND) là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.
- (ii) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất từ 1,9%/năm đến 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 3,3%/năm đến 6%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	2.390.860.369.713	2.390.860.369.713	1.649.811.786.170	1.649.811.786.170
	2.390.860.369.713	2.390.860.369.713	1.649.811.786.170	1.649.811.786.170

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 4,5%/năm đến 9,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 3,5%/năm - 8,7%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm 29.917.790.416 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 29.427.000.000 VND) là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang bị hạn chế sử dụng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của Ngân hàng Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số dư là 49.424.839.297 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 239.904.066.512 VND) đang được dùng để bảo lãnh cho các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (Công ty con của Tổng Công ty).

b. Đầu tư vào công ty liên kết

Giá trị đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

Tên công ty liên kết	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	495.037.908.164	446.717.604.886
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	60.769.603.123	56.334.242.004
Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh	29.162.653.937	-
	584.970.165.224	503.051.846.890

Chi tiết điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Giá gốc VND	Điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	302.295.301.000	192.742.607.164	495.037.908.164
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	32.887.500.000	27.882.103.123	60.769.603.123
Công ty Cổ phần Điện khí LNG Quảng Ninh	30.000.000.000	(837.346.063)	29.162.653.937
	365.182.801.000	219.787.364.224	584.970.165.224

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (ii)	317.549.656.500		-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 (ii)	29.341.800.000		6.313.919.564
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (i)	28.222.000.000	69.990.560.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (ii)	18.202.000.000		18.202.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (ii)	5.040.000.000		-
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí (ii)	1.000.000.000		260.237.063
	399.355.456.500		24.776.156.627

	Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (ii)	317.549.656.500		-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 (ii)	29.341.800.000		6.313.919.564
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (i)	28.222.000.000	56.444.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (ii)	18.202.000.000		18.202.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (ii)	5.040.000.000		-
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí (ii)	1.000.000.000		260.237.063
	399.355.456.500		24.776.156.627

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn UPCOM tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- (ii) Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

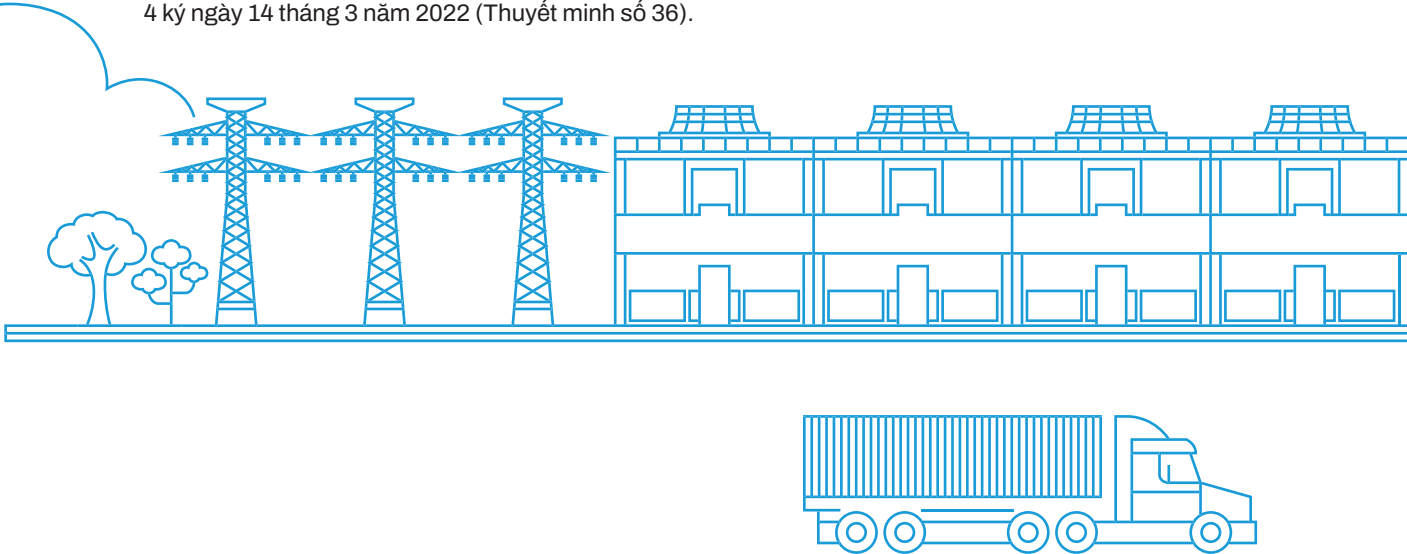
6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	12.645.962.049.315	9.708.646.603.430
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	12.612.168.356.012	9.689.592.055.168
Các khách hàng khác	33.793.693.303	19.054.548.262
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan	64.511.285.781	58.985.102.061
(Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	64.511.285.781	58.985.102.061
	12.710.473.335.096	9.767.631.705.491

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.274.022.578.149	2.073.536.619.929
Tập đoàn Samsung C&T (i)	678.811.288.850	1.170.950.866.389
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (i)	402.521.777.851	740.002.642.850
Các đối tượng khác	192.689.511.448	162.583.110.690
b. Trả trước cho các bên liên quan	30.000.000	960.000.000
(Chi tiết tại Thuyết minh số 37)		
	1.274.052.578.149	2.074.496.619.929

- (i) Phân ánh khoản tạm ứng của Tổng Công ty cho Tập đoàn Samsung C&T và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP theo Hợp đồng thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu (EPC) Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 ký ngày 14 tháng 3 năm 2022 (Thuyết minh số 36).



8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu liên quan đến các chi phí sửa chữa Tổ máy số 1 Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (i)	690.292.817.922	396.548.218.292
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (ii)	218.489.976.676	218.489.976.676
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	108.174.402.912	68.578.748.183
Tiền thiệt hại trong việc hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	24.329.767.545	-
Phải thu Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch (iii)	20.217.829.253	20.217.829.253
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.271.867.947	30.569.854.340
Phải thu ngắn hạn khác	30.135.813.018	59.682.655.890
	1.092.912.475.273	794.087.282.634
Trong đó:		
Phải thu khác ngắn hạn các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 37)	247.708.780.456	244.500.702.972
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	442.027.000	402.027.000
	442.027.000	402.027.000

- (i) Tháng 9 năm 2021, Tổ máy số 1 thuộc Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 của Tổng Công ty gặp sự cố kỹ thuật và phải tạm dừng hoạt động để phục vụ sửa chữa. Số dư phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến sửa chữa Tổ máy số 1 thuộc nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam và các bên liên quan để xác định số tiền bồi thường liên quan đến các chi phí sửa chữa này.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền là 218.489.976.676 VND phản ánh khoản phải thu phần giá trị Sân phân phối 500 kV phân bổ cho Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 đã bàn giao về Tập đoàn theo Nghị quyết số 8642/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận nhận lại giá trị tài sản Sân phân phối 500kV mà Trung tâm Điện lực Vũng Áng đã chuyển giao cho Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (nay là “Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty cổ phần”) tại Nghị quyết số 753/NQ-DKVN ngày 05 tháng 02 năm 2016 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- (iii) Phải thu Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 20.217.829.253 VND chủ yếu phản ánh khoản phải thu chi phí hoạt động của Ban Chuẩn bị Sản xuất Vũng Áng 1 và chi phí đào tạo học viên Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.

9. NỢ XẤU

Số cuối năm			
Giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi được VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EPTC-EVN”)	652.464.320.898	481.379.293.897	171.085.027.001
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	19.494.009.530	19.494.009.530	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	7.860.374.881	7.860.374.881	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	7.045.317.471	6.646.026.471	399.291.000
Các đối tượng khác	1.602.944.864	1.602.944.864	-
	688.466.967.644	516.982.649.643	171.484.318.001

Số đầu năm			
Giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi được VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EPTC-EVN”)	114.098.198.496	62.688.630.684	51.409.567.812
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	19.494.009.530	19.494.009.530	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	7.860.374.881	7.860.374.881	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	7.045.317.471	7.045.317.471	-
Các đối tượng khác	1.602.944.864	1.602.944.864	-
	150.100.845.242	98.691.277.430	51.409.567.812

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

10. HÀNG TỒN KHO

Số cuối năm		Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.140.051.387.768	-	2.020.559.068.016	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	26.017.241.988	-	63.780.019.532	-
Công cụ, dụng cụ	1.334.941.376	-	1.435.354.240	-
	2.167.403.571.132	-	2.085.774.441.788	-

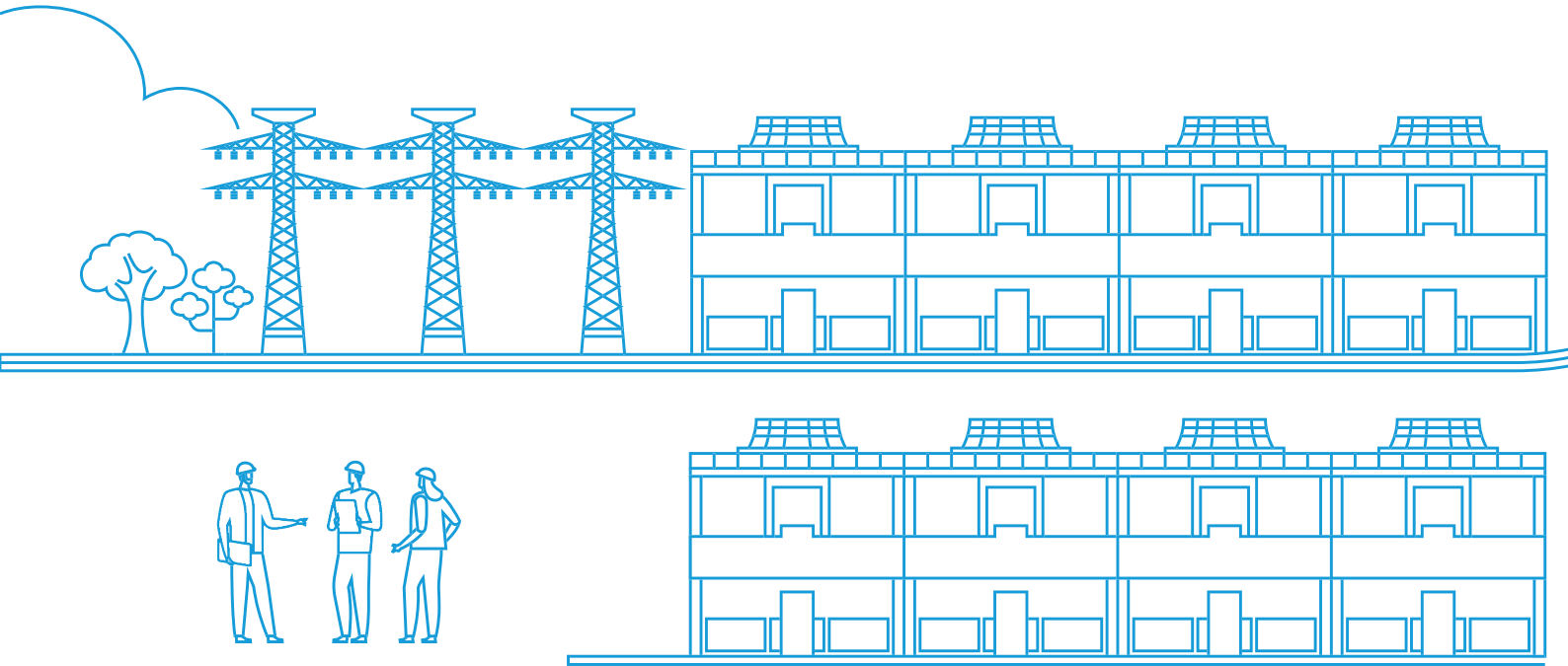
11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Bảo hiểm tài sản và vận hành Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	37.054.192.777	36.013.427.212
Bảo hiểm vận hành các Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và 2	13.747.910.593	13.710.673.802
Bảo hiểm vận hành các Nhà máy điện Cà Mau 1 và 2	16.013.744.895	12.800.081.719
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.399.694.581	12.695.449.158
	75.215.542.846	75.219.631.891
b. Dài hạn		
Chi phí nhiên liệu khí của Nhà máy điện Cà Mau 1&2 (i)	2.463.269.801.373	-
Chi phí nhiên liệu khí của Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (ii)	1.039.511.914.882	-
Chi phí đại tu nhà máy điện tại 100.000 EOH Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chờ phân bổ (iii)	369.372.939.389	-
Phí thanh toán lần đầu Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính giai đoạn 100.000 EOH tiếp theo (iv)	141.655.867.430	-
Chi phí sửa chữa tài sản khác	139.662.031.102	63.198.753.313
Tiền thuê đất	34.309.772.836	36.598.794.651
Chi phí thuê văn phòng	21.608.309.349	22.236.153.693
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 (v)	3.705.667.812	4.058.588.556
Chi phí trung tu Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 chờ phân bổ	-	47.136.041.221
Chi phí khoản vay trả trước	-	52.026.425.643
Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2	-	26.667.583.901
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.624.413.259	10.131.305.704
	4.223.720.717.432	262.053.646.682

- (i) Khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành nhà máy điện Cà Mau 1&2 trả trước theo nghĩa vụ mua và thanh toán Lượng khí nhận tối thiểu (“LKNTT”) được quy định tại Hợp đồng mua bán khí số 5164/HĐ-DKVN ký ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”). Trong năm hợp đồng 2021, sản lượng điện phát của Công ty không đủ để đảm bảo nghĩa vụ nhận LKNTT theo quy định tại Hợp đồng mua bán khí, Công ty vẫn có nghĩa vụ phải trả cho PVN số tiền tương ứng với lượng khí bằng LKNTT trừ đi lượng khí thực tế tiêu thụ trong năm (“lượng khí trả trước”). Công ty sẽ có quyền nhận từ PVN một lượng khí tương đương lượng khí trả trước trong vòng năm (05) năm kể từ năm 2021 mà không phải chịu bất kỳ một chi phí nào khác. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá và tin tưởng rằng sẽ sử dụng được toàn bộ lượng khí trả trước nói trên trong tương lai để tham gia vào quá trình sản xuất điện của Tổng Công ty trong các năm tới.

- (ii) Khoản chi phí nhiên liệu khí vận hành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trả trước theo nghĩa vụ bao tiêu nhiên liệu khí được quy định tại Hợp đồng mua bán khí số 44/2010/PVGas/KHTH-PVPOWER NT2/B4 ngày 06 tháng 4 năm 2010 giữa Tổng Công ty và PVGas. Trong năm 2023, sản lượng điện phát của Công ty không đủ để đảm bảo nghĩa vụ bao tiêu nhiên liệu khí theo quy định tại Hợp đồng mua bán khí, Công ty vẫn có nghĩa vụ phải trả cho PVGas số tiền tương ứng với lượng khí bằng lượng khí bao tiêu trừ đi lượng khí thực tế tiêu thụ trong năm (“lượng khí trả trước”). Công ty sẽ có quyền nhận từ PVGas một lượng khí tương đương lượng khí trả trước trong vòng bốn (04) năm kể từ năm 2024 mà không phải chịu bất kỳ một chi phí nào khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng sẽ sử dụng được toàn bộ lượng khí trả trước nói trên trong tương lai để tham gia vào quá trình sản xuất điện của Công ty trong vòng 04 năm tới.
- (iii) Chi phí đại tu Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 tại 100.000 giờ vận hành EOH phát sinh khi nhà máy đạt đến 100.000 giờ vận hành EOH và Tổng Công ty phải thực hiện việc đại tu định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Theo đó, chi phí đại tu này được ghi nhận và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng 33.333 giờ vận hành EOH cho mỗi tổ máy tiếp theo.
- (iv) Phí thanh toán lần đầu theo Hợp đồng bảo trì, sửa chữa dài hạn thiết bị chính Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 giai đoạn 100.000 giờ vận hành EOH tiếp theo cho mỗi tổ máy giữa Tổng Công ty và liên danh Siemens Energy Global GmbH & Co. KG/ Siemes Energy Limited Company ký ngày 28 tháng 7 năm 2023. Theo đó, phí thanh toán lần đầu được ghi nhận và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong vòng 100.000 giờ vận hành EOH cho mỗi tổ máy tiếp theo.
- (v) Chi phí thuê đất đã được Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty) trả trước thông qua việc đền bù giải phóng mặt bằng tương ứng với phần diện tích đất thuê tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với diện tích 129.188 m2 cho giai đoạn từ ngày 27 tháng 6 năm 2009 đến ngày 09 tháng 10 năm 2014 và với diện tích 294.724,8 m2 cho giai đoạn từ ngày 27 tháng 6 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2034. Chi phí này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê đất.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH



	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị vận phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	18.212.620.397.056	48.855.211.153.486	320.725.283.179	234.095.038.363	2.136.764.694.834	69.759.416.566.918
Tăng trong năm	346.912.311	6.053.545.917	12.824.966.721	3.906.164.966	220.000.000	23.351.589.915
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	20.775.166.227	26.303.051.496	-	1.463.202.238	-	48.541.419.961
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.043.756.182)	(1.079.970.857)	(1.717.190.585)	-	(3.840.917.624)
Phân loại lại	(826.863.976)	826.863.976	-	-	-	-
Tăng/(Giảm) khác	(24.329.767.545)	(16.309.124)	-	-	-	(24.346.076.669)
Số dư cuối năm	18.208.585.844.073	48.887.334.549.569	332.470.279.043	237.747.214.982	2.136.984.694.834	69.803.122.582.501
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	7.765.600.367.236	31.815.387.474.012	263.263.635.872	168.302.578.141	623.589.822.612	40.636.143.877.873
Trích khấu hao vào chi phí trong năm	797.802.364.259	1.886.424.531.085	13.833.853.632	19.031.403.681	89.691.503.589	2.806.783.656.246
Trích khấu hao vào xây dựng cơ bản dở dang trong năm	-	-	731.499.686	477.013.293	-	1.208.512.979
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.043.756.182)	(1.079.970.857)	(1.717.190.585)	-	(3.840.917.624)
Tăng khác	397.894.664	-	-	9.200.004	-	407.094.668
Số dư cuối năm	8.563.800.626.159	33.700.768.248.915	276.749.018.333	186.103.004.534	713.281.326.201	43.440.702.224.142
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	10.447.020.029.820	17.039.823.679.474	57.461.647.307	65.792.460.222	1.513.174.872.222	29.123.272.689.045
Tại ngày cuối năm	9.644.785.217.914	15.186.566.300.654	55.721.260.710	51.644.210.448	1.423.703.368.633	26.362.420.358.359

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.858.480.003.582 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 15.812.814.353.110 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các tài sản cố định hữu hình của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với giá trị còn lại là 16.825.347.935.269 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 18.181.366.920.439 VND) đã được thế chấp cho Bộ Tài chính để nhận được bảo lãnh của Chính phủ liên quan đến việc đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các tài sản cố định hữu hình khác với giá trị còn lại là 7.045.473.611.423 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6.680.202.377.311 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	31.410.888.593	62.035.723.770	1.299.496.364	94.746.108.727
Tăng trong năm	-	9.618.080.720	-	9.618.080.720
Thanh lý hoặc nhượng bán	-	(427.456.500)	-	(427.456.500)
Phân loại lại	-	1.194.996.364	(1.194.996.364)	-
Số dư cuối năm	31.410.888.593	72.421.344.354	104.500.000	103.936.732.947
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	1.938.161.245	60.382.506.661	536.693.206	62.857.361.112
Trích khấu hao vào chi phí trong năm	276.017.710	1.671.693.953	24.049.315	1.971.760.978
Trích khấu hao vào xây dựng cơ bản dở dang trong năm	-	277.348.879	-	277.348.879
Thanh lý, nhượng bán	-	(427.456.500)	-	(427.456.500)
Tăng khác	-	456.242.521	(456.242.521)	-
Số dư cuối năm	2.214.178.955	62.360.335.514	104.500.000	64.679.014.469
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	29.472.727.348	1.653.217.109	762.803.158	31.888.747.615
Tại ngày cuối năm	29.196.709.638	10.061.008.840	-	39.257.718.478

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 57.812.088.237 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 57.562.088.237 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 2.440.299.072 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	935.634.370.310	405.420.688.181
Phát sinh trong năm	8.540.494.731.797	889.337.153.839
Kết chuyển sang tài sản cố định	(48.541.419.961)	(7.128.944.713)
Ghi nhận vào chi phí trả trước hoặc chi phí	(251.341.965.881)	(320.770.489.430)
Giảm khác	(144.276.516.411)	(31.224.037.567)
Số cuối năm	9.031.969.199.854	935.634.370.310

Chi thiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dự án Nhà máy Điện khí Nhơn Trạch 3, 4 (i)	8.096.116.923.950	729.548.399.153
Trụ sở làm việc của PV Power (ii)	494.224.797.136	375.807.541
Đại tu Cà Mau 2	356.919.107.178	-
Dự án Thủy điện Luang Prabang (iii)	-	131.564.171.361
Dự án Tiểu khu 2 Nhơn Trạch	25.703.457.197	25.703.457.197
Nhà máy Thủy điện Hòa Na	31.185.630.977	23.830.644.867
Các dự án khác	27.819.283.416	24.611.890.191
	9.031.969.199.854	935.634.370.310

- (i) Phản ánh chi phí đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 như trình bày tại Thuyết minh số 36.
- (ii) Phản ánh chi phí đầu tư trụ sở làm việc của PV Power theo Hợp đồng số 92/2022/HĐ/PVP-DLC-AN về mua bán Công trình Xây dựng - Tòa nhà văn phòng DLC tại Lô C, ô đất 1.14 - HH, tuyến phố Láng Hạ - Thanh Xuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Tổng giá trị hợp đồng là 726 tỷ VND (đã bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tất cả các khoản thuế, phí, và lệ phí). Thời gian bàn giao tòa nhà không muộn hơn ngày 17 tháng 5 năm 2024. Toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu và lợi ích của Tổng Công ty phát sinh từ hợp đồng này được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (xem Thuyết minh số 21).
- (ii) Trong năm 2023, Tổng Công ty đã làm việc với Công ty TNHH PT Sole (PTS) và đã xuất hóa đơn cho Công ty TNHH Luang Prabang Power để thu hồi chi phí của Tổng Công ty đã thực hiện tại Dự án thủy điện Luang Prabang.

Trong năm, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 81.249.254.912 VND (năm 2022: 0 VND).

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND		Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	76.335.415.657	-	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.163.733.986	2.607.681.114
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	76.335.415.657	-	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	3.163.733.986	2.607.681.114

16. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư dự phòng sửa chữa theo yêu cầu kỹ thuật tại Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 1, Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Nhà máy Thủy điện Hòa Na.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.545.303.041.514	2.545.303.041.514	1.445.209.410.447	1.445.209.410.447
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	728.485.049.095	728.485.049.095	303.435.720.000	303.435.720.000
Tập đoàn Samsung C&T	729.131.176.221	729.131.176.221	-	-
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	262.131.657.272	262.131.657.272	207.651.863.834	207.651.863.834
Siemens Energy Global GmbH & Co. KG	184.739.861.336	184.739.861.336	13.246.076.994	13.246.076.994
Công ty General Electric Global Parts and Product GMBH	-	-	173.331.020.846	173.331.020.846
Công ty Cổ phần Khoáng sản Đan Ka	-	-	85.301.097.331	85.301.097.331
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	94.619.629.221	94.619.629.221	60.727.069.373	60.727.069.373
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam PVI	15.442.236.395	15.442.236.395	15.437.206.988	15.437.206.988
Các nhà cung cấp khác	530.753.431.974	530.753.431.974	586.079.355.081	586.079.355.081
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (chỉ tiết tại Thuyết minh số 37)	13.401.899.425.629	13.401.899.425.629	5.901.189.321.226	5.901.189.321.226
	15.947.202.467.143	15.947.202.467.143	7.346.398.731.673	7.346.398.731.673

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp /bù trừ trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	137.380.053.080	742.775.306.493	837.956.057.193	42.199.302.380
Thuế thu nhập doanh nghiệp	82.987.449.577	234.905.255.681	219.902.057.214	97.990.648.044
Thuế tài nguyên	15.539.736.342	170.798.798.818	173.321.809.374	13.016.725.786
Thuế thu nhập cá nhân	6.713.560.106	62.351.772.093	61.425.185.402	7.640.146.797
Thuế xuất nhập khẩu	-	22.261.624.690	22.261.624.690	-
Các khoản thuế, phí khác	7.596.244.595	163.401.284.560	160.363.468.498	10.634.060.657
	250.217.043.700	1.396.494.042.335	1.475.230.202.371	171.480.883.664

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí tiền khí (i)	1.004.114.947.821	1.694.401.336.516
Chi phí bảo trì (ii)	145.121.600.891	77.606.759.832
Chi phí lãi vay	160.943.364.390	70.948.547.128
Chi phí điện, nước, sửa chữa	13.451.917.435	61.393.308.509
Chi phí bảo hiểm vận hành nhà máy	7.045.007.000	6.867.549.398
Chi phí bảo vệ môi trường với nước thải công nghiệp và phí dịch vụ môi trường rừng	3.566.274.586	4.095.037.212
Thuế, phí cho các khoản vay	2.838.648.688	786.483.808
Chi phí phải trả khác	24.766.315.801	15.111.983.867
	1.361.848.076.612	1.931.211.006.270

- (i)

Chi phí tiền khí phải trả theo các hợp đồng mua khí cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 nhưng chưa nhận được hóa đơn.
- (ii)

Chi phí bảo trì nhà máy được trích theo Hợp đồng sửa chữa dài hạn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 theo Thỏa thuận chuyển giao “Novation Agreement” ký ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty), Siemens AG, Siemens Limited và Siemens Energy Ltd về công tác bảo trì, sửa chữa Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 trong giai đoạn 100.000 giờ EOH cho mỗi tổ máy.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	2.292.900.339.410	2.242.590.619.141
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (ii)	279.976.956.066	279.976.956.066
Thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, thuế và lệ phí bảo vệ môi trường rừng	5.057.397.009	17.740.098.787
Phải trả cổ tức cho cổ đông	12.043.260.146	9.405.757.186
Phải trả về cổ phần hóa	7.354.964.525	7.354.964.525
Phải trả ngắn hạn khác	91.072.879.556	95.999.454.703
	2.688.405.796.712	2.653.067.850.408
Trong đó: Phải trả khác các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 37)	2.292.900.339.410	2.242.590.619.141
b. Dài hạn		
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	548.807.593	477.101.718
	548.807.593	477.101.718

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm:
- Lợi nhuận của 6 tháng đầu năm 2018 phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền là 1.214.416.466.738 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.214.416.466.738 VND).
 - Lợi nhuận sau thuế có nguồn gốc từ khoản chênh lệch tỷ giá của hợp đồng mua bán điện Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 năm 2016 và 2017 trong giai đoạn Tổng Công ty chưa chính thức chuyển sang công ty cổ phần (do Công ty mẹ - Tập đoàn dầu khí Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ) phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền là 1.028.174.152.403 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.028.174.152.403 VND), theo hướng dẫn của Công văn số 13683/BTC-TCDN ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính.
 - Số tiền thu hồi được từ thanh lý tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Tổng Công ty sau khi trừ đi các khoản chi phí thanh lý phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là 50.309.720.269 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND).
- (i) Theo Thư chấp nhận tạm ứng bồi thường và chuyển quyền khiếu nại số 1492/ĐLDK-TM-PC ngày 12 tháng 9 năm 2022, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam ("PVI") đồng ý tạm ứng cho Tổng Công ty số tiền là 15 triệu USD (chứa bao gồm thuế giá trị gia tăng) cho các tổn thất về gián đoạn kinh doanh và tổn thất vật chất cho sự cố Tổ máy số 1 thuộc Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, PVI đã thanh toán cho Tổng Công ty số tiền là khoảng 11,7 triệu USD, tương ứng với 279.976.956.066 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVI đang làm việc với Tổng Công ty, Công ty tái bảo hiểm, Công ty Giám định độc lập và các bên liên quan để xác định phạm vi và số tiền bảo hiểm (nếu có), theo đó, số tiền tạm ứng này chưa phải là số tiền bồi thường cuối cùng được các bên thống nhất. Theo đó, Tổng Công ty ghi nhận khoản tiền PVI đã thanh toán là một khoản phải trả khác trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

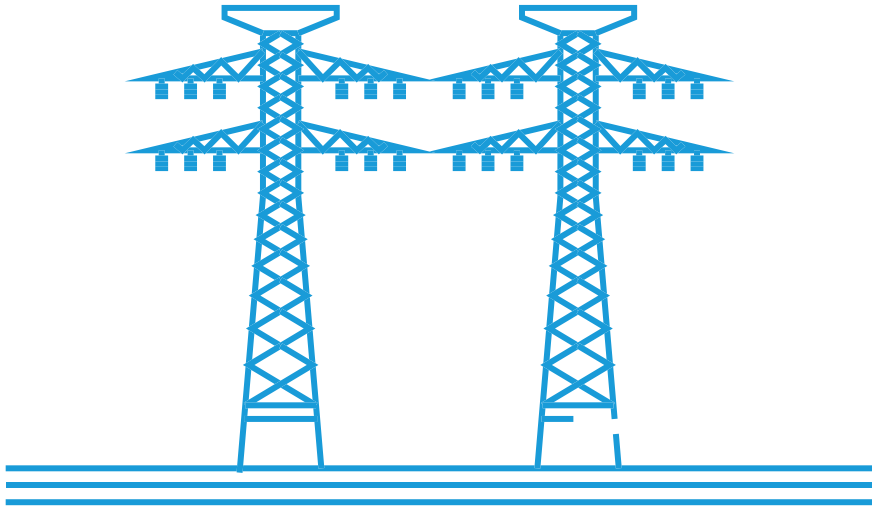
a. Ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giảm VND	Tăng VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	4.866.011.818.478	4.866.011.818.478	-	16.470.791.850.361	16.685.891.217.499	4.650.912.451.340
Vay dài hạn đến hạn trả	640.579.267.832	640.579.267.832	2.897.111.104	887.496.897.815	690.375.175.735	834.803.878.808
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	-	-	-	150.000.000.000	500.000.000	149.500.000.000
	5.506.591.086.310	5.506.591.086.310	2.897.111.104	17.508.288.748.176	17.376.766.393.234	5.635.216.330.148

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.941.861.647.204	2.276.701.591.838
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	1.368.583.129.130	643.399.548.036
Ngân hàng TNHH bank of China (Hong Kong)	554.219.561.057	180.806.644.170
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	399.074.363.492	-
Ngân hàng Citibank	217.779.352.393	900.000.000.000
Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited	115.269.176.793	186.031.767.989
United Overseas Bank (Vietnam) Limited	169.224.588.409	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	100.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam	-	400.000.000.000
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	-	63.972.899.307
	4.866.011.818.478	4.650.912.451.340

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh thanh toán. Lãi suất cho vay được thỏa thuận theo từng lần giải ngân.



b. Dài hạn

Số đầu năm			Trong năm		
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá
Vay dài hạn (i)	4.216.649.276.076	4.216.649.276.076	6.238.550.435.858	2.626.306.383.113	(16.035.857.357)
Trái phiếu phát hành	149.500.000.000	149.500.000.000	500.000.000	150.000.000.000	-
	4.366.149.276.076	4.366.149.276.076	6.239.050.435.858	2.776.306.383.113	(16.035.857.357)
Trong đó					
Vay dài hạn đến hạn trả	834.803.878.808	834.803.878.808			
Vay dài hạn	3.381.845.397.268	3.381.845.397.268			
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	149.500.000.000	149.500.000.000			

Số cuối năm		
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn (i)	7.812.857.471.464	7.812.857.471.464
Trái phiếu phát hành	-	-
	7.812.857.471.464	7.812.857.471.464
Trong đó		
Vay dài hạn đến hạn trả	640.579.267.832	640.579.267.832
Vay dài hạn	7.172.278.203.632	7.172.278.203.632
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	-	-

Chi tiết các khoản vay dài hạn theo ngân hàng như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.669.824.174.557	-
Ngân hàng Sumitomo Mitsui Singapore	2.361.838.380.417	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.220.082.100.058	1.019.149.226.086
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	815.000.000.000	53.943.118.976
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	369.242.398.159	448.223.605.127
Ngân hàng HSBC	181.892.037.683	424.722.402.077
Ngân hàng TMCP An Bình	124.984.560.000	184.984.560.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	42.317.534.875	64.394.257.939

Chi tiết các khoản vay dài hạn theo ngân hàng như sau: (Tiếp theo)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Đại Dương	27.676.285.715	30.536.285.714
Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á	-	1.837.709.192.596
Tổ hợp Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản và Ngân hàng Sumitomo Mitsui	-	92.048.412.625
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	60.938.214.936
	7.812.857.471.464	4.216.649.276.076
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	640.579.267.832	834.803.878.808
Số phải trả sau 12 tháng	7.172.278.203.632	3.381.845.397.268

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty được giải ngân bằng Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam để phục vụ đầu tư các dự án xây dựng và nâng cấp các nhà máy điện của Tổng Công ty. Các khoản vay này được Tổng Công ty vay dưới hình thức tín chấp, được bên thứ 3 bảo lãnh hoặc được bảo đảm bằng tài sản của Tổng Công ty.

Các khoản vay được phân loại theo đồng tiền giải ngân như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay bằng Đô la Mỹ	2.543.730.418.100	2.354.480.007.298
Vay bằng Việt Nam Đồng	5.269.127.053.364	1.862.169.268.778
	7.812.857.471.464	4.216.649.276.076

Các khoản vay dài hạn được phân loại theo loại hình đảm bảo như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bảo lãnh của bên thứ ba	181.892.037.684	2.418.874.265.237
Tín chấp	4.050.593.629.118	1.467.372.831.213
Bảo đảm bằng tài sản	3.580.371.804.662	330.402.179.626
	7.812.857.471.464	4.216.649.276.076

Các khoản vay của Tổng Công ty được ký hợp đồng theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Các khoản vay được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay theo lãi suất thả nổi	7.812.857.471.464	4.124.600.863.451
Vay theo lãi suất cố định	-	92.048.412.625
	7.812.857.471.464	4.216.649.276.076

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	640.579.267.832	834.803.878.808
Trong năm thứ hai	855.289.996.307	576.062.585.852
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.564.412.733.205	1.007.457.849.032
Sau năm năm	3.752.575.474.120	1.798.324.962.384
	7.812.857.471.464	4.216.649.276.076
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	640.579.267.832	834.803.878.808
Số phải trả sau 12 tháng	7.172.278.203.632	3.381.845.397.268

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, dự phòng phải trả phản ánh chi phí bảo trì, sửa chữa lớn được Tổng Công ty trích trước cho Nhà máy Điện Cà Mau 1, Nhà máy Điện Cà Mau 2, Nhà máy Điện Nhơn Trạch 1 và Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, cụ thể như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	1.938.818.690.837	2.149.175.600.639
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	1.202.006.799.358	557.124.739.662
Các khoản dự phòng đã sử dụng, hoàn nhập dự phòng	(258.970.163.554)	(767.481.649.464)
Số cuối năm	2.881.855.326.641	1.938.818.690.837

Chi tiết:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	717.886.349.870	205.455.087.777
Dự phòng phải trả dài hạn	2.163.968.976.771	1.733.363.603.060
	2.881.855.326.641	1.938.818.690.837



23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (i)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022	23.418.716.000.000	(274.807.025)	225.720.372.645	(191.305.728.000)	2.174.558.130.932	3.010.430.220.648	2.487.533.521.393	31.125.377.710.593
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	2.060.858.298.332	492.070.271.815	2.552.928.570.147
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	1.468.716.088.814	(1.468.716.088.814)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý	-	-	-	-	-	(182.154.978.177)	(15.004.238.223)	(197.159.216.400)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(199.582.415.850)	(199.582.415.850)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	-	(91.080.554)	41.546.706	(64.612.305)	(114.146.153)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	23.418.716.000.000	(274.807.025)	225.720.372.645	(191.305.728.000)	3.643.183.139.192	3.420.458.998.695	2.764.952.526.830	33.281.450.502.337
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.038.363.942.297	244.578.199.121	1.282.942.141.418
Trích quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	-	-	-	396.176.559.571	(396.176.559.571)	-	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng viên chức quản lý (ii)	-	-	-	-	-	(153.061.259.069)	(17.904.893.506)	(170.966.152.575)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(367.690.547.917)	(367.690.547.917)
Nhận thêm vốn góp trong năm	-	-	-	-	-	-	81.900.000.000	81.900.000.000
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	-	-	-	1.275.001.243	(1.275.001.243)	-
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	-	-	11.794.384.157	(1.156.500)	11.793.227.657
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	23.418.716.000.000	(274.807.025)	225.720.372.645	(191.305.728.000)	4.039.359.698.763	3.922.654.507.752	2.704.559.126.785	34.119.429.170.920

(i) Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm một phần là lợi nhuận sau thuế có nguồn gốc trong giai đoạn Tổng Công ty chưa chính thức chuyển sang công ty cổ phần (do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ) và thuộc Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam với số tiền là 284.132.094.050 VND. Khoản lợi nhuận sau thuế này sẽ do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quyết định phê duyệt phân phối lợi nhuận (không phân phối cho cổ đông ngoài Tập đoàn).

(ii) Tổng Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ viên chức quản lý theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ và các công ty con.

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 07 tháng 09 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 23.418.716.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp sửa đổi			Số cuối năm		Số đầu năm	
Cổ đông	VND	%	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18.721.414.770.000	79,94%	18.721.414.770.000	79,94%	18.721.414.770.000	79,94%
Các cổ đông khác	4.697.301.230.000	20,06%	4.697.301.230.000	20,06%	4.697.301.230.000	20,06%
	23.418.716.000.000	100%	23.418.716.000.000	100%	23.418.716.000.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.341.871.600	2.341.871.600
Cổ phiếu phổ thông	2.341.871.600	2.341.871.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.341.871.600	2.341.871.600
Cổ phiếu phổ thông	2.341.871.600	2.341.871.600

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 39/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, Đại hội cổ đông đã thông qua việc không chi trả cổ tức năm 2022. Lợi nhuận năm 2022 được phân phối cho Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi.

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	569.172	5.630,00
Đồng Euro (EUR)	208	1.695,76

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh điện năng và xây dựng các dự án điện độc lập. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng. Theo đó, không có Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 26 và số 27.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Các nhà máy sản xuất điện và các khách hàng mua điện của Tổng Công ty đều hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cần phải trình bày.

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán điện (i)	28.253.679.126.675	27.968.663.508.222
Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.678.452.015	49.961.111.778
Doanh thu bán nguyên vật liệu và phế phẩm	-	205.493.435.975
	28.329.357.578.690	28.224.118.055.975
Doanh thu với các bên liên quan (trình bày ở Thuyết minh số 37)	246.940.302.898	262.590.615.296

- (i) Trong năm 2023, Tổng Công ty đã xuất hóa đơn điều chỉnh giảm doanh thu bán điện cho giai đoạn từ 2008 - 2015 (giai đoạn Tổng Công ty chưa chính thức chuyển sang công ty cổ phần) với số tiền là 44.920.737.202 VND do công suất khả dụng thực tế có khả năng điều độ của Nhà máy điện Cà Mau 1&2 không đạt như công suất khả dụng công bố căn cứ theo quy định tại điều 12.2 Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Điện Cà mau 1&2 số 01/ĐLDKCM-EVN-2008 ký ngày 08 tháng 01 năm 2008 về bồi thường ấn định trước. Khoản điều chỉnh giảm doanh thu này có nguồn gốc trong giai đoạn Tổng Công ty chưa chính thức chuyển sang công ty cổ phần (do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ).

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán điện	25.556.513.226.751	24.341.513.432.317
Giá vốn dịch vụ	68.593.350.586	33.570.671.872
Giá vốn bán nguyên vật liệu và phế phẩm	-	122.929.847.476
	25.625.106.577.337	24.498.013.951.665

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.733.750.926.693	19.592.542.363.169
Chi phí nhân công	879.956.962.421	816.057.233.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.808.755.417.224	2.809.393.991.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.566.212.470.284	1.736.783.820.331
Chi phí khác	1.866.792.078.771	462.705.246.353
	26.855.467.855.393	25.417.482.654.638

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	452.522.588.657	319.109.165.043
Cổ tức, lợi nhuận được chia	60.131.179.257	68.357.900.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	30.267.677.503	56.111.951.599
Lãi chuyển nhượng vốn	-	1.640.680.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	656.614.987	1.323.920
	543.578.060.404	445.221.020.562

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay (i)	564.748.639.578	437.526.336.797
Lỗ chênh lệch tỷ giá	84.935.461.626	119.583.934.626
Chi phí tư vấn tái cấu trúc	64.552.844.931	1.424.395.243
Chi phí cho các khoản vay	10.727.912.736	11.413.843.358
Chi phí phát hành trái phiếu	500.000.000	5.566.666.696
Chi phí tài chính khác	4.182.265.494	16.271.361.357
	729.647.124.365	591.786.538.077

- (i) Chi phí lãi vay đã bao gồm 66.565.245.529 VND là chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 75/PV-PVPOWER/TD11 ngày 29 tháng 12 năm 2011 và Phụ lục Hợp đồng số 75/PV-PVPOWER/TD11/PL01 ngày 03 tháng 7 năm 2014. Khoản chi phí lãi vay này có nguồn gốc trong giai đoạn Tổng Công ty chưa chính thức chuyển sang công ty cổ phần (do Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ).

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	420.291.357.783	381.360.289.271
Chi phí khấu hao	30.831.359.237	34.745.872.682
Chi phí vật liệu quản lý	21.239.675.412	22.468.170.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.817.175.852	128.205.359.571
Các khoản dự phòng	418.690.663.213	17.444.628.059
Chi phí quản lý khác	231.253.824.103	283.379.062.442
	1.268.124.055.600	867.603.382.318

32. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a. Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản	124.824.345.738	1.874.559.978
Thu nhập phạt vi phạm hợp đồng	4.592.604.814	3.178.227.499
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm	2.481.557.152	19.646.893.214
Thu nhập khác	30.192.679.046	42.438.478.004
	162.091.186.750	67.138.158.695
b. Chi phí khác		
Chi phí phạt hợp đồng	1.159.100.234	-
Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	-	14.083.100.111
Chi phí khác	9.047.025.087	8.978.010.435
	10.206.125.321	23.061.110.546
Lợi nhuận khác	151.885.061.429	44.077.048.149

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ kinh doanh điện	228.704.999.398	235.995.913.176
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động khác	6.200.256.283	4.769.939.524
	234.905.255.681	240.765.852.700

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(75.779.362.785)	15.539.750.493
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(75.779.362.785)	15.539.750.493

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
		Trình bày lại
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.038.363.942.297	2.060.858.298.332
Trừ: Số tiền trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(153.061.309.494)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.038.363.942.297	1.907.796.988.838
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	2.341.871.600	2.341.871.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	443	815

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa xác định số tiền trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023, do đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2023 có thể sẽ thay đổi khi Tổng Công ty có quyết định về việc trích quỹ trong tương lai.

Số liệu trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022 được trình bày lại dựa trên các Nghị Quyết và Quyết định của Tổng Công ty và các Công ty con về việc phân phối lợi nhuận năm 2022. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 được trình bày lại là 815 VND/cổ phiếu (số đã trình bày ở báo cáo năm trước là 871 VND/cổ phiếu).

35. CÁC KHOẢN TIỀM TÀNG

Tháng 9 năm 2021, Tổ máy số 1 thuộc Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 của Tổng Công ty gặp sự cố kỹ thuật và phải tạm dừng hoạt động để phục vụ sửa chữa. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổ máy số 1 đã hoàn thành việc sửa chữa. Tổng Công ty và các bên liên quan đang trong quá trình thống nhất phạm vi và số tiền bảo hiểm được đền bù.

Doanh thu bán điện phát sinh từ chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá tại thời điểm trả nợ gốc vay của khoản vay để đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 và Nhà máy Thủy điện Đakdrin và tỷ giá trong phương án giá điện của các nhà máy này cho giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2023 và phần còn lại doanh thu bán điện phát sinh từ chênh lệch tỷ giá của các nhà máy điện này cho năm 2019 sẽ được ghi nhận khi có phê duyệt của Bộ Công thương và các biên bản đàm phán liên quan đến chênh lệch tỷ giá nói trên.

Theo các Thỏa thuận và Biên bản hợp về việc tạm thanh toán phí vận hành và bảo dưỡng cầu thành giá bán điện cho các Nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 giữa Tổng Công ty và EPTC-EVN, chi phí vận hành và bảo dưỡng cầu thành giá bán điện của các nhà máy điện Cà Mau 1 và Cà Mau 2 từ ngày 01 tháng 1 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 được xác định trên cơ sở tạm tính. Chi phí vận hành và bảo dưỡng cầu thành giá bán điện này sẽ được điều chỉnh lại khi Tổng Công ty và EPTC-EVN ký kết Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng mua bán điện.

Theo Hợp đồng mua bán điện ngày 17 tháng 8 năm 2016 giữa Tổng Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam, thông số tổng mức đầu tư cầu thành giá bán điện cho Nhà máy điện Vũng Áng 1 được xác định trên tổng mức đầu tư kế hoạch của Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Thông số tổng mức đầu tư cầu thành trong giá bán điện này sẽ được điều chỉnh lại khi Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 được quyết toán giá trị vốn đầu tư và các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Liên quan đến việc thanh tra chấp hành pháp luật về thuế tại Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2 – Công ty con của Tổng Công ty), đối với một số vấn đề vướng mắc do đặc thù ngành nghề, hiện tại, NT2 và Tổng Công ty đang tiếp tục giải trình và kiến nghị với Đoàn thanh tra – Tổng Cục thuế và các cơ quan có thẩm quyền để có kết luận cuối cùng.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021, Ủy ban Nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định số 4267/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 116.482 m2 của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (Công ty con của Tổng Công ty) để thực hiện dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 tại khu công nghiệp Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Theo đó, Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các bên liên quan và cơ quan hữu quan để hoàn thiện thủ tục chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến diện tích đất thu hồi.

36. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo Quyết định số 628/QĐ-ĐLĐK ngày 21 tháng 7 năm 2020, Tổng Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4 do Tổng Công ty là chủ đầu tư. Công suất dự kiến của mỗi nhà máy là khoảng từ 650 MW đến 880 MW với công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp, cấu hình đa trục hoặc đơn trục. Tổng mức đầu tư sau thuế của Dự án là 32.486.933.657.876 VND, cơ cấu nguồn vốn là 25% vốn chủ sở hữu và 75% vốn vay. Giá bán điện được xây dựng trên nguyên tắc chuyển ngang chi phí nhiên liệu khí từ Hợp đồng mua bán khí sang Hợp đồng mua bán điện tại Văn bản số 03/TB-VPCTP ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty và Tổng Công ty Khí Việt Nam ký kết “Hợp đồng khung cung cấp và tiêu thụ LNG cho dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhà máy điện Nhơn Trạch 4”. Theo đó, lượng khí/năm hợp đồng dự kiến cho mỗi nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4 là khoảng 850 triệu m3 khí/năm tương đương với 0,58 triệu tấn LPG. Khối lượng khí chính thức sẽ được xác định chính xác trong giai đoạn sau và sẽ được quy định chi tiết trong Hợp đồng Mua bán Khí.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, Tổng Công ty và Liên danh nhà thầu Tập đoàn Samsung C&T và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP đã ký “Hợp đồng Thiết kế, mua sắm, xây dựng, lắp đặt, chạy thử và nghiệm thu (EPC) Nhà máy điện Nhơn Trạch 3 và Nhơn Trạch 4”. Theo đó, tổng giá trị hợp đồng là 481.645.000 USD và 10.478.727.901.878 VND.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, Tổng Công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ký Hợp đồng mua bán khí cho Nhà máy điện Cà Mau 1&2, trong đó hai bên thống nhất về Lượng Khí Giao Hàng Năm, Lượng Khí Nhận Tối Thiểu, Lượng Khí Ngày từ năm 2022 đến năm 2025.

37. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Các đơn vị trong tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng	246.940.302.898	262.590.615.296
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	239.332.751.808	260.058.351.606
Trường Cao đẳng nghề dầu khí	6.526.300.000	1.138.400.000
Ban quản lý Dự án Điện lực Long Phú	646.536.363	-
Ban quản lý dự án điện Sông Hậu 1	434.714.727	-
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	1.393.863.690

Mua hàng hóa và dịch vụ	15.788.170.435.514	14.151.796.580.358
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	7.923.535.983.791	6.027.122.358.441
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	5.586.159.777.633	5.715.261.713.716
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	1.548.986.645.105	2.310.980.737.767
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	584.550.981.037	62.714.544.896
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	106.818.362.039	-
Viện Dầu khí Việt Nam	19.135.801.673	17.090.641.166
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	13.935.520.544	13.809.304.464
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	3.168.937.801	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	899.500.000	-
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	853.100.000	824.230.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát Dầu khí	125.825.891	128.156.000
Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	3.695.293.908
Trường Đại Học Dầu Khí Việt Nam	-	169.600.000

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập khác	803.799.344	803.726.112
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	665.526.620	665.453.388
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	138.272.724	138.272.724
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	-	1.138.400.000
Chi phí lãi vay	152.614.869.510	88.248.567.345
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	152.614.869.510	88.248.567.345
Lãi vay vốn hóa	29.781.130.335	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	29.781.130.335	-
Lãi tiền gửi	62.834.444.693	43.762.641.398
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	62.834.444.693	43.762.641.398

Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát được hưởng tại Công ty mẹ trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Hoàng Văn Quang	440.513.528	-
Ông Hồ Công Kỳ	674.663.818	1.119.037.939
Ông Lê Như Linh	(*)	(*)
Bà Vũ Thị Tố Nga	880.957.068	930.493.886
Bà Nguyễn Hoàng Yến	973.065.350	1.031.494.054
Ông Nguyễn Anh Tuấn	898.182.371	966.298.494
Ông Vũ Chí Cường	857.995.222	1.091.758.399
Ông Nguyễn Bá Phước	323.580.218	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	901.107.066	967.843.188
	5.950.064.641	6.106.925.960

(*) Đã được trình bày ở phần Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như chi tiết bên dưới.

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ban Tổng Giám đốc/ Kế toán trưởng		
Ông Lê Như Linh	1.049.423.886	1.114.042.692
Ông Nguyễn Duy Giang	935.816.439	1.007.302.359
Ông Nguyễn Mạnh Tường	1.017.921.861	927.064.410
Ông Nguyễn Minh Đạo	903.041.123	957.850.613
Ông Nguyễn Kiên	902.831.689	955.615.287
Ông Phan Ngọc Hiền	894.864.154	953.729.219
Ông Ngô Văn Chiến	823.025.053	901.634.301
Ông Trương Việt Phương	64.125.958	-
Ông Chu Quang Toàn	921.126.126	949.581.389
	7.512.176.289	7.766.820.270

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ban Kiểm soát		
Ông Phạm Minh Đức	427.893.954	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	425.525.728	-
Bà Đoàn Thị Thu Hà	729.435.272	846.985.076
Bà Vũ Thị Ngọc Dung	840.336.855	915.625.076
Bà Hà Thị Minh Nguyệt	875.085.754	952.147.394
Ông Vũ Quốc Hải	601.522.441	1.006.548.332
Bà Lý Thị Thu Hương	428.219.935	884.555.076
	4.328.019.939	4.605.860.954

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.692.161.798.665	1.092.697.898.962
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	1.692.161.798.665	1.092.697.898.962
Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính: (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	64.511.285.781	58.985.102.061
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	58.803.849.843	57.797.129.699
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	4.563.397.000	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.111.335.085	1.111.335.085
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	28.499.847	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	4.204.006	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	63.962.277
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	-	12.675.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	30.000.000	960.000.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	30.000.000	960.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	247.708.780.456	244.500.702.972
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	218.489.976.676	218.489.976.676
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	20.217.829.253	20.217.829.253
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	8.141.753.422	4.755.616.437
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	845.101.105	845.101.105
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	14.120.000	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	-	192.179.501
Phải trả người bán ngắn hạn	13.401.899.425.629	5.901.189.321.226
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	10.956.198.960.603	4.373.551.218.808
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	2.440.734.385.642	1.508.569.093.119
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	1.279.165.595	1.242.837.402
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.221.489.120	13.890.984.976
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	1.150.418.720	3.323.081.356
Viện Dầu khí Việt Nam	1.105.632.604	329.105.565
Tổng Công ty phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	209.373.345	-
Trường Cao đẳng Nghề Dầu khí	-	283.000.000

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Người mua trả tiền trước	-	1.962.903.000
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	1.962.903.000
Chi phí phải trả	1.121.316.265.771	1.727.381.005.473
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.004.114.947.821	1.694.401.336.516
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	111.555.176.241	32.979.668.957
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.646.141.709	-
Phải trả khác	2.292.900.339.410	2.242.590.619.141
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.292.900.339.410	2.242.590.619.141
Vay	1.220.082.100.058	1.019.149.226.086
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	1.220.082.100.058	1.019.149.226.086



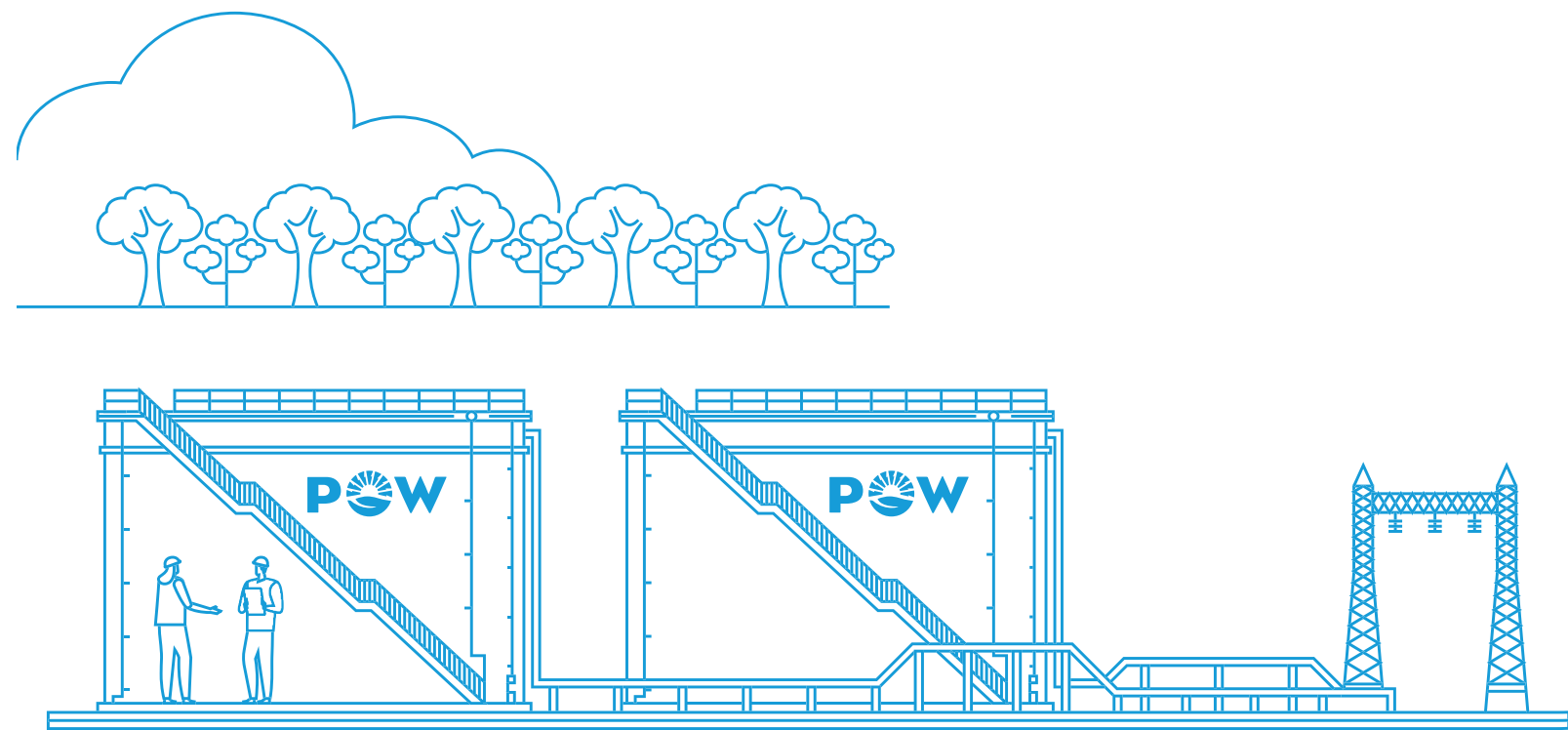
Quách Thị Hồng Liên
Người lập



Chu Quang Toàn
Kế toán trưởng



Lê Như Linh
Tổng Giám đốc

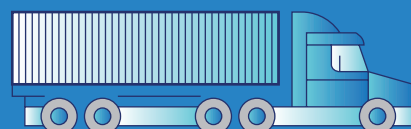
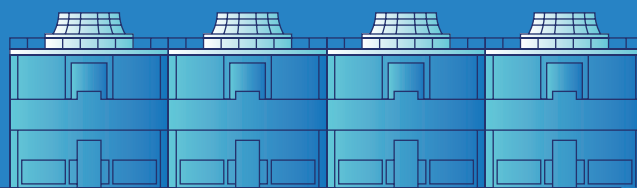
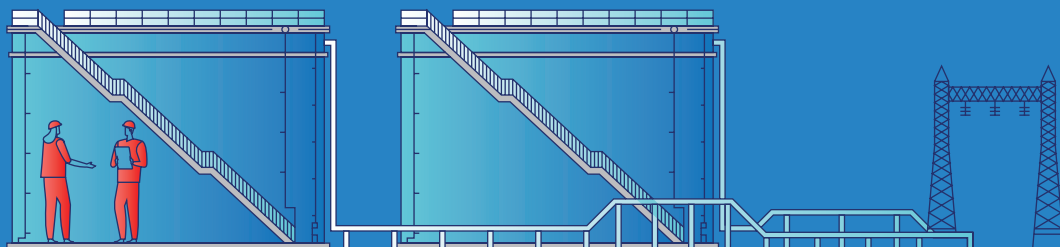




TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

A: Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội

T: (024)2210288 | F: (024)2210388



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023